



Tập-San

ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ
Thất thập bát niên
Tòa-Thánh Tây-Ninh

THẾ ĐẠO



Tập mới

số 20

10 -2003

- * Đức Thanh Sơn Đạo-Sĩ tức Trọng Trình
Nguyễn Bình Khiêm (của Đức Nguyên)
- * Tụng Kinh (của Hiền Tài Lê Văn Thâm).
- * Kinh Dịch với Đông Y
(của BS Nguyễn Văn Thọ)



TẬP SAN THẾ ĐẠO

I-TÔN CHỈ-MỤC ĐÍCH

Tập San Thế Đạo truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời *Chuyển thế*.

II-CHỦ TRƯỞNG

Tập San Thế Đạo là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh.

Tập-San Thế Đạo xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, Nhơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

Tập San Thế Đạo là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

Tập San Thế Đạo có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

Tập-San Thế-Đạo



TẬP-SAN THẾ ĐẠO

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ
Phó Chủ Nhiệm; Cao Ninh.
Chủ bút: Quốc Đạt.

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Cầu, Mai Văn Tim, Nguyễn Đăng Khích, Lê Quan Liêm, Dương Văn Ngựa, Nguyễn Văn Qui, Nguyễn Ngọc Dũ.

Công tác thường xuyên:

Tiến-Sĩ Nguyễn Thanh Liêm, Tiến Sĩ Nguyễn Anh Tuấn, Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Duy Văn, Trần Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Hoàng Hồ, Kim Minh, Lê Văn Năm, Tố Nguyên, Song Nguyên, Trần Văn Ô, Tam Thanh, Quang Thông, Thi Đàn Vườn Huệ Trắng.

Yểm trợ:

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại/
Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.

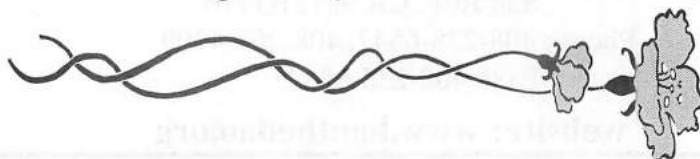
Fax# 408-238-6547

website: www.banthedao.org

MỤC LỤC



1-Thanh Sơn Đạo sĩ tức Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm (Đức Nguyên)	3
2-Ý nghĩa và sự quan trọng của việc cúng kiếng (HT Nguyễn Trung Đạo)	33
3-Tụng kinh (HT Lê Văn Thâm)	41
4-Vườn thơ	56
5-Đại-Hội Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới kỳ 2	61
6-Kinh dịch với Đông Y (BS Nguyễn Văn Thọ)	65
7-Suy tìm Thiên Ý (Đạt Thông Dương Văn Ngừa)	95
8-Con đường cứu rỗi của Đạo Cao-Đài (Quang Thông)	106
9-Liên lạc với Ban Thế-Đạo Hải Ngoại	119
10-Danh sách đồng đạo / thân hữu và cơ-sở yểm trợ Tập-San Thế-Đạo	121
11-Chúc mừng / Phân Ưu	124
12-Tóm lược Hội Tương Tế Cao-Đài	136
13-Tin tức	138
14-Vài hình ảnh sinh hoạt	141
15 Truyện tình cảm xã-hội:	
- Tình người của Hoàng Minh	145
-Cô Gái Việt và người chiến binh Mỹ của Ngành Mai	161
16-Việc gia nhập vào Ban Thế-Đạo Hải Ngoại với danh hiệu Hiền Tài Dự Phong	177
17-Những Bảo Trợ Viên TSTĐ	190



Lời Toà Soạn: Tập-San Thế-Đạo có nhận được ý kiến của nhiều độc giả yêu cầu Toà-Soạn cho đăng tiểu-sử của Tam Thánh : Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm), Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) và Tôn Trung Sơn (Tôn Văn hay là Tôn Dật Tiên).

Do đó kể từ số này, chúng tôi xin bắt đầu đăng tiểu sử của Tam Thánh mà bắt đầu là Tiểu-Sử của Thanh-Sơn Đạo Sĩ tức là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Tập San Thế-Đạo rất mong được sự hưởng ứng của quý độc giả

THANH SƠN ĐẠO SĨ:

Thanh Sơn Đạo Sĩ là Thánh hiệu của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Ngài hiện nay là Sư Phó Chưởng quản Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng Liêng.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cùng với 2 vị Thánh của Bạch Vân Động là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) và Tôn Trung Sơn (Tôn Văn hay Tôn Dật Tiên) được lệnh Đức Chí Tôn viết ra để công bố bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước giữa Đức Chí Tôn và Nhơn loại thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, với nội dung rất đơn giản như sau:

“THIÊN THƯỢNG – THIÊN HẠ : BÁC ÁI – CÔNG BÌNH”

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cho các vị Thánh trong Bạch Vân Động giáng trần để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai mở ĐĐTKPĐ.

Các vị Thánh nơi Bạch Vân Động còn có nhiệm vụ hộ giá Đức Phật Mẫu, nên mỗi khi cúng Đức Phật Mẫu nơi Báo An Từ hay Điện Thờ Phật Mẫu, chúng ta đều có nhiệm vụ: “Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.”

Ba vị Tiên Nương Diêu Trì Cung có thơ khen Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ:

Hay Thanh Sơn ! Giỏi Thanh Sơn!

Trung nghĩa về Tiên cũng ngậm hờn.

**Tam Thánh đang ký
bản Đệ Tam Thiên Nhon Hoà Ước**



TAM THÁNH

- 1- Đức Thanh Sơn Đạo-Sĩ tức
Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.
- 2- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức Victor Hugo.
- 3- Đức Tôn Trung Sơn tức Tôn Văn hay Tôn Dật Tiên

Cấm tú thêu oan thành khí giới,
Văn chương khảo tội hóa côn quờn.
Rung chuông tỉnh thế ba kỳ thức,
Hồi trống truy hồn bá tánh khôn.
Trị loạn sấn tay nâng vạc ngả,
Anh linh muôn kiếp nước Nam đồn.

LỤC NƯƠNG Diêu Trì Cung

Tài Thanh Sơn! Trí Thanh Sơn!
Câu Văn tuyệt bút vẽ nên hồn.
Giục lòng chí sĩ chưa vừa sức,
Múa viết Thần Tiên đủ chấp quờn.
Dệt thảm lê dân Trời cảm cảnh,
Khêu sấu xã tắc Đất kinh hồn.
Nấn nhôi trí huệ thành binh khí,
Rèn chất anh thư đắp lũy đồn.

THẤT NƯƠNG Diêu Trì Cung

Trung Thanh Sơn! Nghĩa Thanh Sơn!
Bởi tại đâu ăn oán nuốt hồn?
Nát mật khó xem nhà vắng chủ,
Bầm gan há chịu nước không quờn.
Câu văn ái chủng gần dân khí,
Tiếng sấm ưu hương định quốc hồn.
Lập chí ôn nhu là đắp lũy,
Nung lòng đạo đức ấy xây đồn.

BÁT NƯƠNG Diêu Trì Cung

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thường giảng cơ dạy đạo nơi Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kiêm Biên (Nam Vang). Sau đây, xin chép ra 2 bài quan trọng:

Phò loan:
(Nam Vang) đêm 13-8-
Giám Đạo Lợi,
13-4-1956) Hội thời.
Hữu Phan Quân Thoạii.

Báo An Đường

Bính Thân (dl

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bản đạo xin chào Hộ Pháp, Bảo Đạo và chư Hiền Nam Nữ.

Thấm thoát nền Đại Đạo khai nơi Tần quốc đã 30 năm. Ngày ấy chính Chí Tôn sai Hộ Pháp đến để gieo hạt Thánh cốc. Từ ấy những nay, thì các tay chấp chánh Đạo quyền nơi nầy không tô bồi thêm, trái lại làm cho phân chia tâm lý. Cơ ấy là chỗ ham quyền trọng vị. Các Chức sắc thiên phong lãnh thiên mạng nơi mình không làm xong phận. Ngồi thì ham, quyền thì muốn, mà hành động cho xứng lại không. Thử hỏi họ vung Thiên mạng đến để làm gì kia chớ?

Họ phải cho xứng phận là anh, thầy, để gần gũi nhưn sanh, chia việc đau, an ủi điều khổ.

Hôm nay Hộ Pháp đã đến thì cả Chức sắc Thiên phong phải ráng thiệt thi hành quyền của mình, hư thì bỏ, nên thì để, rửa ráy Thánh Thể Đức Chí Tôn cho nên hình. Vạy khá liệu lấy.

Có Quyền Giáo Tông đến. Thăng.

TÁI CẦU:

Phò loan:
Hộ Pháp,
Bảo Đạo.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Qua chào mấy em.

Khi nầy, Đức Thanh Sơn có ý khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính qua cũng nhìn nhận mấy em thiếu kém công nghiệp cùng đạo.

Mấy em Nam Nữ đã thấy rõ vì lẽ nào mà Chương Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chăng?

Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Giáo Sư Thượng Bảy Thanh, Lê văn Bảy) nắm quyền đến nay, sự nghiệp đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng: vì hổ thẹn ấy mà Chưởng Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo. Các em đã hiểu rõ điều ấy.

Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp. Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ nhưng Ngài quyết hẳn vì cơ là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động đặng chia phe phân phái, lập quyền đời của họ.

Các em có biết chăng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng, tức là Đức Thanh Sơn, vì khi lãnh lĩnh Ngọc Hư, thì người đã hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền xử dụng các Chơn linh Bạch Vân Động. Hôm nay, lời nguyện ấy đã thất.

Qua nhường cơ lại cho Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn.
Mấy em sẽ hưởng đặng một điều quý báu. Thăng.

TÁI CẦU:

THANH SƠN CHƠN NHƠN

Bần đạo trở lại là vì lời kêu nài của Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

Chư Thiên phong đủ hiểu rõ rằng: Mạng số Việt Nam nó liên quan mật thiết cùng kiếp sanh Bần đạo là thế nào, và vì lẽ gì mà Bần đạo phải giao trọn quyền điều khiển Bạch Vân Động cho Hộ Pháp.

Bảo Đạo! Thì Bần đạo cũng đồng tâm bịnh với Hiền hữu.

Cười... Bảo Đạo nghe:

THI:

Hoành Sơn phân nước trót đôi lần,

Khí số bấy chữ dứt Nguyễn Quân.
Lời sấm đoán văn khi thật quả,
Tiên tri toán số gấm không lấm.
An dân buồn thiếu trang hiền sĩ,
Bảo quốc vui nhờ Đức Thánh nhân.
Suy thanh nước nhà do trị loạn,
Cũng như đồng mẫn tới hồi xuân.

Đọc lại rồi kiểm nghĩa đặng hiểu.
Bản đạo có tái giảng đặng hiệp ý cùng nhau. Thăng.

Vài bài thi của Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ giảng cơ:

Bạch Văn nhân lạc khổ thân già,
Thương kẻ nặng mang nợ quốc gia.
Đời rạn lưu tồn gương nhật nguyệt,
Đạo thành vạn đại chiếu sơn hà.
Thiện nam gắng giữ nền nhân nghĩa,
Chơn nữ hằng ghi thuyết cộng hòa.
Trách nhiệm thiết hành cho vẹn phận,
Hong ân chung hưởng buổi âu ca.
(TNHT)

*

Biển chuyển Trời Nam cuộc đảo huyền,
Trả vay cho sạch vết oan khiên.
Trường đời đem thử gan anh tuấn,
Cửa Đạo mới ra mặt Thánh Hiền.
Đau khổ rán gòn như nghĩa vẹn,
Tang thương chờ hưởng huệ ân riêng.
Non sông Việt chủng ngày êm lặng,
Chung sức cùng nhau đức lập quyền.
(TNHT)

*

THI TIÊN TRI

Chùng nào chi Pháp đã ra đi,
Lúc ấy Đạo Trời gặp vận suy.

Chức sắc chuộng quyền hơn chuộng Đạo,
Nhơn sanh lo cốt chẳng lo bì.
Mão cao dễ rớt nên thành nhất,
Cổ ngắn không kêu phải hóa lì.
Khảo thí lọc lừa trường hắc bạch,
Chung lo hiệp sức thoát cơn nguy.

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Thanh Sơn Đạo Sĩ là Thánh hiệu của Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm (1491-1585) của Việt Nam. Tiên kiếp của Trạng Trình là Bạch Vân Hòa Thượng ở bên Tàu. Chơn linh của Bạch Vân Hòa Thượng là một chiết linh của Từ Hàng Bồ Tát.

Sau đây là Tiểu sử của Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm.

Tiểu sử Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm (1491-1585):

Ong Nguyễn bỉnh Khiêm, đạo hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, người làng Trung Am huyện Vĩnh Lại, tiên tổ ngày xưa tu nhân tích đức đã nhiều (nay không thể khảo cứu được), chỉ biết từ đời cụ Tổ thì được tập phong Thiếu Bảo Tư Quận Công, mỹ tự là Văn Tĩnh, cụ Bà được phong Chính Phu Nhân Phạm thị Trinh Huệ, nguyên trước các cụ lập gia cư ở nơi có núi sông bao bọc, hợp với kiểu đất của Cao Hiền.

Phụ thân được tặng phong Thái Bảo Nghiêm Quận Công, mỹ tự là Văn Định, đạo hiệu Cù Xuyên Tiên sinh, nguyên người học rộng tài cao, lại có đức tốt, được sung chức Thái Học Sinh.

Thân mẫu họ Nhữ, được phong Từ Thực Phu Nhân, nguyên người ở An Tử Hạ thuộc huyện Tiên Minh, là con gái quan Hộ Bộ Thượng Thư Nhữ văn Lan.

Bà vốn là người thông minh, học rộng văn hay, lại tinh cả môn tướng số. Ngay thời Hồng Đức mà bà đã tính được rằng vận mệnh nhà Lê chỉ sau 40 năm nữa thì sẽ suy đồi. Vì có một chí hướng phò vua giúp nước của bậc trượng phu, muốn chọn một người vừa ý mới chịu kết duyên, nên đã chờ ngót 20 năm

trời. Khi gặp ông Văn Định, có tướng sinh được quý tử, nên Bà mới lấy.

Nhưng lại gặp một trang thiếu niên trong lúc sang bến đò Hàn, thuộc con sông Tuyết giang, thì Bà ngạc nhiên than rằng: “Lúc trẻ chẳng gặp, ngày nay tới đây làm gì?”

Những người theo hầu không hiểu ra sao, cầm roi đánh đuổi thiếu niên ấy đi, rồi sau bà hỏi lại tính danh, mới biết người ấy là Mạc Đăng Dung, khiến cho bà phải sinh lòng hối hận đến mấy năm trời.

Tiên sinh được sanh vào năm Hồng Đức thứ 21 (tức năm Tân Hợi 1491), lúc sơ sinh vóc người có vẻ hùng vĩ, khi chưa đầy năm đã biết nói. Một hôm vào buổi sáng sớm, Văn Định đương bế cậu ở trên tay, bỗng thấy cậu nói ngay lên rằng: “Mặt trời mọc ở phương đông.” Ông lấy làm lạ. Rồi năm lên 4 thì phụ nhân dạy cậu học kinh truyện, hễ dạy đến đâu là cậu thuộc đến đó, và thơ quốc âm cậu đã nhớ được đến mấy chục bài.

Lại một hôm bà đi vắng, ông ở nhà bày trò kéo dây đùa với lũ trẻ, nhân đọc bỡn một câu rằng: “Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung.” rồi ông muốn đọc tiếp một câu nữa, nhưng chưa nghĩ kịp, thì cậu đứng bên đọc luôn ngay rằng: “Vén tay Tiên, nhẵn nhẵn rung.”

Ông thấy cậu mẫn tiệp như vậy có ý mừng thầm, đợi khi bà về thuật lại cho nghe. Bà lấy làm bất mãn, nói với ông rằng: nguyệt là tượng bề tôi, có sao ông lại dạy con như thế. Ông cả thẹn xin lỗi, nhưng bà vẫn không nguôi giận, bỏ về bên cha mẹ đẻ, cách ít lâu thì mất.

Lại có truyền ngôn rằng: Lúc ông còn để chỏm, cùng với lũ trẻ ra tắm ở bến đò Hàn, khi ấy có chú thuyền buôn người Tàu, nhìn thấy tướng mạo của ông, chú bảo với mọi người rằng: “Cậu bé này có tướng rất quý, chỉ hiếm một nổi là da hơi thô, về sau chỉ làm đến Trạng Nguyên Tế Tướng mà thôi.” Vì thế nên ai cũng đoán chắc rằng ông sẽ là bậc tử phụ của quốc gia sau này.

Như ông, lúc còn niên thiếu, học vấn sở đắc ngay tự gia đình, đến khi lớn tuổi, nghe nói có quan Bảng Nhãn Lương đắc Bằng, nổi tiếng văn chương quán thế, ông bèn tìm đến để xin nhập học.

Lương Công là người ở làng Hội Trào thuộc huyện Hoàng Hóa, lúc Ngài phụng mệnh sang sứ nhà Minh, có học được phép Thái Ất Thần Kinh của người cùng họ, tức là dòng dõi của của Lương Nhữ Hốt. (ông Hốt trước hàng nhà Minh, được phong tước là Lãng Lãng Vương). Lương Công rất tinh thông về lẽ huyền vi, đem truyền lại cho ông. Đến khi Ngài bị ốm nặng, lại đem con là Lương hữu Khánh ký thác với ông, ông săn sóc dạy dỗ chẳng khác con mình. Sau này ông Khánh cũng được thành đạt.

Những năm Quang Thiệu (1516-1526) gặp lúc loạn lạc, ông về ẩn cư để dạy học trò, lấy đạo làm vui, chẳng cầu danh tiếng, nhưng sang đến thời đầu niên hiệu Thống Nguyên (tức vua Lê Cung Hoàng 1527), thì Trịnh Tuy và Mạc Đăng Dung cũng đều có ý hiệp chế Thiên tử để sai khiến chư Hầu, hai bên gây cuộc nội chiến khiến trong nước chịu cảnh lầm than. Lúc ấy, ông có cảm hứng một bài thơ rằng:

Thái hòa vũ trụ bất Ngu Chu,
Hỗ chiến giao tranh tiểu lương thù.
Xuyên huyết sơn hà tùy xứ hữu,
Uyên ngư từng tước vị thù khu.
Trùng hưng dĩ bốc độ giang mã,
Hậu hoạn ứng phòng nhập thất khu.
Thế sự đáo đầu hư thuyết trước,
Túy ngâm trạch bần nhậm nhàn du.

DỊCH:

Thái hòa chẳng thấy cảnh Ngu Châu,
Hai phái thù hằn chém giết nhau.
Nhuộm máu phơi xương dả khắp chốn,
Xua chà đuổi sể vị ai đâu?
Trùng hưng đuổi ngựa qua sông trước,
Hậu hoạn phòng beo tiến cửa sau.
Ngán nỗi việc đời thôi phó mặc,
Say rồi đạo suốt hát vài câu.

GIẢI NGHĨA:

Câu 1: Thái: Thịnh vượng, yên ổn. Hòa: Hòa bình. Vũ trụ: Cuộc đời. Bất: Chẳng. Ngu Chu: Nhà Ngu Thuấn, nhà Châu Văn Vương.

Câu 2: Hồ chiến: Đánh lộn. Giao tranh: Tranh nhau. Tiếu: Cười. Lương thù: Hai kẻ thù.

Câu 3: Xuyên: Sông. Huyết: Máu. Sơn: Núi. Hài: Hài cốt. Tỳ xứ: Tới chỗ nào. Hữu: Có.

Câu 4: Uyên: Cái đầm. Ngự: Cá. Tùng: Bụi rậm. Tước: Chim sẻ. Vị thù: Vì ai? Khu: Đuổi.

Câu 5: Trùng: Hai lần. Hưng: Dấy lên. Dĩ: Đã. Bốc: Bói. Độ giang: Qua sông. Mã: Ngựa.

Câu 6: Hậu: Sau. Hoạn: Lo. Ứng: Nên. Phòng: Để phòng. Nhập: Vào. Thất: Nhà trong. Khu: Loài gấu.

Câu 7: Thế: Đời. Sự: Việc. Đáo đầu: Đến đầu. Hư: Thôi. Thuyết: Nói. Trước: Làm được.

Câu 8: Túy: Say. Ngâm: Ngâm thơ. Trạch: Suối nước. Bạt: bên. Nhiệm: Mặc ý. Nhân du: Nhân chơi.

Sở dĩ có bài thơ trên vì ông biết rõ nhà Lê sẽ được trung hưng, dẫu rằng ngày nay tạm phải tìm kế an thân, nhưng rồi sau đây tất nhiên sẽ lại khôi phục được nước, mà câu: Beo tiến cửa sau, chỉ là nói kín đó thôi.

Quả nhiên về sau, nhà Lê trung hưng, bốn phương trở lại yên tịnh. Bấy giờ bạn hữu đều khuyên ông ra làm quan, đến năm 44 tuổi, ông mới chịu ra ứng thí. Khoa Hương thí ấy, ông được đỗ đầu, rồi năm sau, tức là năm thứ 6 đời nhà Mạc (1535), lại ra tỉnh thì được đỗ thứ nhất, khi vào Đình đối lại đỗ Tấn Sĩ đệ nhất danh, được bổ chức Đông Các Hiệu Thư. Trong thời Thái Tông nhà Mạc, ông có làm hai bài thơ: Xuân thiên ngự tửu, đều dự hạng ưu, rồi thăng chức Hữu Thị Lang Hình Bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả Thị Lang, kiêm chức Đông Các Đại Học Sĩ.

Trong 8 năm ở triều, ông có dâng sớ hạch tội 18 kẻ nịnh thần, xin đem chém để làm gương, bởi vì bốn tâm ông chỉ muốn

trăm họ đều được an vui, những người tàn tật mù lòa cũng cho họ có nghề ca hát, bói toán. Nhưng rồi gặp phải con rể tên là Phạm Dao, ý thế lộng hành. Vì sợ liên lụy đến mình, nên ông cáo quan xin về trí sĩ.

Thế là giữa năm Quảng Hòa thứ 2 (1542), ông mới 52 tuổi, đã xin trí sĩ, treo mũ về làng, dựng am Bạch Vân ở phía tả chỗ làng ông ở, và vẫn lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ.

Khi ấy, ông có bắc 2 chiếc cầu Nghinh Phong và Tràng Xuân để khi hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân ở bên sông Tuyết giang, có bia để ghi sự thực.

Ngoài ra, ông còn tu bổ chùa chiền. Có lúc cùng các lão tăng đàm luận, có khi thả một con thuyền dạo chơi Kim Hải, Ưc Hải để xem đánh cá. Còn chỗ danh sơn thắng cảnh, như núi An Tử, Ngọa Vân, Kính Chủ, Đồ Sơn, nơi nào ông cũng chống gậy trèo lên, thừa hứng ngâm vịnh, quên cả sớm chiều. Mỗi khi thấy chỗ rừng cây, chim đối giọng hót, thì ông hơn hở tự đắc, quả là một vị Lục địa Thần Tiên.

Nhưng trong thời gian dưỡng lão ở chốn gia hương, tuy rằng không dự quốc chính, thế mà họ Mạc vẫn phải kính trọng như một ông thầy. Những việc trọng đại, thường sai sứ giả về hỏi, có khi lại đón lên kinh thành để hỏi, ông đều ung dung chỉ dẫn, nhờ được bổ ích rất nhiều. Xong rồi, ông lại trở về am cũ, họ Mạc ân cần giữ lại cũng chẳng được nào. Về sau phải liệt vào hạng nhất công thần, phong tước là TRÌNH TUYẾN HẦU, dần dần thăng đến Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công.

Ông Bà nhị đại cũng được phong ấm, 3 người thê thiếp với 7 người con, cũng theo thứ tự phong hàm.

Thế rồi đến năm Cảnh Lịch thứ 3 thời nhà Mạc (tức Mạc Phúc Nguyên 1550), Thượng Quốc Công, người xã Khoa Hoạch huyện Thanh Oai, tên Nguyễn Thiến, con là Quyện và Mỗi về hàng quốc triều, ông có làm một bài thơ gởi cho Thiến, có những câu rằng:

“Cố ngã tồn cô duy nghĩa tại,
Tri quân xử biến khởi tâm cam.”

Dịch: Ta giúp mỗ côi vì trọng nghĩa,
Ông khi xử biến há cam lòng.

Lại có câu rằng:

“Khí vận nhất chu ly phục hợp,
Trường giang khởi hữu hạn đông nam.”

Dịch: Vận chuyển một lòng tan lại hợp,
Trường giang đâu có hạn đông nam.

Thiến xem thơ, trong lòng cảm thấy bứt rứt, còn Quyên cũng có tướng tài, luôn luôn lập được chiến công, Phúc Nguyên lấy làm lo ngại, hỏi kế nơi ông thì ông thưa rằng:

-Cha Quyên với thần là chỗ bạn thân từ trước, và đã ở trong nhà thần, hiện nay được ra trấn thủ Thiên Trường, ở vào tình thế bán nghi bán tín. Nay muốn dùng kế bắt lại, thực chẳng khác chi thò tay vào túi để lấy một vật gì mà thôi.

Rồi ông xin với Mạc Phúc Nguyên trao cho ông 100 trảng sī, sai đi phục sẵn ở bên Bắc ngạn, ông gửi thư cho Quyên, hẹn sang bên thuyền nâng chén rượu nhạt kể lại tình xưa, rồi nhân lúc đã quá say, phục binh nổi dậy bắt cóc đem về Nam ngạn. Ông mới đem ân nghĩa quốc gia để khuyên nhủ. Quyên cảm động khóc nức nở. Ông bèn dẫn về qui thuận họ Mạc, rồi sau trở thành một viên danh tướng, nhờ đó mà nhà Mạc duy trì thêm được mấy chục năm nữa.

Trong thời gian ấy, Đức Thế Tổ đã dấy nghĩa binh, thanh thế vang khắp xa gần, đánh nhau mấy trận ở cửa Thần Phù, Khiêm Vương Mạc Kính Điển đại bại. Thế Tổ thừa cơ tiến binh theo đường Tây Sơn ra đánh Kinh Bắc, khiến cho trong ngoài nơm nớp lo sợ. Ông hiến kế sách hư thực, họ Mạc theo đó thi hành, bấy giờ trong cõi mới tạm ổn định.

Mạc Mậu Hợp, năm Diên Thành thứ 8 (1585), tức năm Ất Dậu, tháng 11 thì ông lâm bệnh. Mậu Hợp sai sứ đến vấn an và hỏi về quốc sự. Ông chỉ trả lời rằng:

“Tha nhật quốc hữu sự cố, Cao Bằng tuy tiểu, khả duyên số thế.” Nghĩa là: Sau này quốc gia hữu sự thì đất Cao Bằng tuy nhỏ cũng giữ thâm được mấy đời.

Quả nhiên, cách 7 năm sau thì họ Mạc mất, rồi các chúa nhà Mạc như Càn Thống Long Thái Thuận Đức Vĩnh Xương, rút lui lên Cao Bằng giữ được 70 năm, nghĩa là sau 3, 4 đời thì mới hoàn toàn bị diệt. Coi đó thì lời của ông dự đoán chẳng sai chút nào.

Nhưng rồi trong tháng ấy, giữ ngày 28 thì ông tạ thế, hưởng thọ 95 tuổi, học trò suy tôn hiệu là: Tuyết giang Đại Phu. Phần mộ ở trên một cái gò đất trong làng.

Xét thấy ông là người khôi ngô anh tuấn, học hết các kinh sách, lại rất tinh về lý thuyết kinh Dịch, phạm việc mưa nắng, lụt hạn, họa phúc, điềm dữ điềm lành, cơ suy cơ thịnh, v.v. việc gì ông cũng biết trước.

-Ngay trong lúc ông còn mở trường dạy học, có một học sinh họ Bùi, người xã Trung hàng thuộc huyện An dương, là người rất thạo về văn án. Ông bảo hậu vận của anh thế nào cũng được giàu sang. Nhưng mãi đến khi tuổi gần 70 mà bước công danh vẫn thấy chật vật như thường, nên anh nói nhỏ với các bạn rằng: Lý số của thầy thần diệu đến thế, mà cũng có chỗ sai lầm hay sao?

Ông thấy học trò bàn mảnh với nhau như vậy thì cũng mỉm cười, chứ không nói gì. Nhưng rồi bỗng có một hôm, ông bảo trò Bùi đi thuê lấy 10 chiếc thuyền đánh cá, kéo buồm vượt thẳng ra cửa Vạn Ninh, rồi rẽ vào đậu ở trong khoảng Đầm Hồng, đợi đến đúng hôm nào đó, hãy thấy vật gì cứ vớt đem về, tất nhiên sẽ được trọng thưởng.

Trò Bùi thấy thầy dạy bảo như vậy hơn hờ vui mừng, theo đúng như lời, chuẩn bị thuyền ghe kéo ra Đầm Hồng chờ đợi. Bỗng thấy một chiếc thuyền đang bị sóng gió dồn dập. Anh vội cùng đoàn thủy thủ lướt sóng tiến ra, nhìn vào trong khoang chỉ thấy có một bà lão ăn vận ra dáng cung phi, đương nằm ngất xỉu. Anh bảo gia nhân đỡ sang thuyền mình, đưa về tìm phương cứu tỉnh, rồi anh đưa về phụng sự như thể mẹ già.

Sau một thời gian thì viên Tổng Đốc Quảng Đông có sai sứ giả sang ta nói rằng: Vị Thái Phu Nhân, một hôm đáp thuyền ra bể, chẳng may bị nạn phong ba, nay coi thiên văn biết bà hãy

còn sống, hiện ở địa phận nước Nam. Vậy xin quý quốc, vì nghĩa lân bang, sai người tìm hộ, bốn chức không dám quên ơn.

Lúc ấy, triều đình nhà Mạc tiếp được thư trên, cho thông sức đi khắp các nơi, hứa rằng hễ ai tìm thấy sẽ được hậu thưởng.

Nhận thấy lệnh trên, anh Bùi liền sắm sửa xe võng, đưa bà ra hiến tại kinh thành. Mạc Chúa ban thưởng rất hậu, và lại được bổ quan chức, về sau phong tước đến Thao Quốc Công.

-Năm Thuận Bình thứ 8 (1556), Lê Trung Tôn mất, không có hoàng nam nối ngôi. Thế Tổ do dự không biết lập ai, hỏi Trịnh Nguyên Phùng khắc Khoan, cũng không quyết định nổi, nên mới phải sai gia nhân ngầm đem lễ vật về tận Hải Dương để hỏi, ông không trả lời mà chỉ quay lại báo các gia nhân rằng:

“Vụ này lúa không được mấy, chỉ tại thóc giống không tốt. Vậy các người phải đi tìm giống cũ để mà gieo mạ.”

Nói xong, ông lại lên xe ra chùa, sai các chú tiểu quét dọn đốt hương, ngoài ra không hề đá động gì đến chuyện khác, bởi vì ông đã hơi tỏ cho biết cái thâm ý là: cứ việc thờ Phật thì được ăn oản.

Rồi Trịnh Phùng thấy thế vội về báo, Thế Tổ hiểu ngay, bèn đón Anh Tông về lập lên làm vua, tình thế trong nước mới được ổn định.

-Trong thời gian ấy, Đuan Quốc Công Nguyễn Hoàng, là con của Chiêu Huân Tĩnh Vương, đương lúc ở trong tình thế nguy ngập vì sợ không thoát khỏi tay Trịnh Kiểm. Thân mẫu của người vốn dòng họ Phạm, đã được tôn là Thánh mẫu, nguyên quán ở làng Phạm Xá thuộc huyện Tứ Kỳ, với ông là chỗ đồng hương, nên thường bí mật sai người về làng, nhờ ông chỉ giúp cho con trai bà một đường sống.

Sứ giả đặt gói bạc nén ở trước mặt ông, rồi bái lạy lia lịa.

Ông thấy sứ giả năn nỉ xin mãi, nhưng vẫn không nói gì, rồi đứng phắt lên, tay cầm chiếc gậy, thủng thỉnh ra lối vườn sau, là nơi có 10 tảng đá xanh xếp thành một dãy núi giả (non bộ) quanh co, trước núi ấy có những đàn kiến đương men tảng đá leo lên, ông ngắm nghía chúng một lát rồi mỉm cười và đọc câu:

“Hoành Sơn nhất đá, vạn đại dung thân.”

Nghĩa là: Một dây Hoàn Sơn, có thể dung thân muôn đời.

Sứ giả hiểu ý, trở về thuật lại với Nguyễn Hoàng. Hoàng bèn xin vào trấn Quảng Nam, đến nay hùng cứ cả một vùng đó.

-Lại như trong lúc ngày thường, ông cùng môn sinh là Bùi thì Cử bói Dịch, ứng được quẻ Càn. Thế mà ông dự đoán rằng: Chỉ sau 8 đời thì cuộc can qua nổi dậy. Về sau, quả đúng như lời. Khoa học thần diệu thực không kể xiết.

-Nói về môn sinh của ông, thực sự không biết bao nhiêu mà kể, nhưng nói riêng về những người đã có tiếng tăm lừng lẫy thì có những ông như: Phùng khắc Khoan, Lương hữu Khánh, Nguyễn Dữ và Trương thì Cử, đều đã nhờ ơn truyền thụ số học, từng đi đến chỗ uyên thâm, và sau đều là các bậc danh thần trong thời Trung Hưng.

Nhắc lại, khi Phùng khắc Khoan còn theo học với Bạch Vân Tiên sinh, lúc thành tài rồi, bỗng có một đêm, Tiên sinh đến chỗ nhà trọ của ông, rồi Ngài gõ cửa bảo rằng: "Gà gáy rồi đấy, sao anh chưa dậy nấu ăn, mà còn nằm ò ra đó."

Phùng khắc Khoan hiểu rõ ý thầy, nên vội thu xếp lên vào vùng Thanh Hóa, nhưng lại ẩn cư với ông Nguyễn Dữ, chứ chưa chịu ra làm quan. Trong thời gian nhàn rỗi ấy, Nguyễn Dữ có soạn bộ Truyền Kỳ Mạn Lục, được ông phủ chính rất nhiều, cho nên mới thành ra một cuốn Thiên cổ kỳ bút.

Coi đó, ta thấy về việc đào tạo nhân tài để giúp cho bốn triều lúc ấy, phần lớn là nhờ ở Tiên sinh vậy.

-Còn nói về cá nhân của Tiên sinh, ta thấy Tiên sinh là người có lòng khoáng đạt, tư chất cao siêu, xử sự hồn nhiên, không hề có chút cạnh góc, ai hỏi thì nói, không hỏi thì thôi, mà đã nói ra câu gì, thực là bất di bất dịch.

Dẫu rằng ở nơi thôn dã vui cảnh cúc tùng, hơn 40 năm mà lòng vẫn không quên nước, tác dạ ưu thời mãn thế thường thấy chan chứa trong các vần thơ, văn chương, viết rất tự nhiên, không cần điều luyện, giản dị mà rất lưu loát, thanh đạm mà nhiều ý vị, câu nào cũng có quan hệ đến sự dạy đời.

Riêng về thơ phú quốc ngữ, Tiên sinh còn soạn rất nhiều, trước đã xếp thành một tập gọi tên là: BẠCH VÂN THI TẬP, tất

cả đến hơn ngàn bài, ngày nay sót lại độ hơn một trăm, và một thiên TRUNG TÂN QUÁN PHÚ, còn thì thất lạc hết cả.

Nhưng xem đại lược cũng toàn những thể gió mát trăng thanh, dẫu ngàn năm sau vẫn còn có thể tưởng tượng thấy vậy.

Thử coi những câu:

Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ?

An nhàn ngã thị Địa trung Tiên.

Nghĩa là: Cao sạch ai là kẻ sĩ trong thiên hạ?

An nhàn ta là Tiên trong cõi trần.

Đó là mấy câu Tiên sinh tự thuật chí hướng của mình thì đủ rõ vậy.

-Nói về gia đình, Tiên sinh có 3 thể thiếp:

Bà Chánh thất họ Dương, hiệu là Từ Ý, quê ở Hải Dương, cũng thuộc bốn huyện, nguyên là ái nữ của quan Hình Bộ Tả Thị Lang Dương đức Nhan.

Thứ Phu nhân họ Nguyễn, hiệu là Nhu Tĩnh.

Á Phu nhân họ Nguyễn, hiệu là Vi Tĩnh.

Con cái cộng 12 người, gồm 7 trai 5 gái.

Con trưởng hiệu là Hàn Giang Cư Sĩ, được tập ấm làm Trung Trím Đại Phu, rồi sau làm đến Phó Hiến.

Con thứ hai hiệu là Túy Am Tiên sinh, phong hàm Triều Liệt Đại Phu, tước Quảng Nghĩa Hầu.

Con thứ ba phong hàm Hiến Cung Đại Phu, tước Xuyên Nghĩa Bá.

Con thứ tư là Thuần Phu, phong hàm Hoàng Nghị Đại Phu, tước Quảng Đô Hầu.

Con thứ năm là Thuần Đức, tước Bá Thứ Hầu.

Con thứ sáu là Thuần Chính, tước Thảng Nghĩa Hầu.

Tất cả mấy người con đó đều có lập được quân công.

Rồi sau, Hàn Giang sinh ra Thiết Đức. Thiết Đức sinh ra Đạo Tấn. Đạo Tấn sinh ra Đạo Thông. Đạo Thông sinh ra Đăng Doanh. Đăng Doanh sinh Thì Đương. Lúc ấy Thì Đương đã 65 tuổi, sinh được 3 người con trai, đều là cháu 8 đời của Tiên sinh vậy.

-Năm Vĩnh Hựu nguyên niên (tức là năm Ất Mão 1735), người trong làng nhớ tới thịnh đức của Tiên sinh, có dựng 2 tòa

miếu ngay ở nền nhà của Ngài ngày trước, rồi người hàng tổng, vì nhớ ơn đức cũng đến xuân thu hằng năm thì tế tự Ngài.

Còn người trong họ là các ông Nguyễn hữu Lý, vì sợ sau này gia phả sẽ bị thất lạc, nên có nhờ ta soạn một bài tựa.

Ta đây sinh sản ở đất Hồng Châu, đối với Tiên sinh ngày trước, dẫu là đồng hương, nhưng nay cách đã 190 năm rồi, thì còn biết đâu mà nói.

Tuy nhiên, lúc còn thơ ấu, cũng thường được nghe các bậc sư phụ nói chuyện về Ngài, thì cũng chỉ biết đại khái là Cụ Trạng Trình mà thôi.

May sao về sau lại được cùng với các quan Đại Phu, bình luận những bậc Tiên Hiền, thì mới biết thêm một vài phần nữa. Cho nên vẫn thường ước vọng có dịp thuận tiện, về nơi quê của Tiên sinh để tìm hiểu thêm nữa, nhưng vì việc quan bó buộc, cho nên chưa thực hiện được ý muốn đó thôi.

May sao đến năm Tân Dậu niên hiệu Cảnh Hưng (1741), ta vâng mệnh đi Hồng Châu, nhận thấy cách chỗ nhà Tiên sinh chỉ trong gang tấc, thì sự tới lui kể thực dễ dàng, ngặt vì việc binh bề bộn, chưa có thì giờ văn cảnh, cho nên Tiên cảnh ở ngay trước mắt mà vẫn cảm thấy xa xa.

Nhưng rồi đến năm Nhâm Tuất, tức là mùa Xuân năm sau, ta lại phụng mệnh phải đi bồi trúc đê sông Nhị Hà, thì mới có dịp tới coi tấm bia ở quán Trung Tân, nhưng những nét chữ đã mờ không thể đọc được, sau phải vào đền bái yết, nhân tiện hỏi người cháu 7 đời của Tiên sinh là Thì Đương để xem hành trạng, thì cũng chẳng biết thêm được lấy nửa câu. Muốn tìm các bộ lão để hỏi thì sau cơn binh lửa, các vị cố lão cũng chẳng còn ai, duy có một viên Hương Áp là Trần bá Quang có biết sơ sơ về những việc trước, và ông lại cho coi bài phú quốc âm, tức là bài văn bia ở quán Trung Tân, với một bản sao Bạch Vân Am Thi Tập, rồi nhân đó mới tìm hỏi đến những danh tích như: Cầu Tràng Xuân và cầu Nghinh Phong, sau cùng lại viếng nơi cố trạch, tới nơi còn thấy 3 gian nhà cổ, Thì Đương và con cháu hơn 10 người cùng ở trong đó.

Nhìn quang cảnh trên, khiến ta sinh lòng hoài cảm, bồi hồi trông ra tứ phía, thấy bên tả Am, trước mặt cái đầm lại có 4,

5 cái vụng, tất cả đến vài trăm mẫu, bề sâu độ một trượng dư, dứt rồi lại nối, chỗ thất chỗ phì, gặp lúc chiều hôm, mặt trời phản chiếu óng ánh sắc vàng, vì có khí thiêng chung đúc, hóa nên sản xuất ra bực Đại nhân, thực đúng với kiểu đất đã có câu rằng: Nghiễn trì thủy ánh. Nghĩa là: Mặt hồ nghiễn ánh nước lung linh vậy.

Vì thế nên ta thần thờ ngâm vịnh, chẳng muốn dời chân, muốn vì Tiên sinh viết bài Phổ ký, nhưng vì quân vụ đương ngày khẩn cấp, còn phải đeo gươm, nên đành gác bút để đợi một ngày khác vậy.

Đến năm Quý Hợi (1743), vào khoảng mùa Đông, ta lại phụng mệnh ra dẹp bọn thủy khấu ở mạn Đồ Sơn, nhân lúc đóng quân ở trên sông Tuyết giang, lại vào bái yết đền thờ, hỏi bọn Thi Đương cho xem tộc phả. Mọi người đều nói, trước đây đã trải bao phen loạn lạc, chẳng còn sót lại quyển nào, mãi đến tháng sau, họ mới sưu tầm cho được mấy trương giấy rách, trong đó chỉ biên danh tính tiền nhân, ngoài ra chẳng có gì khác.

Cho nên ta phải thâm thúy kiến mọi người, rồi hợp với những điều tai nghe mắt thấy trong lúc ngày thường, để viết nên một bài ký. Còn việc sưu tầm văn thơ của Tiên sinh, rồi xếp thành thiên, đóng thành tập, để lưu truyền cho hậu thế, thì còn đợi các bậc cao minh vậy.

Nhưng ta nhận thấy Kỳ lân Phượng hoàng đâu phải là vật thường thấy ở trong vũ trụ, tất nhiên nó phải ra chơi ở vườn nhà Đường và núi nhà Chu thì nó mới là điềm tốt.

Còn như Tiên sinh, sẵn có tư chất thông tuệ, thêm vào Đạo học Thánh Hiền, ví thử đắc thời để mà thi thố sở học, chắc sẽ tạo ra được cảnh trị bình, thay đổi phong tục phù bạc thành ra lễ nghĩa văn minh. Thế mà trái lại, một người có đức đủ phò tá vương, lại sinh ra giữa thời bá giả, thành ra sở học trở nên vô dụng, thực đáng tiếc thay!

Tuy nhiên, đời dùng thì làm, đời bỏ thì ẩn. Đối với Tiên sinh, dù chẳng đắc dụng, cũng có hề chi.

Ta rất hâm mộ Tiên sinh về chỗ đó.

Thử coi, sinh trưởng trên đất nhà Mạc, khi thử ra làm quan để hành sở học, thì cũng muốn bắt chước Đức Khổng Phu

Tử muốn vào yết kiến Công Sơn Phát Nhiễu, rồi khi biết rằng, không thể giúp được, mà vội bỏ đi, thì lại muốn theo trí sáng của Trương Lương để hỏi thăm Xích Tùng Tử.

Nay ta đọc những văn chương còn lại, khác chi nghe thấy những tiếng ném ngọc gieo vàng, rực rỡ như mây năm sắc, sáng sủa như vừng thái dương, mà cái phong vị tắm sông Nghi, hóng mát ở cầu Vũ Vu của ông Tăng Điểm ngày trước, và cái phong thú yêu sen, hái lan của tiên nho ngày xưa, hình như ta được nhìn thấy Tiên sinh và ta được bái kiến ở trong Giảng trường.

Bởi vì Tiên sinh, chẳng những chỉ tinh thông một môn Lý học, biết rõ dĩ vãng cũng như tương lai, mà sự thực thì trăm đời sau, cũng chưa thấy có ai hơn được vậy.

Oi! Ở trong thiên hạ, các bậc quân vương, các vị Hiền giả, hỏi có thiếu chi, nhưng chỉ có lúc sống thì được phú quý vinh hoa, còn sau khi mất, thì những cái đó lại cũng mai một đi với thời gian, hỏi còn ai nhắc đến nữa.

Còn như Tiên sinh, nói về thế hệ đã truyền đến 7, 8 đời, gần thì sĩ phu dân thứ ngưỡng vọng như bóng sao đẩu trên trời, đẩu cách ngàn năm cũng còn tưởng tượng như một buổi sớm; xa thì sử giả Thanh triều, tên là Chu Xán, nói đến nhân vật Lĩnh Nam, cũng đã có câu: An Nam Lý Học hữu Trình Tuyền, tức là công nhận môn Lý Học của nước An Nam chỉ có Trình Tuyền là người số 1, rồi chép vào sách truyền lại bên Tàu.

Như thế đủ biết Tiên sinh quả là một người rất mực của nước ta về thời trước vậy.

Hậu học ÔN ĐÌNH HẦU VÕ KHÂM LÂM cẩn thuật.

(Trích trong quyển Công Dư Tiệp Ký của Võ Phương Đê từ trang 396 đến trang 413, bản dịch của Tô Nam Nguyễn đình Diệm.)

GHI THÊM CHO RÕ:

Thái Phó Trình Quốc Công Nguyễn bình Khiêm mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu (1585) (năm Diên Thành thứ 8 đời vua Mạc Mậu Hợp, hưởng thọ 95 tuổi.

Cụ Trọng Trình Nguyễn bình Khiêm, ngoài việc dùng thi ca ngâm vịnh làm thú tiêu khiển, cụ còn muốn dùng văn chương để giáo dục người đời, truyền bá những tư tưởng đạo đức, giác ngộ dân chúng vì trước mắt cụ, hoàn cảnh đất nước thật điêu tàn, chiến tranh nổi da xáo thịt, chém giết nhau vì quyền lợi riêng tư, không còn một chút đạo đức như nghĩa. Cụ đã thực hành chủ trương “VĂN DĨ TÀI ĐẠO” của Thánh Hiền.

Cụ có viết một tập thơ bằng chữ Hán gọi là BẠCH VÂN AM THI TẬP. Tập này gồm hàng ngàn bài thơ vịnh cảnh, tả tình, hiện đã bị thất lạc gần hết.

Về thơ Nôm, Cụ có viết tập BẠCH VÂN QUỐC NGŨ THI TẬP. Tập này gồm rất nhiều bài thi Đường luật và Cổ phong, với những chủ đề như sau:

- Thú ẩn cư, an nhàn tự tại.
- Than trách đời nhân tình thế thái.
- Khuyên răn người đời.

Ngoài ra, Cụ Trọng Trình Nguyễn bình Khiêm còn lưu truyền lại cho con cháu một bài SẤM KÝ trường thiên mà con cháu của Cụ sau này chép vào cuốn: Bạch Vân Gia phả Bí truyền tập, gọi là SẤM TRẠNG TRÌNH.

* Sau đây xin chép lại vài bài thi tiêu biểu trong cuốn BẠCH VÂN QUỐC NGŨ THI TẬP:

1. THÚ THÔN CƯ

Một mai một cuộc, một cần câu,
Thơ thần mặc ai vui thú nào.
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

2. MÙA THU CHƠI THUYỀN

Nước xuôi nước ngược sóng dâng triều,

Thuyền khách chơi thu nọ phải điu.
Chèo vượt sóng trắng nhân lúc hứng,
Buồm dong ngọn gió mặc cơn phèo.
Phơ phơ đầu bạc ông câu cá,
Leo lẻo dòng xanh nước mắt mèo.
Le vẹt cùng ta như có ý,
Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

3. THẾ GIAN BIẾN ĐỔI

Thế gian biến đổi vũng nên đời,
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc còn tiền còn đệ tử,
Hết cơm hết gạo hết ông tôi.
Xưa nay vẫn trọng người chân thực,
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi.
Ở thế mới hay người thế bạc,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

4. CỬA NẶNG HƠN NGƯỜI

Đời này nhân nghĩa tựa vàng mười,
Có cửa thì hơn hết mọi lời.
Trước đến tay không nào thiết hỏi,
Sau vào gánh nặng lại vui cười.
Anh anh chú chú mừng hơ hải,
Rượu rượu chè chè thết tả tươi.
Người, của, lấy cân ta sẽ nhắc,
Mới hay rằng cửa nặng hơn người.

5. KHUYÊN ĐỜI

Chớ chê người ngắn, cây ta dài,
Hơn kém dù ai cũng mặc ai.

Mùi nọ có bụi không có ngọt,
Màu kia chầy thắm lại chầy phai.
Đã hay định phận dành yên phận,
Dẫu có tài hay chớ cậy tài.
Quân tử ngẫm xem cơ xuất xử,
Ất là khôn hết cả hòa hai.

* Sau đây xin trích vài đoạn trong quyển SÁM TRANG
TRÌNH:

CẢM Ứ

Thanh nhàn vô sự là Tiên,
Năm hồ phong nguyệt, nổi thuyền buông chơi.
Cơ Tạo Hóa, phép đổi đời,
Đầu non mây khói tỏa,
Mặt nước cánh buồm trôi.
Hươu Tần mặc kệ ai xua đuổi,
Lầu Hán trắng lên ngẫm mệnh Trời.
Tuổi già thua kém bạn,
Văn chương gởi lại đời.
Dở hay nên tự lòng người cả,
Bút nghiên soi hoa chép mấy lời.
Bí truyền cho con cháu,
Dành hậu thế xem chơi.

SÂM KÝ

Nước Nam từ họ Hồng Bàng,
Biển dâu cuộc thế, giang san đổi vắn.
Từ Đinh Lê Lý Trần thuở trước,
Đã bao đời ngôi nước đổi thay.
Núi sông Thiên định đặt bày,
Đồ thư mấy quyển, xem nay mới rành.
.....
Kìa kìa gió thổi lá rung cây,

Rung Bắc rung Nam, Đông tới Tây.
Tan tác Kiến kiều an đất nước,
Xác xơ cổ thụ sạch am mây.
Lâm giang nổi sóng mù thao cát,
Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy.
Một ngựa một yên ai sùng bái,
Nhấn con nhà Vĩnh Bảo cho hay.
Tiền ma bạc quĩ trao tay,
Đồ Môn Nghệ Thái đẩy đẩy can qua.
Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đầu mà đốt Tám Gà trên mây.

.....
Cửu cửu càn khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết hoa tàn.
Trực đảo dương đầu mã vĩ,
Hổ binh bát vạn nhập Tràng an.
Nực cười những kẻ bàng quan,
Cờ tan lại muốn toan đường đá xe.

.....
Long vĩ xà đầu khởi chiến chinh,
Can qua xứ xứ khởi đao binh.
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

Sự đời tính đã phân minh,
Thanh nhân mới kể chuyện mình trước sau.
Đầu thu gà gáy xôn xao,
Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long.
Chớ kêu ầm ĩ mùa Đông,
Cha con Nguyễn lại bế bồng nhau đi.

.....
Thần Kinh Thái Ất suy ra,
Để dành con cháu đem ra nghiệm bàn.
Ngày thường xem thấy quyển vàng,
Của riêng bảo ngọc để tàng xem chơi.

Bởi Thái Ất thấy lạ đời,
Ấy thuở sấm Trời vô giá thập phân.

Phú quý hồng trần mộng,
Bần cùng bạch phát sinh.
Hoa thôn đa khuyến phệ,
Mục giả dục nhưn canh.
Bắc hữu Kim Thành tráng,
Nam hữu Ngọc Bích Thành.
Phân phân từng bách khởi,
Nhiều nhiều xuất Đông chinh.
Bảo giang Thiên tử xuất,
Bất chiến tự nhiên thành.

.....

Nói đến độ thấy tăng mở nước,
Đám quỷ kia xuôi ngược đến đâu?
Bấy lâu những cậy phép mầu,
Bây giờ phép ấy để lâu không hào.
Cũng có kẻ non trào biển lợi,
Lánh mình vào ở nội Ngô, Tề.
Có thầy Nhân Thập đi về,
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh.
Những người phụ giúp Thánh minh,
Quân tiên xương nghĩa chẳng tàn hại ai.
Phùng thời nay hội thái lai,
Can qua chiến trận để người thưởng công.

.....

Cơ Tạo Hóa phép mầu khôn tỏ,
Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao.
Thấy Sấm từ đây chép vào,
Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.

x x x

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TÀI LÝ SỐ CỦA TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

1. CHUYÊN SẮT NGẮN GỖ DÀI:

Tối 30 Tết năm nọ, Cụ Trọng Trình đang ngồi đàm luận Lý Số cùng một học trò ở xa đến thăm biểu Cụ lễ vật. Bỗng ở ngoài cổng có tiếng người gọi mở cửa. Cụ sai gia nhân ra bảo hãy chờ một chút.

Rồi Cụ bảo người học trò bấm quẻ để thử đoán xem người ấy gọi cửa có chuyện gì.

Cả hai Thầy trò đều bấm ra quẻ: Thiết đoán mộc tràng, dịch ra là: Sắt ngắn gỗ dài. Cụ hỏi: Vậy anh đoán nó vào đây việc gì?

Anh học trò đáp: Thưa Cụ, theo ý con, sắt ngắn gỗ dài, ắt hẳn người ấy vào đây mượn cái xuồng hay cái cuốc.

Cụ cười rồi đáp: Khác với anh, tôi đoán nó vào đây mượn cái búa.

Nói xong, Cụ cho gia nhân ra mở cửa thì thấy có người láng giềng đi vào yêu cầu cho mượn cái búa.

Cụ giải thích: Anh bấm quẻ giỏi, nhưng đoán còn thấp. Ngày 30 Tết thì ai mà đi mượn cái cuốc cái xuồng làm gì. Cho nên tôi đoán là nó mượn cái búa để về chế củi nấu bánh chưng Tết mà thôi.

Bấm quẻ trúng nhưng khi đoán phải có ý thức cơ biến mới tránh khỏi sai lầm.

2. SỐ MỆNH CỦA CHIẾC QUẠT GIẤY và CÁI GỐI:

Cụ Trọng Trình muốn thử xem Lý Số mà Cụ học được có hiệu nghiệm không, Cụ làm hai thí nghiệm sau đây:

-Cụ làm một chiếc quạt giấy. Làm xong Cụ bói số mệnh của chiếc quạt giấy thì được quẻ: Nữ nhân phá hủy. Cụ viết 4 chữ nầy lên quạt, rồi treo quạt ở đầu giường.

Đến gần tới ngày giờ quẻ ứng, Cụ ngồi trên giường để theo dõi quẻ ứng hiện như thế nào?

Chợt bên hàng xóm có người đến mời Cụ qua dự đám

giỗ, nhưng Cụ bận theo dõi chiếc quạt nên chưa thể qua ngay được. Người hàng xóm đến mời nữa, và nói với Cụ Bà giục Cụ đi qua để trễ tiệc. Cụ Bà vào phòng hối Cụ mấy lần, nhưng Cụ cố theo dõi cái quạt nên chưa thể đi được. Cụ Bà bực tức thấy ông trờ trờ mãi chưa chịu đi, mắt lại nhìn cái quạt giấy không rời. Cụ Bà liền giựt phăng cái quạt xé đi và nói: Quý báu gì cái quạt giấy này mà ông cứ nhìn nó như mất thần, để người ta qua đây 3, 4 phen mời mọc.

Cụ cười xòa vui vẻ và đi ngay qua nhà đám giỗ.

Cụ nhận thấy lẽ nhiệm mầu trong khoa Lý Số đã thể hiện rất chính xác. Nhưng Cụ cũng còn một chút hồ nghi vì sự việc xảy ra có phải do ngẫu nhiên chăng?

Cụ Trọng Trình làm thêm một cuộc thử nghiệm thứ nhì:

-Cụ làm một chiếc gối bằng gỗ để ở đầu giường. Cụ bói số mệnh chiếc gối thì được quẻ: Thử đầu nhi phá. Cụ rất ngạc nhiên vì gối kê ở đầu luôn luôn thì làm sao chuột lại phá hư được.

Cụ ghi lên gối 4 chữ ấy rồi chờ thời gian xem kết quả.

Tối ngày tháng đúng như trong quẻ đã định, thì có một ông bạn đến thăm Cụ và ngồi nói chuyện với Cụ.

Chợt có một con chuột thập thò ở gầm ghế, ông bạn quơ tay xua đuổi, con chuột không chạy mà cứ đứng ỳ đó nhìn lau láu vào ông bạn như có ý chọc tức. Ông bạn nổi giận, thuận tay lấy ngay chiếc gối gỗ ném vào con chuột. Con chuột lạnh chân chạy mất, nhưng chiếc gối gỗ va vào gạch gây ra làm nhiều mảnh.

3. THÁNH NHÂN MẮT MÙ:

Khi sắp mất, Cụ Trọng Trình có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: “Bình sanh ta có một tấm bia đá để sẵn và đã sơn kia. Khi ta nhắm mắt rồi, các con phải nhớ, hễ hạ quan tài xuống, phải để tấm bia ấy lên nắp, rồi mới lấp đất lại. 50 năm sau, hễ khi nào có một người lạ đến viếng mộ ta, mà nói rằng: “Thánh nhân mắt mù” thì phải lập tức mời người ấy về nhà, yêu cầu họ đặt hương lại ngôi mộ cho ta. Chúng bây phải nhớ cho

kỹ và canh chừng, chớ không được cải cát. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại.

Con cháu nghe lời, làm y theo lời Cụ dặn.

Đúng 50 năm sau, một hôm có một người Tàu đến viếng mộ, nhìn ngôi mộ của Cụ một lúc thì cất tiếng than rằng:

-Cái huyệt ở đằng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem để mả thế này? Vậy mà Thánh nhân cái gì đâu? hay là Thánh nhân mất mù đó.

Người nhà nghe được câu Thánh nhân mất mù, liền chạy về báo cáo cho Tộc trưởng hay, ông nẩy vôi vàng ra rước người Tàu ấy vào nhà, thiết đãi tử tế, rồi nhờ đặt giùm ngôi mộ lại.

Khi nói chuyện mới hay người Tàu ấy là một nhà địa lý có tiếng ở bên Tàu mới sang. Ông ta đến đây là để xem di tích của Cụ Trạng thế nào mà tiếng đồn rằng: An nam Lý Học hữu Trình Tuyền.

Khi nghe ông Trưởng tộc yêu cầu đặt hướng lại cho ngôi mộ, thì người Tàu tỏ ý sẵn sàng giúp, để chứng tỏ rằng Trạng Trình còn thua ông ta một bậc. Do đó, ông ta cảm thấy thích chí, hìu hìu tự đắc và nghĩ thầm rằng: Với Cụ Trạng, thực ra chỉ nghe đồn chớ thực mục sở thị thì có gì giỏi đâu?

Ông ta bảo:

-Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi táng lại, nhích ra sau một chút và quay đầu lại là được.

Ông Trưởng tộc cả mừng, vội tụ họp con cháu lại, rồi đưa thầy địa lý ra mộ, đào lên.

Khi đào xuống sắp tới quan tài thì gặp phải một tấm bia đá. Ông thầy Tàu lấy làm lạ, sẵn có tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch để xem trên đó khắc chữ gì, thì thấy trên phiến đá có khắc bài thi:

Ngũ thập niên tiền, mạch tại đầu,
Ngũ thập niên hậu, mạch qui túc.
Hậu sinh nhĩ bối há năng tri?
Hà vị Thánh nhân vô nhĩ mục?

Nghĩa là: 50 năm trước, mạch tại đầu,
50 năm sau, mạch trở xuống chân.

Biết gì những kẻ sanh sau,
Thánh nhân có mắt mù đâu bao giờ.

Khi xem xong bài thơ trên, ông thầy Tàu mới bật ngửa ra, phục Cự Trọng Trình sát đất. Cự tiên tri tài thật, sao Cự lại biết trước những lời nói của mình sẽ nói? Quả thật mình chỉ đáng là học trò của Cự thôi.

4. THÀNG KHẢ LÀM NGÃ BIA CỤ:

Trước ngày Cự Trọng qui Tiên, Cự cho tạc một cái bia đá và dận chôn cái bia đá nầy ở rìa mộ của Cự. Trong bia có câu:

“Cha con thàng Khả, đánh ngã bia tao, làng biết được bất thường tam quán.”

Lúc đó, người coi bia chẳng hiểu ra sao, cứ làm đúng y lời Cự dặn. Cho tới một thời gian rất lâu về sau, đến một hôm có hai cha con người đó tên là Khả, đi đào chuột. Khi hai cha con đến gần nơi mộ Cự thấy có hang chuột, liền đào xuống để bắt chuột. Hang chuột chạy lòn dưới đáy bia đá, chỉ lo đào hang mà quên để ý đến tấm bia đá, đào một hồi thì tấm bia đá mất chùn đứng, đổ kênh ra, mà chưa bắt được chuột. Bọn trẻ mục đồng thấy bia ngã, chúng tri hô lên. Rồi làng biết, kêu cha con anh Khả đến bắt phạt tiền và phải dựng bia lại như cũ. Cha con anh phải chịu nộp phạt, nhưng nhà nghèo, trong nhà chỉ còn lại một quan tiền tám, nên xin với làng cho nộp bao nhiêu đó thôi.

Thế mới biết Cự Trọng Trình rất tài giỏi về khoa Lý Số, biết được tên của người làm ngã bia và số tiền nộp phạt là QUAN TÁM, nói lái là TAM QUÁN.

5. ÔNG NGUYỄN CÔNG TRÚ PHÁ ĐỀN:

Năm Minh Mạng thứ 14, vua bắt khai con sông Hải Dương. Lúc ấy ông Nguyễn công Trứ làm Tri Huyện Thanh Hà, thuộc tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành khai con sông đó, địa chính theo lệnh vua phải cấm cho thảng, nhưng khổ thay lại thảng ngay vào đền thờ của Cự Trọng Trình, mà ngôi đền nầy nổi tiếng là linh thiêng.

Ông Trứ truyền lệnh cho dân phải phá đền để khai sông. Dân chúng không ai dám phá. Ông Nguyễn công Trứ cũng phân vân, vì trên là lệnh của vua, dưới là lòng của dân, nếu không tuân lệnh vua thì ắt bị tội, mà tuân lệnh vua thì mất lòng dân.

Ông Trứ sắm nhang đèn vào đền khấn vái Cụ Trạng Trình, xin Cụ cho phép phá đền, vì lệnh vua ông phải thi hành, xin Cụ hiểu cho lòng của ông.

Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công cuộc phá đền này. Lúc đó dân mới dám phá.

Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ, có chạm khắc 4 câu sau đây:

“Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá đền.
Phá đền thì phải làm đền,
Nào ai lấn đất tranh quyền của ai.”

Ông Nguyễn công Trứ thấy Cụ Trạng gọi đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân ngưng việc phá đền, và lo việc cất đền trở lại y như trước.

Khi đó, lại tìm thấy trên đầu cột cái có đề mấy chữ như sau:

“Hỏng đền thì lại làm đền,
Rồi sau tìm thấy bạc tiền của ta.
Của ông ông để còn xa,
Ai mà tìm được ắt là thưởng công.”

Ông Tri Huyện Nguyễn công Trứ đọc 4 câu này suy nghĩ mãi, chợt nảy ra ý nói lái lại, CÒN XA là XÀ CON, cây xà con.

Ông liền quan sát các cây xà con đã tháo xuống, thấy có một cây khá nặng, nặng hơn các cây khác. Ông Trứ mừng rỡ cho bửa ra thì thấy có bạc nén văng ra. Ông Trứ mới dùng số bạc đó đi mua vật liệu cất đền trở lại cho Cụ Trạng, với tấm lòng vô cùng kính phục Cụ. Số bạc còn dư, ông Trứ giao cho dân làng Vĩnh Lại để dành tu bổ các đình chùa hư hỏng.

6. CÂY XÀ NHÀ ĐỒ:

Khi Cụ Trạng Trình sắp mất, Cụ Trạng giao lại cho con cháu một cái ống tre sơn son thếp vàng, gắn bít hai đầu lại và dặn

đúng ngày giờ ấy, tháng ấy, năm ấy, phải để cái ống lên kiệu, rước lên dinh quan Tổng Đốc Hải Dương thì sẽ cứu được tình thế gia đình, nhưng tuyệt đối không được mở ra xem, trừ khi quan Tổng Đốc.

Cái ống tre truyền đến cháu 7 đời của Cụ Trọng thì mới đúng ngày giờ đã định, người cháu ấy mới đưa lên quan Tổng Đốc Hải Dương đúng như lời Tổ Tiên đã dặn trong gia phả.

Quan Tổng Đốc cầm cái ống, mở ra xem thấy có 2 câu thơ như vậy:

Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách,
Nhĩ cứu ngã thất đại chi bần.

Nghĩa là: Ta cứu mấy khỏi cây xà nhà đổ,
Mấy cứu ta cháu bảy đời nghèo.

Quan Tổng Đốc, đang lúc làm việc quan, thấy 2 câu thơ nói xác xược, gọi quan là MÀY, thì cả giận, sẵn cầm chiếc quạt, ông bước tới đánh người vừa dâng 2 câu ấy. Khi vừa bước khỏi chỗ ngồi, thì bỗng nhiên cây xà nhà to lớn trên nóc đổ ngay xuống chỗ quan Tổng Đốc vừa ngồi, đánh rầm một cái. Quan Tổng Đốc hết hoảng, kêu la inh ỏi, giựt mình ngó lại, nếu còn ngồi tại chỗ đó thì ắt phải chết hay bị thương nặng vì cây xà nhà rớt xuống đó.

Quả thật, người viết 2 câu vừa rồi đã cứu ông thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo và hy hữu đó.

Ngài hỏi đến người đem dâng cái ống cho Ngài, mới rõ ra rằng người ấy là cháu 7 đời của Cụ Trọng Trình và 2 câu trên là của Cụ Trọng Trình viết để cứu ông.

Quan Tổng Đốc cho dọn dẹp, rồi mời cháu 7 đời của Cụ Trọng vào nhà trong thết đãi cơm rượu và giúp cho một món tiền lớn.

Đức Nguyên

(Trích trong Cao-Đài Tự Điển)

Bước Đầu Tìm Hiểu ĐẠO CAO ĐÀI

Sưu tầm tài liệu để biên soạn loạt bài về “Bước Đầu Tìm Hiểu Đạo Cao Đài”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một vài quý vị muốn tìm hiểu sơ lược về Đạo Cao Đài. Chỉ cần khoảng thời gian rất ngắn là có thể có một khái niệm về nền Đại Đạo này, đến nay chỉ mới vừa được 78 tuổi, nhưng đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tiên tri nguơn hội kéo dài đến thất ức niên, tức 700 000 năm (bảy trăm ngàn năm).

Ngoài ra, tập sách nhỏ này cũng có thể giúp đỡ cho những tín hữu mới nhập môn và không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Vì khả năng còn hạn chế, chúng tôi không thể tránh được những sai sót trong lúc biên soạn. Kính mong Quý Đồng Đạo chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có điều kiện học hỏi thêm.

Hiên tại Nguyễn Trung Đạo

Bài số 6 : Ý Nghĩa và Sự Quan Trọng CỦA VIỆC CÚNG KIẾNG

1.- CÚNG KIẾNG VÀ LỄ BÁI

Theo quyển “Đại Từ Điển Tiếng Việt” của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Trung Tâm Ngôn Ngữ và Văn Hóa) thì :

Cúng là dâng lễ vật lên Thần Thánh (các Đấng Thiêng Liêng) hay linh hồn người chết với lòng thành kính. Sách có câu : “Cúng cả năm không bằng rằm tháng giêng”.

Kiếng là kính, kính trọng, kính dâng. Người miền Bắc nói là *Kính*, người miền Nam nói là *Kiếng*. Ví dụ : *Kiếng* nhường (kính nhường), *Kiếng* dâng (kính dâng), *Kiếng* nể (kính nể).

Trong bài *Giới Tâm Kinh* có câu : “*Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin*” (Câu 30). Nghi thức Tang Lễ, Hội Thánh có dạy về Lễ Cáo Từ Tổ : “... *Phải đặt một bàn nghi ngoài để kiếng Thần Hoàng Bốn Cảnh, đất đai Ngũ Phương...*”. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển II trang 87, Đức Quang Âm Bồ Tát có dạy : “*Các em phải lo cúng kiếng thường*”.

Trong Đạo Cao Đài, Cúng Kiếng thường có nghĩa là cúng vái Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và Chư Đấng Thiêng Liêng.

Trong Đạo Cao Đài, hai từ *Cúng Kiếng* và *Lễ Bái* gần như đồng nghĩa với nhau (*Lễ* : những nghi thức được tiến hành nhằm đánh dấu một sự kiện có ý nghĩa, cách bày tỏ lòng kính trọng hoặc bằng phép tắc hoặc bằng lễ vật. *Bái* : làm động tác lễ nghi như vái, lạy để biểu thị sự tôn kính, ví dụ như bái biệt, cúc cung bái).

1.- LỄ BÁI LÀM KHỞI TÂM ĐẠO

Các tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái các Đấng Thiêng Liêng, nhất là trong Đạo Cao Đài, sự lễ bái Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu được xem là quan trọng hàng đầu.

Việc lễ bái trước tiên làm cho tâm đạo của chúng ta mỗi ngày thêm vững chắc. Thất Nương Diêu Trì Cung có dạy (trong bài Thái Hội Yến Diêu Trì Cung) : “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*”. Cũng với ý nghĩa đó mà trong dân gian có câu : “*Vô chùa thấy Phật muốn tu*”.

Trong quyển Luận Đạo Vấn Đáp, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có nói về việc Cúng Kiếng Thờ Phụng như sau :

“*Người Ngoại Đạo vấn : Vào Đạo rồi, mỗi ngày phải cúng Tứ thời, buộc chi nhiều vậy, e mất hết ngày giờ đi chăng ?*

Người Trong Đạo đáp : *Cúng tứ thời là cách tập mình chịu*

cực lần lần vì tu là khổ hạnh trăm bề, mà muốn chịu nổi khổ hạnh, trước phải tập lần. Và lại, cúng kiếng có ích cho mình chứ chẳng ích chi cho Thượng Đế. Mỗi ngày có cúng, đạo tâm có nở nang, tứ chi vận chuyển, tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng kiếng, chỉ cho khỏi đạo tâm một ngày một xao lãng, sự kính thành của mình một ngày một phai pha mà ra điều thất lễ”.

2.- SU ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG KIẾNG

Về việc cúng kiếng, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 87, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy quý vị Chức Sắc Tiền Khai là phải cúng thường xuyên để cho :

- Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạng.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế lễ thì tâm phải cảm, cảm rồi phải ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.”

Ngoài các lợi ích do Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy ở trên, còn có nhiều lợi ích khác cũng rất quan trọng.

Về thể chất : Tư thế ngồi cúng tại Tòa Thánh, tư thế quì cúng tại Thánh Thất hay Điện Thờ, tư thế đứng hầu đàn và đứng trong lúc Nhạc Tấu Huân Thiên là ba tư thế thiền định luyện Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt, nếu như trong ba tư thế trên ta giữ cho xương sống luôn luôn thẳng đứng và hai chân khép lại chạm vào nhau. Tư thế ngồi cúng là Tọa thiền, tư thế quì cúng là Quì thiền, tư thế hầu đàn và đứng trong lúc Nhạc Tấu Huân Thiên là Trụ thiền. Chúng ta giữ cho đừng phóng tâm, tập trung tư tưởng ngưỡng vọng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, đưa tư tưởng theo các lời kinh, dần dần trong cơ thể chúng ta sẽ có sự

chuyển biến làm cho *Tinh hóa Khí, Khí hiệp Thần*, và sau cùng *Thần hườn Hư*. Nhưng muốn đạt được kết quả này, chúng ta phải bền chí tu tập trong một thời gian rất lâu dài, có khi đến mãn đời, nhất định chúng sẽ đạt được kết quả tốt đẹp chắc chắn, nhất định chúng ta sẽ được giải thoát, tức là siêu thăng.

Về Tâm Linh : *Tứ Thời tụng niệm là một Bí Pháp của Đạo Cao Đài*, điều này nên truyền ra cho cả thầy đều biết, đặc biệt là các Thời Cúng Tiểu Đàn và Đại Đàn vì trong các thời cúng này có *dâng Tam Bửu*. Trong quyển Bí Pháp, Đức Hộ Pháp thuyết đạo có dạy rằng việc dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn là một bí pháp giải thoát luân hồi, bởi vì khi chúng ta dâng trọn *Thể xác* (khi dâng Hoa), dâng trọn *Chơn thân* (khi dâng Rượu) và dâng trọn *Linh hồn* (khi dâng Trà) lên cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu dùng phương chi thì dùng, tức là chúng ta đã dâng trọn cả nghiệp quả từ nhiều kiếp trước và kiếp hiện tại cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, miễn là từ đây đến chết, chúng ta không gây tội lỗi nào nữa, thì như thế, chúng ta không còn nghiệp quả nào nữa, tức nhiên chúng ta sẽ được giải thoát, vì không còn ai níu kéo đòi nợ chúng ta nữa. Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bửu cho Ngài là một cách gián tiếp Ngài đem *Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi* giao cho chúng ta.

3.- LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Theo Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trong Quyển Bí Pháp trang 44-45-46 (Bản in tại Hoa Kỳ), Đức Hộ Pháp có giảng như sau :

Đức Chí Tôn “Ngài biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bửu :

- 1.- *Xác Thịt*
- 2.- *Trí Não*
- 3.- *Linh Hồn*

Tức nhiên thân thể và phàm thể của chúng ta, Đức Chí Tôn biểu chúng ta hiến cho Ngài đặng Ngài phụng sự cho Vạn Linh.

Chúng ta thấy gì ? Mỗi ngày chúng ta kêu Đức Chí Tôn làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thầy đặng Thầy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn linh. Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo.

Ngày kia mình có thể nói, mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy, chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho Ngài sử dụng, nếu sự cố gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức Chí Tôn, đặng Đức Chí Tôn phụng sự cho Vạn linh, quyền sử dụng ấy do Đức Chí Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của Ngài định.

Ấy vậy, mỗi ngày, từ mờ tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn linh thay thế Đức Chí Tôn, giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, đâu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa, thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải Thoát”.

Đức Hộ Pháp dạy tiếp : “Trong một thời cúng, Bản Đạo đã căn dặn nhiều phen, hệ trọng hơn hết là khi dâng Tam Bửu. Dầu tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thân mật niệm dâng Ba Bửu trọng hệ cho Chí Tôn, tức là giúp Bản Đạo hành pháp dễ dàng một chút đó” (trích trong quyển Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trang 23).

Trước lúc dâng Tam Bửu, trong lúc đọc các bài kinh chúng ta cũng tiếp nhận được nhiều thanh điển do Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Trong quyển Lời Thuyết Đạo (trang 15), Đức Hộ Pháp có dạy : “*Mấy em có thấy đâu khi vô Đền Thánh,... Qua đứng trên Ngai lấy hết tư tưởng của mấy em cầu kinh, Qua ôm hết dâng lên cho Đức Chí Tôn, dâng đây không phải là tiếng thường, ấy là cái Thiên Thiếu, Ngài hưởng rồi Ngài trả lại cho mấy em cái Thiên Tinh... Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong Quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...*”. Do đó, khi cúng chúng ta được hưởng nhiều điển lành là vậy. Và cũng do đó mà Đức Hộ Pháp đã nói (cũng trong quyển Lời Thuyết Đạo, trang 222) : “*Buổi ăn của Linh hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấng... Mỗi phen đi cúng tức là cho Linh hồn ăn vậy. Bản Đạo tưởng thấy trong trí cần phải buộc cả thầy đi cúng...*”. Đức Chí Tôn bảo chúng ta cúng mỗi ngày 4 thời, không phải để làm mất thì giờ của chúng ta mà là để cho Linh hồn của chúng ta được ăn nhiều. Đức Hộ Pháp có nói (cũng trong quyển Lời Thuyết Đạo, trang 223) : “*Không có một điều gì mà Chí Tôn định trong chơn giáo của Ngài, dầu Bí Pháp, dầu Thể Pháp, mà vô ích đâu... Từ ngày khai Đạo, Kinh Kệ, Lễ Bái, sự chi sắp đặt về đạo đức cũng Chí Tôn tạo thành, không phải do các Đấng khác, Ngài buộc mình làm tức có cần yếu, hữu ích chi đó, Ngài mới buộc. Vì có nên thời giờ này, thấy Bản Đạo bó buộc nghiêm khắc có lẽ những kẻ biếng nhác cũng phàn nàn lên lút. Ngày cuối cùng các bạn gặp Bản Đạo nơi Thiêng Liêng, Bản Đạo mới hỏi các bạn coi khi còn ở thế Bản Đạo buộc cả thầy đi cúng là tội hay có công... Còn biếng nhác quá ! Xác thịt đã hư rồi đến Linh hồn, phải coi chừng cho lắm, kẻo ngày kia ăn năn quá muộn*”.

Trong quyển Lời Phê Cửa Đức Hộ Pháp, nơi trang 9, có ghi : Có một vị Chí Thiện làm tờ dâng lên Đức Hộ Pháp xin nghỉ cúng thời Tý vì già cả, bệnh hoạn. Đức Hộ Pháp mới phê như sau : *"Hễ càng già lại càng cúng nhiều dâng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức Chí Tôn định, ấy là bí mật giải thoát của Chí Tôn để nơi Cơ Tân Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí Pháp này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hễ nghe thời cúng là ngồi dậy dâng Tam Bửu cho Chí Tôn."* Hộ Pháp (Ấn Ký).

Ngoài ra còn một điều rất quan trọng nữa là lúc Nhạc Tấu Huân Thiên. Trước khi cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn tại Tòa Thánh hay các Thánh Thất, sau phần Lôi Âm Cổ khởi và Bạch Ngọc Chung minh thì tới phần : Nhạc Tấu Huân Thiên. Khi Lễ xướng câu này thì mỗi người trong đàn cúng đều phải đứng cho thật nghiêm trang, ban nhạc khởi đánh trống Tiếp Giá (Nghinh Thiên) để đón rước Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng đàn. Mọi người trong đàn cúng phải tịnh tâm, chẳng nên xao động. Dứt trống Tiếp Giá thì xây trống mà đờn 7 bài, hoặc 5 bài hay 3 bài tùy theo lễ Vía. Về Nhạc Tấu Huân Thiên, Đức Hộ Pháp có dạy như sau : *"... Khi nghe Nhạc Tấu Huân Thiên là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác ý : Khi dâng lễ Đức Chí Tôn, qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận chuyển dâng cái sống cho Ngài. Nên chi từ đây, khi nghe Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn Dâng Tam Bửu, dầu phải đi lữ nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, vì lẽ ấy làm mất điều kính trọng dâng lên Chí Tôn mà không nên. Khi ấy là vận chuyển Bát Hồn đánh lễ Đức Chí Tôn... Xin khuyên toàn đạo từ đây nên để trọn tâm mà kính trọng khi Nhạc Tấu Huân Thiên... Tiếng kèn, tiếng trống đất, tiếng trống da, tiếng mõ cây, tiếng khánh đá, tiếng chuông đồng, cùng với tiếng dây đàn, tiếng sáo trúc, ấy là Tám âm. Các vật vô năng mà nói được, có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt Đạo, hiệp với tiếng kinh của mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiển lễ."*

Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn :

Bát Hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,

Vạn Vật đồng tinh niệm Chí Tôn.

(Huỳnh Lão là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng

Đế)

Bản Đạo dạy một lần nữa, khi nào xướng : Nhạc Tấu Huân Thiên, thì phải đứng bình tĩnh, người nào vô không kịp thì đứng ngoài mà thôi”.

Do trên, chúng ta thấy việc Cúng Đàn (Đại Đàn và Tiểu Đàn) là rất quan trọng và rất hữu ích cho chúng ta. Cho nên mặc dầu nhà có lập Thiên Bàn thờ Đức Chí Tôn để Tứ Thời tụng niệm, nhưng luật Đạo cũng buộc chúng phải đến Tòa Thánh hoặc Thánh Thất cúng vào các ngày Sóc, Vọng và Lễ Vía, để chúng ta có dịp đón rước Đức Chí Tôn và chư Thánh, Thần, Tiên, Phật giáng đàn khi Nhạc Tấu Huân Thiên, và dâng Tam Bửu (Tinh, Khí, Thần) của mình cho Đức Chí Tôn trong lúc dâng Hoa, Rượu và Trà.

Tân Luật, điều thứ 19 qui định rằng : “ Một tháng hai ngày Sóc, Vọng bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế”.

Ngoài việc cúng kiếng Trời Phật, chúng ta cũng phải thường xuyên quét dọn và chăm sóc các Bàn Thờ cho được thanh khiết, và thỉnh thoảng đến Thánh Thất làm công quả, như là trong những ngày Sóc, Vọng và Lễ Vía, đặc biệt là trong những ngày Tết. Bát Nương Diêu Trí Cung có dạy là “*Những vị nào trong lúc ngày xuân biết lo phụng sự Thần, Thánh, Tiên, Phật thì công đức được xấp hai lần ngày thường*” (TNHT, quyển 2, trang 7).

Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo

TỤNG KINH

Hiền Tài Lê Văn Thâm

Tụng kinh là thực hành một trong những pháp tu căn bản nhằm chuyển hóa tâm thức để phát triển tâm linh đúng theo con đường mà các Đấng Thiêng Liêng đã dạy.

Thông thường người đời nghĩ rằng ai tụng kinh nhiều là tu nhiều, ai tụng kinh ít là tu ít. Cách nghĩ như thế có thể đúng mà cũng có thể không. Không hẳn tụng kinh nhiều là tu nhiều và ít tụng kinh là ít tu. Người tụng kinh thường xuyên mà tâm không chuyển hóa, hành xử mọi việc hoàn toàn theo thế tục, bị sai xử bởi ngũ dục, lục trần, như thế dù có tụng kinh nhiều mà cũng như chẳng có tu tập gì. Trái lại người không tụng kinh nhưng như đạo giữ tròn, tham, sân, si lìa bỏ được thì còn hơn tụng kinh ngàn bộ, lạy cúng vạn thời.

Nói như thế không có nghĩa khuyên người tu không tụng kinh hay đừng tụng kinh, vì thật ra kinh gồm những lời hay lẽ phải, khuôn vàng thước ngọc điển đạt Chân Lý. Tự bản thể kinh như vậy thì việc tụng kinh chẳng có lỗi gì. Trái lại, tụng kinh là hạnh nên hành, vì đó là một giáo pháp tu tập. Dù vậy, cần nên nghĩ phải tụng kinh như thế nào để có nhiều lợi lạc nhất. Lợi ở đây được hiểu là phương tiện hay con đường giúp ta siêu thăng hoặc giải thoát và lạc là niềm vui, không những là niềm vui lúc được về Cực Lạc mà vui ngay cả khi còn ở thế gian này.

Muốn có lợi lạc nhiều trong việc tụng kinh, điều cần yếu là nên xem qua các mục đích của đạo hạnh này để từ đó thấy được mục đích nào là quan trọng hơn cả.

MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC TỤNG KINH:

Tất cả người tu khi tụng kinh đều giống nhau. Mọi người đều ngồi hay quỳ, tụng hay đọc và lạy. Nhìn trên hiện tượng tức về tướng không có gì khác nhau. Dù vậy, trong lòng mỗi người, tức tự tâm, lại có nhiều khác biệt.

Thật vậy, cũng cùng tụng kinh nhưng nhiều người có nhiều mục đích khác nhau.

1. Có một số người đi cúng tụng kinh không thỉnh cầu, không van xin, không vọng niệm. Họ tụng kinh với tất cả lòng thành kính, với nhất tâm, chỉ có thể thôi.

2. Lại có người đi cúng tụng kinh để mong tìm kiếm được một phần thưởng mà họ nghĩ rằng các Thực Thể vô hình có khả năng ban bố.

3. Cũng có người khi tụng kinh tập trung tư tưởng hay trầm tư mặc tưởng để thỉnh cầu, van xin, từ một Thực Thể nào đó cao hơn.

4. Có người khác tin rằng với công lao khổ nhọc, thức khuya dậy sớm, đi xa về trễ v.v. để tụng kinh gõ mõ thế nào cũng có được một sự đáp trả thỏa đáng từ các Đấng vô hình.

5. Có người đang gặp nhiều phiền não, khổ đau. Trong cơn hoạn nạn họ tụng kinh gõ mõ cầu nguyện với lòng tin sẽ được phúc lành và sự che chở hầu tai qua nạn khỏi.

6. Có người đang lúc tâm tư tán loạn, tụng kinh để mong mỗi có một sự bảo trợ của ơn trên giúp đỡ nhằm có được sự bình tĩnh sáng suốt.

7. Một số người khác thường đi cúng tụng kinh vì biết rõ kinh là lời chơn lẽ thiệt, dạy tánh tốt hạnh lành, là khuôn vàng thước ngọc, là biểu trưng của Chân Lý, của diệu dụng mà ta muốn làm theo. Miệng tụng tâm hành y như phương cách mà từ xưa đến nay các Đấng Thánh, Tiên, Phật đã hành trì để thành đạo.

Tất cả những trường hợp được ghi trên đây thật ra chưa diễn tả hết được trạng thái tâm và ý của người tụng kinh vốn rất đa dạng. Dù vậy, có thể thấy ba dạng sau đây là vượt trội hơn cả.

I. TUNG KINH NHẤT NGUYÊN:

Một số người tụng kinh là chỉ biết tụng kinh thôi. Cũng có lúc họ thỉnh cầu nhưng chỉ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, đồng bào đồng loại mà thôi. Họ tụng đọc và đặt tất cả

chánh niệm vào lời kinh tiếng kệ không hề có hậu ý hay mong cầu việc tụng kinh sẽ làm cho họ thành Tiên thành Phật. Họ cứ tụng niệm và đạo hạnh này, giữ được họ ở trong chánh niệm để trở thành nhất niệm. Họ ít hay nói dù sinh hoạt vẫn bình thường. Đôi khi họ có trầm tư nhưng vẫn không buồn hay phiền não. Họ thường vui tươi, đó là dấu hiệu của người ở trong chánh niệm lúc nào thân tâm cũng an lạc. Đây là những vị có túc duyên nhiều đời, đã trải qua nhiều căn kiếp tu hành dù chưa đạt Đạo. Các vị ấy là những bậc đại căn đại trí. Đại trí ở đây có nghĩa là trí tuệ hay trí huệ hầu như viên mãn tròn đầy được tích tụ qua nhiều kiếp tu. Trí huệ đó dù các vị ấy không hề để ý tới nhưng mặc nhiên khả thị cho các vị ấy biết rằng tụng kinh mà để cầu chứng đắc thì có thể được phước hay được lợi lạc đến một mức độ nào đó thôi chớ không bao giờ chứng đắc giải thoát được.

Tóm lại, tụng kinh nhất niệm hay tụng kinh với tâm nhất nguyện chỉ thường có với những vị đã trải qua bao căn kiếp tu hành. Giờ đây, chư vị ấy tiếp tục tu, tụng niệm kinh kệ với nhất tâm, nhất niệm, nhất nguyện cũng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong đêm thuyết pháp tại Đền Thánh vào 29 tháng giêng năm Mậu Tý (1948). Ngài dạy tín đồ khi vào Đền Thánh phải tịnh tâm, tinh thần an định và khi cúng “phải để tâm nhất nguyện thì mới có sự hưởng ứng.”

Tâm nhất nguyện theo như lời Đức Hộ Pháp dạy đó là tâm không tán loạn hay phóng dật, không hôn trầm hay vọng niệm, vì nhất nguyện là để trừ tâm, cột tâm làm cho tâm động trở thành thanh tịnh, làm cho vọng tưởng không thể xâm nhập vào tâm.

Tụng kinh với tâm nhất nguyện cũng có nghĩa là tụng kinh với nhất tâm, mà nhất tâm bao gồm toàn ý, tức tất cả ý nghĩ, ý niệm, đều tập trung vào lời kinh để không còn một khởi ý nào khác có thể đi tạo nghiệp, vì nghiệp là do thân, khẩu, ý mà ý là chủ động. Như vậy, ý không còn khởi động, không còn chủ động là hết tạo nghiệp, tức siêu thăng hay giải thoát.

Giống như lời Đức Hộ Pháp dạy, bên đạo Phật Tông Tịnh Độ cũng dạy người tu niệm Phật với tâm **nhất nguyện**, niệm đến **nhất niệm**, và Thiên Tông, với Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy

Phật tử niệm đến vô niệm. Vô niệm, theo Lục Tổ Huệ Năng, chữ vô là vô vọng niệm, còn chữ niệm đó là tâm nhất nguyện đó là nhất niệm, niệm Chân Như.

II. TUNG KINH THỈNH CẦU:

Ngoài những bậc chân tu có căn cơ tụng kinh nhất niệm để được siêu thăng hay giải thoát, có nhiều người tu tụng niệm phần lớn để thỉnh cầu. Vấn đề đặt ra là việc thỉnh cầu có thấu đến được các Đấng Thiêng Liêng hay không?

Người đời thường nói: “Hễ có cảm là có ứng”. Và Đức Hộ Pháp cũng trong đêm thuyết pháp 19 tháng giêng Mậu Tý (1948) tại Đền Thánh có dạy rằng: “Đi cúng, điều trọng yếu nhất là tinh thần, cái huyền vi Bí Pháp tinh thần ở đây là Cửu Trùng Đài rồi Bát Quái Đài thuộc về Chơn Linh, ấy là linh tâm xuất hiện, nếu mấy em có cảm mới có ứng, mà nếu có ứng thì mấy em mới hưởng được, thẳng không hưởng được là lỗi tại mấy em không trọn tâm thành kính.”

Quả thật vậy, quyển Thiên Đạo có khai triển rõ việc này và trang 62 ghi như sau: “Hễ chúng ta tin tưởng Trời Phật thì Trời Phật cảm ứng với chúng ta. Đức tin tỷ như một vật chứa nước, cơ cảm ứng đối với đức tin ví như nước đem đựng vào. Vật lớn chứa được nhiều nước. Vật nhỏ chứa được ít nước. Đức tin lớn được nhiều cảm ứng và trái lại; chỉ như vật chứa bể đi (là khi mất đức tin) thế nào đựng được nước nữa (mất cơ cảm ứng).

Ngoài ra, trang 73 cho biết: “Trong võ trụ, tất cả mọi vật đều có thể phát ra những luồng điện mạnh yếu, dài ngắn khác nhau. Những luồng điện ấy, có khi thấy được, nhiều khi không thấy, xin gọi là Linh Điện cho dễ hiểu. Từ loài nhỏ vô cùng như vi trùng cho đến vì tinh tú to vô hạn, đều có đặc tính phát điện. Thế mà người không biết là vì không có linh giác tiếp xúc được những Linh Điện ấy... Thần Tiên giao thông với người bằng Thiên điện cũng như như loại giao thông với nhau bằng máy vô tuyến điện vậy, cho nên Tiên phàm hai nẻo song có thể thông công với nhau được. Nhưng muốn giao thông, tất nhiên người phải đồng điện với Thần, Thánh, Tiên, Phật... Cơ thể con người cũng như cái máy vô tuyến điện. Máy này có hai bộ phận, một

phần để thu điện vào và một phần để phát điện ra. Phạm hể muốn thu điện của một cái máy khác phát ra thì máy thu và máy xuất cần phải có một năng lực thuần điện cùng nhau (même longueur d'ondes)”

Như vậy vấn đề các nhơn phẩm thông công được với các Đấng Thánh, Tiên, Phật là việc có thể xảy ra với điều kiện là phải đồng điện (harmonie de fluide) và thuần điện (même longueur d'ondes). Vậy đồng điện và thuần điện là gì?

Cũng trong quyển Thiên Đạo, trang 121 có giải thích như sau: “Nên biết vạn pháp đồng nhất lý. Người và Trời là một. Nhưng bởi người truy lạc mà phải xa Thiên Lý”.

Thật vậy, chữ vạn pháp ở câu trên chỉ tất cả mọi sự vật thế gian trong đó có con người. Người với Trời vẫn như là một, đồng nhất lý. Tại sao có thể nói như vậy?

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Này thiện tri thức, chẳng ngộ tức Phật là chúng sanh, khi một niệm ngộ, chúng sanh là Phật.” Như vậy Phật hay chúng sanh không khác, tức cả hai đều có Pháp Tánh hay Nhơn linh nhưng chỉ khác nhau là do mê hay ngộ mà thôi. Để chứng minh, xin ghi lại tiền kiếp xa xưa của Đức Phật Thích Ca. Đức Phật Thích Ca có một tiền kiếp đọa vào địa ngục để thọ phạt. Một hôm Ngài thấy bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa bắt một nga quỷ dẫn đi vừa đánh đập vừa chưởi rửa. Ngài động lòng thương nên phản đối, bảo rằng làm gì mà đánh chưởi như thế. Bọn đầu trâu mặt ngựa quay lại đánh Ngài và đâm một chĩa ba vào bụng Ngài làm Ngài chết. Sau khi chết Ngài thoát được địa ngục và đầu thai trở thành người nhờ có lòng từ tâm biết thương xót kẻ khác. Sau đó Ngài tiếp tục tu đến thọ Bồ Tát từng quyền Đức Phật Nhiên Đăng và cuối cùng đắc thành Phật quả sống ở thế gian 49 năm là một Đức Phật tại thế với hình thể một con người đắc đạo đi phổ độ chúng sanh. Như vậy, Trời Người là một, chỉ khác nhau là mê muội tức vô minh hay tỉnh thức tức giác ngộ mà thôi. Về chủng tử Phật, Thánh, Tiên thì tất cả mọi người đều có, nhưng nếu con người không tỉnh ngộ mà cứ chìm sâu mãi vào truy lạc, vào u mê tăm tối của vô minh thì Chơn Linh phải lần lần xa lìa Thiên Lý. Đó là hiện tượng mà giáo lý đạo Cao Đài

trong phần Thánh Ngôn bảo rằng: “Mỗi ngày thốn mồn mỗi ngày qua. Tiên Phật nơi mình phải ở xa” đó vậy.

Một khi “Tiên Phật nơi mình phải ở xa” có nghĩa là Chơn Linh xa lìa Thiên Lý thì con người sẽ mất đi năng lực đồng điển và thuận điển với các Đấng, từ đó khả năng thông công không còn nữa và do đó dù có van xin, cầu khẩn gì thì chẳng khác nào khói mây bay tan vào hư không vô tận, chẳng diệu dụng gì.

Theo Thiên Đạo, sở dĩ Chơn Linh phải xa lìa Thiên Lý là vì con người quá đam mê dục lạc. Chính ngũ dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thù và lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã làm cho con người tham đắm mà ngày càng trở nên mê muội. Đã mê muội con người không còn biết tự nơi mình có chủng tử Tiên Phật, không còn nhớ đến Tiên Phật là những Đấng chí thành, chí Thánh, đại lượng đại bí, mà có nhớ chẳng là chỉ để thỉnh cầu van xin cho được nhiều phước đức, được an lành hoặc tai qua nạn khỏi mà thôi.

Nếu con người khi tụng kinh với mục đích chỉ để cầu xin mà không để ý tới lời kinh để lời kinh được đi sâu vào tâm não, phá mê, phá chấp thì việc tụng kinh đó có thể được phần nào phước đức chứ không thể đạt được mục đích tối hậu là siêu thăng hay giải thoát. Thí dụ như một người tụng kinh nhiều nhưng dục lạc vẫn không chừa, vẫn còn chấp ngã, chấp pháp, chấp thân., chấp tâm, chấp danh tự ngôn ngữ .v.v thì tụng kinh cho lắm cũng để tự hành hạ thể xác mình mà thôi. Không tỉnh lặng, không thanh tịnh, không đồng điển, không thuận điển thì sẽ không thông công được với các Đấng, do đó cầu xin sẽ khó có kết quả được.

Điều quan trọng trước khi tụng kinh và muốn tụng kinh có diệu dụng, người tu phải biết từ bỏ dục vọng, xả chấp và quan trọng nhất là phải giữ tròn ngũ giới . Giữ tròn ngũ giới là bước đầu đặc biệt quan trọng đối với người tu. Người tu mà còn làm hại người khác hay còn có ý hại người, xâm phạm hay lường gạt của cải người khác, dâm loạn, uống rượu đến loạn tâm và nhất là vẫn nói láo, nói thêu dệt thêm bớt để hại người hoặc để gây chia rẽ, nói đâm thọc, nói lời độc ác hay bất cứ lời nào làm

đau khổ người khác thì dù có tụng kinh nhiều, tụng mãi cũng chẳng được lợi lạc gì. Có giữ gìn đúng ngũ giới rồi sau đó tụng niệm để tu hành thì việc tu hành do tụng kinh gỡ bỏ mới diệu dụng được. Muốn được nhiều diệu dụng, người tụng kinh cần phải hiểu kinh dạy gì, hiểu cái lý trong kinh tức chân lý mà cái Đấng Thiêng Liêng dạy dỗ qua kinh, cơ, luật, luận. Chính vì lý do này mà Cổ Nhân mới dạy: “Đọc Kinh Cầu Lý.”

III. TỤNG KINH CẦU LÝ:

A. LÝ TRONG KINH:

Người tụng kinh mà không nắm được lý trong kinh tức Chân Lý mà các Đấng Thiêng Liêng muốn dạy qua lời kinh có thể có lợi mà cũng có hại.

Thông thường, tụng kinh là một phương cách để tu. Người tụng kinh chân quỳ, tay chấp đồ đố thân tịnh. Thân không làm điều xằng bậy hay ác độc mà ở trong tư thế sẵn sàng thể nhập thiện lành đó là không tạo nghiệp ác về thân. Thân nghiệp tránh được khi tụng kinh thì khẩu nghiệp cũng thế. Người tụng kinh miệng đọc lý chơn, lời mỹ, điều phải lẽ hay, tức khẩu hành ngôn thiện. Thân nghiệp và khẩu nghiệp đã nhờ tụng kinh tránh được, nhưng ý nghiệp thì thế nào?

Người ta thường nói “Tâm viên, ý mã” có nghĩa vọng tâm của người thế gian chẳng khác nào một con khỉ, con vượn. Khỉ vượn không khi nào ngồi yên một chỗ mà chuyển từ cành này song cây khác. Vọng tâm người thế gian cũng vậy. Hết thương rồi ghét, hết vui rồi buồn, thường chứa chấp lục đục thất tình hỷ nộ, ái ố, dục v.v. Chính thất tình lục đục đã làm cho con người luôn luôn văng động trên bước đường hướng về tội ác mà xa lìa chánh kiến chánh tư duy và cuối cùng là chánh đạo. Tâm thì như thế mà ý cũng không khác. Ý mà có nghĩa ý như một con ngựa, cứ chạy rong xuôi ngược, chẳng chịu dừng, chẳng chịu đứng yên. Như vậy, việc dừng ý nhằm dừng vọng tưởng, vọng tâm tức dừng nghĩ đến những điều độc ác, xấu xa để thanh tịnh

cái ý của mình rất quan trọng và cần phải làm ngay. Đây là một bước để không tạo ra ý nghiệp.

Người tu, một khi đã tịnh được ý, thân và khẩu không còn tạo ra khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp thì từ đó bước đường trở về ngôi xưa cảnh cũ hay quy hồi cựu vị đã rộng thênh thang. Có câu:

“Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đồng Phật vắng Tây Phương”.

Nói thì dễ, nhưng thực hành lại khó. Thường thường người tu khi tụng kinh, chân quỳ, tay chấp, miệng đọc là đã tịnh được thân và khẩu, nhưng ý thì khó tịnh hơn nhiều. Có người miệng vẫn tụng đọc nhưng ý nghĩ thì khi nhớ chuyện này, khi chuyện khác. Nếu tụng kinh mà cứ thả ý chạy rong thì khác nào người muốn chặn tâm, chặn ý mà cứ để tâm ý phóng theo ngoại cảnh, để căn chạy theo trần sanh ra thức rồi từ đó tạo ra bao nhiêu ý nghiệp không lành. Do đó, khi tụng kinh, điều quan trọng là phải luôn luôn giữ ý, giữ niệm. Niệm ở đây có nghĩa là nhớ.

Nhớ đây là nhớ gì. Đó là nhớ lý của kinh, nhớ chân lý qua lời dạy của các Đấng trong kinh để từ đó luôn luôn giữ chánh niệm nhằm hành trì theo đúng ý kinh. Chánh niệm ở đây được hiểu một cách nôm na là những lời dạy chân chánh mà ta hiểu rõ và ghi nhớ trong tâm, bây giờ muốn noi theo gương thành đạo của các Đấng, ta đọc để dâng lên các Đấng, trình với các Đấng rằng ta hiểu rõ ý nghĩa kinh, chân lý mà các Đấng đã dạy và tâm ta nguyện noi theo chân lý này tức là Đạo để phản bổn hoàn nguyên. Chính với mục đích này mà Đức Hộ Pháp trong đêm 14 tháng 2 Mậu Tý (24-3-1948) thuyết pháp tại Đền Thánh có cho chúng ta biết rằng Ngài phải dùng Quán Ma Xứ để dâng niệm và ý của chúng ta vào tận Bát Quái Đài. Ngài nói: “Khi bái đàn rồi cả thấy quỳ tụng kinh, còn Bản Đạo tịnh niệm, mỗi câu kinh mà mấy em đọc vẫn dễ, vì thuộc mà đọc thôi, riêng Bản Đạo mỗi câu kinh phải mật niệm, tu hết nghĩa lý của nó dâng lên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Rồi còn điều này rắc rối hơn hết, hễ khi nào cả thấy tụng rồi bài kinh Chí Tôn hay bài kinh Tam Giáo, khi Bản Đạo thấy nín hết, buổi

đó đem hết tinh thần trụ lại, dâng lời mật niệm ấy vào Bát Quái Đài... Bản Đạo cuối đầu niệm thế cho cả thầy”.

Qua lời thuyết pháp của Đức Hộ Pháp, người tu thấy lúc tụng kinh, tâm và ý niệm rất quan trọng. Muốn cho tâm thể nhập với lời kinh và niệm đúng với Chân Lý trong kinh, người tu phải hiểu rõ lý của kinh. Nói rõ hơn, tụng kinh trước nhất là phải thấu hiểu ý nghĩa của kinh, chân lý hay đạo lý mà kinh dạy để miệng tụng tâm hành như thế mới diệu dụng được.

Trái lại, người tụng kinh mà không hiểu rõ ý nghĩa của kinh nhiều khi lại có hại. Tụng đọc kinh nhiều mà không thấu lý đạt nghĩa, người tu dễ mệt mỏi và đó là một trong những nguồn gốc khai triển tâm sân. Ngoài ra, tụng đọc nhiều kinh, người tụng đọc dễ sanh cống cao, tự cho rằng mình tu nhiều hơn người khác, cao hơn người khác và đôi khi lại xem thường người tụng kinh ít hơn. Đây là một thứ bệnh tâm mà nhiều người tu thường mắc phải nếu thiếu tâm khiêm hạ và nếu tụng đọc kinh nhiều nhưng không hiểu ý nghĩa và công dụng của kinh.

Nghĩa thật sự của kinh là cái lý tức chân lý mà các Đấng muốn dạy thông qua kinh. Kinh giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay không phải là chân lý mà mặt trăng mới thật là chân lý. Dù vậy, vẫn phải nhờ ngón tay chỉ mới lần theo hướng đó để thấy mặt trăng. Ngón tay hay kinh giống như chiếc bè đưa khách từ bến mê bên này sang bờ giác bên kia. Chiếc bè chỉ là phương tiện thôi. Nếu người sang sông cứ ôm chiếc bè mà không chịu bước lên bên kia bờ giác thì cũng giống như người tụng kinh không hiểu nghĩa và công dụng của kinh, cứ ôm kinh mà tụng đọc và không cần đạt lý để tu, chỉ vì nghĩ rằng càng tụng đọc nhiều càng tốt, càng tụng kinh nhiều làm mình đã có tu nhiều. Hiểu như thế này dễ khiến người tụng đọc kinh sinh ra ngã mạn, mà ngã mạn là một trong sáu tâm bệnh nặng nhất của người tu, đó là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến.

Xin được ghi lại nơi đây câu chuyện của một nhà tu do tụng kinh nhiều mà sinh ra ngã mạn: có một vị tăng tên là Pháp Đạt đi tu từ thuở mới lên 7 tuổi. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm sư đến đánh lễ Lục Tổ Huệ Năng, quỳ cuối xuống lạy Tổ nhưng đầu không sát đất. Tổ thấy thế lấy làm lạ bèn quở

rằng: “Ông lẽ lạy mà đầu không sát đất chi bằng đừng lạy là hơn. Trong tâm ông chắc có ẩn chứa sự nghiệp gì phải không?”

Sư Pháp Đạt thưa: “Tôi đã tụng được kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ”.

Tổ bảo nếu ông tụng được đến muôn bộ và hiểu rõ lý của kinh cũng như không còn chấp ngã để ngã mạn thì lúc đó ông mới bằng ta. Nếu không hiểu lý kinh và vẫn còn chấp ngã tức là vẫn còn có tội chớ mong gì được phước đức. Tổ bảo: “Hữu ngã tội tức sanh. Vong công phước vô tử” nghĩa là có ngã tội liền sanh. Quên công phước vô tử.

Sư Pháp Đạt nghe Tổ quả như thế liền thức tỉnh, hối hận tạ lỗi thưa rằng con đã tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, cuối mong Tổ chỉ dạy.

Tổ Huệ Năng dạy rằng: nếu người tu khi tụng kinh mà hiểu được nghĩa thì mới có thể nhờ kinh để đi đến chân lý, tức tu theo lời dạy trong kinh để đạt Đạo. Ngược lại, nếu tụng kinh mà không hiểu nghĩa thì chỉ để kinh làm cho người tụng mệt nhọc nhiều thêm thôi. Cứ tụng kinh hoài mà không thấu được lý trong kinh không khéo sẽ có nhiều hại hơn là lợi lạc. Tổ nói: “Tụng kinh cứu bất minh, dữ nghĩa tác thù gia”. Nghĩa là tụng lâu không rõ nghĩa, cùng nghĩa trở thành thù.

Tóm lại, người tu khi tụng kinh, điều quan trọng là phải hiểu rõ lý của kinh. Chính lý của kinh mới có thể dẫn dắt người tu từ bến mê đến bờ giác. Chính lý của kinh hay chân lý trong kinh mới thức tỉnh được con người, trị được tâm bệnh mà hầu hết người thế gian đều mắc phải.

B. KINH VÀ TÂM:

Người thế gian có hai thứ bệnh: bệnh thân và bệnh tâm.

Bệnh về thân như nóng lạnh, nhức đầu v.v. và bệnh về tâm như phiền não, khổ đau, tham, sân, si v.v.

Khi bệnh thân, người ta phải đi đến bác sĩ. Bác sĩ cho toa về mua thuốc uống để trị. Còn bệnh về tâm thì phải nương vào Đạo, nhờ kinh cơ để giải tỏa những phiền não khổ đau.

Dù biết vậy, nhưng nếu bệnh về thân, người bệnh đến bác sĩ cho toa rồi về không chịu mua thuốc uống mà cứ cầm cái toa ấy đọc hoài, đọc mãi đến thuộc lòng như thế làm sao hết bệnh được. Đọc thuộc lòng toa thuốc, dù đọc muôn ngàn lần, bệnh vẫn còn. Chỉ có theo toa mua thuốc uống thì bệnh mới hết được.

Cũng vậy, người đời phải nương theo Đạo, nương theo kinh kệ để trị bệnh tâm. Phải biết Đạo, hiểu kinh và tụng đọc kinh thì mới mong trị lành tâm bệnh. Nói khác hơn, thuộc kinh để đọc thôi chưa đủ, mà điều cần yếu là phải thấu hiểu được ý nghĩa của kinh, chân lý chứa đựng trong kinh, cái lý mà kinh muốn dạy để từ đó ứng dụng tu hành hầu giải tỏa những vọng niệm, loạn tâm v.v. như thế mới mong phá được phiền não, giải được khổ đau để trị lành tâm bệnh.

Tóm lại, kinh là khuôn vàng thước ngọc, nói hạnh tốt, dạy hạnh lành, là biểu trưng của diệu dụng mà ta muốn làm theo. Kinh là lời chơn, lẽ thiện mà các Đấng Thiêng Liêng ban cho nhơn sanh để noi theo đó mà tu tập. Do đó, tụng kinh trước nhất phải thấu hiểu ý nghĩa của kinh, giáo lý thâm diệu trong kinh mà các Đấng muốn truyền đạt. Nếu tụng kinh mà chỉ chân quỳ tay chấp, không cần biết kinh dạy phải làm gì, tâm phải hành như thế nào, vậy là không theo đúng thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng; Các Đấng ban cho nhơn sanh kinh, cơ để noi theo đó mà tu. Điều quan trọng là người tu phải biết vận dụng kinh, noi theo lời dạy trong kinh để miệng tụng tâm hành. Thế mới đúng là tu tập. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Người mê miệng đọc, người trí tâm hành” và “miệng tụng mà tâm chẳng hành như huyễn, như hóa, như sương, như điện chớp chớp không có thật. Miệng tụng mà tâm hành thì tâm miệng tương ưng, sẽ lần hồi thấy được Chơn Tâm, Tự Tính.”

C. TUNG KINH HIỂU LÝ ĐỂ TU:

Người tu hầu hết ai cũng biết Tu là sửa. Nhưng sửa đây là sửa những gì?

Đó là sửa những thói quen, tật xấu, tập khí ngàn đời mà ta đã huân tập qua nhiều căn kiếp, cũng như đã tạo ngay ở kiếp này. Các thói quen tật xấu đó đã bao phủ lấy ta, vây hãm ta. Chúng như cái vỏ cứng, như cái tháp ngà mà trong đó ta bị giam cầm mà hầu như không hề hay biết. Ta phải phá hủy, bẻ gãy tất cả những thói quen tật xấu đó vì chúng như bức tường rào, như cái nhà tù đã nhốt chặt ta. Ta bị giam hãm hoặc ngủ mê trong lầu ngục của thành kiến, của ngũ dục lạc, buồn đau hờn giận, tóm lại trong bốn bức tường của mê và chấp đã đem đến cho ta không biết bao nhiêu phiền não.

Dù biết vậy, nhưng thẳng hoặc có người lại cho rằng họ vẫn hoan lạc chớ có buồn khổ gì đâu. nếu nghĩ như thế thì điều cần thấy là sự hoan lạc đó chỉ là hoan lạc của thế gian, của vô thường, có đó rồi mất đó. Càng chìm đắm trong mê lầm hoan lạc thế gian con người sẽ càng tạo nghiệp, mà như đã nói ở phần ngũ giới là nghiệp sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường luân hồi chuyển kiếp, vì khi ta chết đi rồi thì bao nhiêu hoan lạc, hình tướng thế gian ta sẽ bỏ lại tất cả, trừ nghiệp là vẫn không khi nào rời bỏ ta. Chính vì lý do này mà ta cần phải thức tỉnh hay giác ngộ. Thức tỉnh hay giác ngộ là đặc tính bản chất của Chơn Linh mà chỉ tại vì mê đắm, bị lớp bụi trần gian phủ mờ mà ta đã quên đi và hầu như đã đánh mất do đó mới chìm nổi trong kiếp luân hồi.

Nói đến luân hồi, nói đến sự không thường hằng của kiếp sống tại thế gian, nhiều người bảo rằng nói như vậy chỉ cốt làm cho con người bi quan yếm thế và như vậy là không thực tế. Sự thật trái hẳn lại. Nếu biết được đời là vô thường như vậy ta mới thức tỉnh, nhận thấy được cái chân thường ở ngay trong ta. Đó là Chơn Tâm, là Phật Tính, là Bản Lai Diện Mục của ta.

Chính cái lý vô thường này làm cho ta vui hơn, hoan hỉ hơn thay vì bi quan yếm thế. Thấy đời là vô thường tức ta thấy sự biến hóa hay tan hoại của tất cả ngã, tất cả pháp (sự vật) trên đời này. Nếu đời không vô thường, không biến hóa đổi thay thử hỏi làm sao đứa bé lớn lên được. Nếu nó cứ thường hằng như vậy thì đứa bé sẽ bé hoài làm sao thay đổi để trưởng thành. Nếu mọi pháp trên thế gian không vô thường mà cứ thường hằng

mãi mãi như vậy thì thử hỏi làm sao các chế độ độc tài chuyên chế chuyển đổi được để trở thành dân chủ tự do. Chính sự vô thường, thay đổi, biến hóa, mà một khi thấu hiểu được, sẽ làm cho con người hoan hỉ và hạnh phúc nhiều hơn, vì điều mà bất cứ ai sống trên đời cũng mong chờ là sự biến đổi để đưa con người càng ngày càng hạnh phúc, một khi con người đã nhận thấy được chân thường và nương theo đó mà tu tập.

Mục đích của tu tập là gì mà bảo tu là sửa?

Trước tiên, tu là làm sao cho cuộc đời càng ngày càng đẹp đẽ hơn, dễ chịu hơn và hạnh phúc hơn không những cho riêng mình, gia đình mình mà cũng cho tất cả mọi người. Phát triển cái khả năng có hạnh phúc của mình, cái khả năng đem lại hạnh phúc cho mọi người đó là một trong những mục đích của việc tu tập. Người càng tu, thấy được đâu là hạnh phúc chân thường không bao giờ biến hoại, khác hẳn với hạnh phúc vô thường có đó rồi mất đó, người tu đó sẽ có khả năng tạo hạnh phúc cho mình và cho tất cả mọi người. Nếu tu mà không thấy có hoan hỉ, có hạnh phúc thì thôi còn tu để làm gì. Thử cứ nhìn hình tượng các Đấng mà ta tôn thờ, nhất là hình ảnh của Đức Phật Thích Ca, ta thấy hình ảnh của các Đấng đều an nhàn tự tại, Đức Phật Thích Ca thì luôn luôn vẫn cười, một nụ cười êm đềm, nhẹ nhàng, hồn nhiên của hạnh phúc chân thường chớ không phải nụ cười to tiếng hay toe toét của người thế gian một khi đã đạt được khoái lạc hồng trần.

Nói tóm lại, muốn tránh được phiền não khổ đau và đạt được hạnh phúc vĩnh hằng, con người cần phải tu. Muốn tu, con người phải trồng cây vào kinh, cơ, luật, luận để cấu lý. Muốn thấy lý của kinh thì phải hiểu kinh phải biết coi kinh có mục đích dạy những gì để nương theo đó mà luyện tâm, rồi miệng tụng tâm hành chớ không thể tụng đọc thuộc lòng như để cho các Đấng Thiêng Liêng nghe. Các Đấng Thiêng Liêng ban cho kinh, các Đấng đã biết hết rồi không có ý để nghe tụng đọc lại. Điều các Đấng chờ đợi là người tu thấy được lý của kinh để nương theo lý này mà tu tập. Kinh là phương tiện, kinh chỉ cho thấy được Chân Lý tức là Đạo giống như chiếc bè dùng để sang sông mà đến bên kiabờ giác vậy.

Người tu phải nhờ kinh, phải hiểu lý kinh rồi tụng kinh với hạnh miệng tụng tâm hành để tu, để tự cứu lấy mình và phổ độ bao nhiêu người khác nếu có thể. Chớ người tu không thể tụng kinh mà chẳng hiểu kinh dạy gì, và tụng đọc chỉ để thỉnh cầu van xin, như vậy có được phước cũng chỉ phần nào thôi.

Nếu con người vẫn cứ ham muốn, thêm khát, tham dục, chạy theo trần cảnh làm cho tâm tán loạn; nếu con người thiếu tình thương, thiếu từ tâm, không chịu tu thân, tu giới, tu tâm, thân cứ làm ác, tâm cứ tham, sân, si, giới luật chẳng giữ gìn, đó là mình đã tự tạo phiền não khổ đau cho mình, như thế phải nhờ kinh khai thị tức mở bày ra cho thấy thiện chơn, thiên lý để rồi theo lý của kinh mà đổi vọng thành chơn, vô minh thành trí tuệ, phá mê, phá chấp để ngộ nhập.

Nói rõ hơn, tụng kinh là phải làm sao cho ý nghĩa của lời kinh thấm vào trong lòng mình. Phải để ý tới chân lý trong kinh để lời kinh được đi vào tâm làm cho những hạt giống thiện lành, những hạt giống tuệ giác, những chủng tử của trí tuệ và giác ngộ được tưới tẩm bởi lời kinh. Tụng kinh cầu lý ngoài việc hiểu lý của kinh còn phải tụng với niệm lực và định lực để ý tới lời kinh, để hết tâm vào lời kinh từ đó lời kinh có thể làm cho ta bừng tỉnh ngộ nhập. Phải làm sao cho tâm ta như những thửa ruộng mênh mông mà lời kinh như là những trận mưa rào giáo pháp. Nói khác hơn, phải hiểu lý kinh để khai mở trí huệ khi tụng kinh để lời kinh càng mở mang tuệ giác. Đọc kinh, tụng kinh như thế mới đúng là đọc tụng để tu.

Khi tụng kinh, người tụng đọc đi đọc lại những câu văn mang đến lời hay lẽ phải, lời thiện lẽ chơn, và hơn thế nữa kinh còn diễn tả con đường để đi đến đạt Đạo, con đường dẫn đến Chân Lý và ngay cả Chân Lý. Nhờ tụng kinh, nghe kinh hay giáo lý, người tu sẽ lần hồi nhớ lại con người chân thật của mình vốn dĩ thiện lành, từ tâm, từ ái, luôn luôn mong cầu tự giác và được hạnh hạnh phổ độ tức giác tha. Đó là nhờ lời kinh hay giáo lý tụng đọc hoặc lắng nghe đã nhắc lại cho người tụng đọc hay người nghe nhớ lại bản tính, trí huệ mà con người mình có sẵn từ lâu nhưng lại che giấu bởi lớp bụi trần.

Khi tụng kinh, người tụng kinh sẽ cảm thấy được một cảm giác sâu xa về những gì thân thích, quen thuộc với mình, đã có sẵn trong con người mình nhưng bị vọng trần đè nén từ lâu, giờ nay kinh sẽ làm cho những cảm giác ấy chầm chậm thức giấc và sống dậy, dẫn người tu từ từ trở về con đường đạo lý, đó là đường tu, cách tu để siêu thăng hay giải thoát qua hạnh lễ bái, kinh kệ, để kiến tánh minh tâm.

Hơn thế nữa, càng lễ bái tụng kinh, có nghĩa càng để tâm lắng nghe thật sự những gì do kinh dạy, người tu chỉ còn nhớ lời kinh mà lần hồi buông bỏ và quên đi bao nhiêu vọng niệm, vọng tâm, vọng thức, những thứ từ lâu do vọng trần từ bên ngoài và tư kiến, định kiến, thành kiến từ bên trong đã dồn vào chông chất và độn nay đầu óc con người. Chúng là những trở ngại, mà người đời gọi là lớp bụi trần gian, đã thực sự ngăn che con người với bản tính chân, thiện, mỹ tự nhiên và thiên nhiên trở về với Đạo. Tụng kinh, nghe kinh, người tu nhớ lời kinh, chân lý phô bày sự thật từ lời kinh mang đến, do đó người tu sẽ lần hồi buông bỏ được những gì do phàm tánh hay thú tánh gây nên. Người tu sẽ lần hồi buông bỏ được cái ta, cái ngã, huyễn hóa, đó tức là lần hồi rời xa chấp ngã. Người tu trước nhất nhờ giữ giới, rời xa được chấp ngôn, rồi nhờ gỡ bỏ tụng kinh, lắng nghe kinh kệ, lắng nghe giáo lý lần lần rời xa được chấp ngã. Một khi đã rời được chấp ngôn, rời xa chấp ngã thì con đường trở về “cảnh nhàn buổi xưa” (theo kinh Đại Tướng) sẽ không còn xa nữa. Người tu sẽ tiến lần gần hơn đến chốn quê xưa cảnh cũ và sẽ hoàn toàn đến nơi khi chấp ngã, chấp pháp không còn, đó cũng là nhờ Chân Lý, giáo lý từ trong kinh kệ mà có được.

Tóm lại, nếu mọi người đều hiểu rằng tụng kinh là có phước, điều đó đúng không sai. Nhưng phước không chưa đủ, cần phải có tuệ tức huệ. Tụng kinh mà hiểu được lý của kinh, tụng với niệm lực và định lực tức là tụng với trí tuệ để phát huệ nhằm thoát khỏi luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, đó mới đúng là mục đích tối hậu của đạo hạnh tụng kinh. Đó là Phước Huệ song tu.

Hiền Tài Lê Văn Thêm



VƯỜN THƠ

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng phu trách

TÂM NGUYỆN

Cơ Đạo chinh nghiêng hỏi có ai ?
Kế thừa giếng mối rơ anh tài.
Dang tay nâng đỡ nền chơn pháp,
Ra sức chu toàn bước triển khai.
Nguyện khẩn Chí Linh luân chuyển thế,
Cầu ơn Phật Mẫu giải tai ương.
Cộng tồn nhưn loại hòa sanh chúng,
Dưỡng hóa trùng hưng thoát nghiệt đài.

Trí Diêu

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng
Fontana- California.

HỌA

Tâm nguyện khẩn cầu dâng đến ai ?
Cao-Đài chuyển vận hiển linh đài.
Ban cho Đại-Đạo Tam Kỳ định,
Quy hiệp ngũ chi hoàng pháp khai.
Cứu độ toàn linh nơi vũ trụ,
Thoát vòng phiền não mãi bên tai.
Trọng điều nhân nghĩa luôn bày tỏ,
Kiên cố công phu bóng lộng đài.

Văn Xem

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng
Highlands- - California

NHIP CẦU TÌNH THƯƠNG

Hiền Tài Bùi Đông Phương

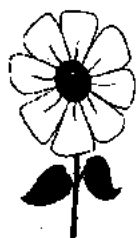
Tâm tư hoài bão vấn vương,
Duyên lành ngộ Đạo cang thường nhuần ôn.

Dù thế cuộc dập dồn chuyển biến,
Bạn tâm đồng viễn kiến sánh vai.

Mênh mông bể rộng đêm dài,
Bao la trời nước hải đài Cung Đâu.

Trọn kiếp xanh ôm bầu nhiệt huyết,
Cõi vô thường hàn nhiệt đổi thay.

Sắt son chẳng dăm đờn sai,
Hương về nguồn cội miệt mài dấn thân.



Luyện tánh tâm thuần chân vô ngã.
Mở lòng từ chí cả nấu nung.

Chân thành khoan nhượng bao dung
Nhất tâm theo Đạo thời trung chẳng rời..

Không nản lòng vì Đời nghiêng ngã,
Không bôn chôn vì bả lợi danh.

Giữ lòng chân chất cao thanh,
Hiến dâng phụng sự cõi lành náo nức

Nguyện với lòng tình thương rộng mở,
Hòa dưới trên nâng đỡ đồng sinh.

Nếu cần cũng dăm quên mình,
Thuỷ chung theo đúng quy trình chơn tu.

Tự thanh lọc mê mù tăm tối,

Vùng gươm thiêng dứt mối buộc ràng.

Thung dung tự tại tịnh an ,
Hương tâm xây dựng dinh hoàn hoà vui.

Cô chuyển thể thuyền xuôi gió ngược,
Hạnh người tu phương lược phong nghi.

Quy tam hiệp ngũ kiên trì,
Thù đồ bá lự nhất tri đồng hành.

Khắc ghi lòng nhân sanh còn khổ,
Đạo Trời cần phổ độ quảng truyền.

Thế gian nào đã bình yên,
Hành trình Đại Đạo truân chuyên còn nhiều.



Thầy Mẹ khuyên con yêu cố gắng,
Chốn mê đồ chiến thắng dục tâm.

Chưa tu dễ vương sai lầm,
Tu rồi nên ráng cầu tâm bốn nguyên.

Đường Thiên Đạo tâm truyền chánh giáo
Hạnh Đại Thừa gánh vác Đạo Trời.

Thuyền từ bể khổ trùng khơi,
Hiệp đồng huynh đệ không lối lảng lòng.

Đã quyết tâm cầu mong giải thoát,
Thương khách trần luân lạc bơ vơ.

Đang còn ngẩn ngẩn ngỡ ngơ,
Cúi mình nhận lãnh đồ thơ hóa hoàng.

Thương Cha Mẹ lòng hằng ghi tạc,
Mối Đạo Trời bao quát rộng sâu.

Đường dài không nản vó câu,
Dâng tâm nguyện bắc nhịp cầu tình thương.

Hiền Tài Bùi Đông Phương

THỊ TỊCH

Diệu tính hư vô bất khả phan,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.
Ngọc phần sơn thượng, sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị can.
Ngô Ân

Dịch thơ :

THỊ TỊCH

Hư vô chân lý quá cao vời
Hễ ngộ thì ra chỉ thế thôi !
Ngọc thiêu đầu núi càng thêm sáng,
Sen nở trong lò vẫn thấm tươi.
Nguyễn Tấn Hưng dịch

蓮發爐中濕未乾
玉焚山上色常潤
虛無心悟得何難
妙性虛無不可攀
示寂悟印

Ngô Ân : (1020-1088) tên là Đàm Khí , người đất Tư Lý, hương Kim Bài, vốn học Nho nhưng giỏi chữ Phạn. Năm 19 tuổi chuyển sang tu Phật. Lúc đầu thụ nghiệp với sư Quảng Trí ở chùa quán Đỉnh. Sau về tu ở chùa núi Ninh Sơn thuộc phủ Ứng Thiên, đứng trong thế hệ thứ 8 dòng thiền Quan Bích. Chú thích: Phủ Ứng Thiên (Nam Kinh) là một phủ thuộc Kinh thành Thăng Long lúc bấy giờ.

NGÔN HOÀI

Trạch đất long xà địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Không Lộ

Dịch thơ

Được đất long xà chọn trú cư,
Thú quê nhân hạ suốt ngày như:
Có khi leo tít đầu non quanh,
Hết tiếng vang trời lạnh thái hư.

Nguyễn Tấn Hưng dịch

長 有 野 擇 言
叫 時 情 得 懷
一 直 終 龍 蛇 空
聲 上 日 地 路
寔 孤 樂 無 可 居
太 嶺 餘 居

Không Lộ Thiên Sư : (? - 1119) họ Dương, tên thật chưa rõ, người hương Hải Thanh (nay thuộc tỉnh Nam Định). Tổ tiên vốn làm nghề chài lưới, đến đời Ông mới bỏ đi tu. Trong khoảng 1059- 1065 cùng bạn là Giác Hải vân du khắp nơi danh lam thắng cảnh. Sau đến tu tại chùa Hà Trạch, sống giản dị, không màng danh lợi. Cuối cùng về quê lập chùa tu đến hết đời.

ĐẠI-HỘI THANH THIẾU NIÊN CAO-ĐÀI THẾ-GIỚI kỳ II

Đại-Hội Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới kỳ 2 đã được tổ-chức vào các ngày 29 và 30 tháng 8 năm 2003 tại Hội-Trường Châu-Đạo California, số 14072 đường Chestnut, thành phố Westminster, California.

Vào khoảng 8 giờ sáng, các thanh thiếu niên Đại-Đạo trong đồng phục chỉnh tề đã đi lại tập nập trên đường Chestnut và tập trung đông đảo trong công viên hội trường. Đến 9 giờ, tất cả thanh thiếu-niên Đại-Đạo cùng quý vị Chức Sắc, Chức Việc, quan khách và đồng đạo được mời ra trước cổng chào để quay phim và chụp hình lưu niệm. Cổng chào này là một công trình rất độc đáo và đầy vẻ thẩm mỹ mà anh chị em thanh thiếu niên Đại-Đạo vừa dàn dựng xong ngày hôm qua.



Cổng chào Đại- Hội TTN Cao-Đài Thế-Giới.

Kế tiếp anh chị em thanh thiếu niên Cao-Đài lên chánh điện dâng lễ Đức Chí-Tôn và Phật Mẫu.

Đúng 9.30 giờ , Đại- Hội Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới kỳ II bắt đầu. Sau nghi thức khai mạc, Anh Ngô Thiện Đức , Hội-Trưởng Đại-Đạo Thanh- Niên Hội California, Trưởng Ban Tổ- Chức Đại-Hội , đọc diễn văn chào mừng quan khách và anh chị em Thanh Thiếu Niên Cao-Đài đã đến tham dự Đại-Hội, đồng thời tường trình thành quả Thanh Niên Cao-Đài Thế-Giới đã đạt được trong 2 năm qua và tuyên bố khai mạc Đại-Hội Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới kỳ 2.Kế đến Ban Tổ- Chức tường trình kết-quả tài-chánh , ngõ lời tri ân các ân nhân, các cơ-sở bảo trợ đã ủng hộ Đại-Hội, đồng thời đọc các văn thư, điện thư của chư chức sắc, chức việc và đồng đạo ở xa không đến tham dự được đã gửi ngân phiếu yểm trợ và chúc mừng Đại-Hội thành công như:

-Hiền Tài Nguyễn Kim Triệu, Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu.

-Lễ Sanh Hương Muội, Thánh Thất Mountain View, Dallas, Texas.

-HTDP Lê Đăng, Toronto, Canada.

v. . . . v. . .

Sau cùng là phần phát biểu cảm tưởng của quan khách, bắt đầu là Hiền Tài Phạm Văn Khảm, XLTV Q. Khâm Châu Châu Đạo California. Sau đó lần lượt quý vị Chức Sắc, Chức Việc đại diện các Tộc Đạo, Thánh Thất, các Hội-Đoàn và quý vị Niên Trưởng được mời lên phát biểu cảm tưởng.

Buổi lễ khai mạc Đại-Hội Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới kỳ 2 được kết thúc vào lúc 12 giờ cùng ngày.

Sau đây là những ghi nhận bên lễ Đại-Hội:

1-Những phái-đoàn ngoài Hoa-Kỳ đã đến tham dự Đại-Hội:

-Phái-đoàn Đại-Đạo Thanh-niên Hội Úc Châu.

-Phái-Đoàn Đại-Đạo Thanh Niên Hội Canada.

2- Pháo đoàn đến sớm nhất: Phái-Đoàn Đại-Đạo Thanh- Niên hội Seattle, WA. Phái đoàn gồm có 15 thành viên, đã đến Orange County trước một tuần lễ, ăn ngủ tại Thánh Thất Orange và Hội Trường , tích cực tham gia công tác chuẩn bị cho Đại-Hội.

3- Phái đoàn đến sau cùng là phái đoàn Đại-Đạo Thanh- Niên hội Santa Clara, California nhưng là phái-đoàn đông đảo nhất
4- Đặc biệt là Phái-đoàn Đại-Đạo Thanh- Niên Hội New Orleans, Louisiana do Hiền Tài Nguyễn Thừa Long và phu nhân trong đồng phục Thanh-niên hướng dẫn. Nếu không có sự giới thiệu khó mà nhận ra được HT Nguyễn Thừa Long.

Trong dịp này Hiền Tài Long mang đến Đại-Hội những bài đạo ca do HT long và phu nhân sáng tác , lời ca êm đềm, nội dung nồng nàn đầy tình thương yêu và nói lên niềm tin tuyệt đối nơi Đạo.

Nhìn HT Long trong đồng phục thanh niên thật trẻ trung, nhiều vị cao niên ước mong được gia nhập vào đoàn thanh-niên để được mặc đồng phục thanh niên và tham dự vào sinh hoạt thanh-niên với các anh chị em thanh niên khác trong đoàn trong đại gia-đình Thanh Thiếu Niên Cao-Đài Thế-Giới.



Thanh Thiếu Niên Cao-Đài
đăng lễ Đức Chí-Tôn tại Thánh Thất Orange



Thanh Thiếu Niên Cao-Đài
đăng lễ Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu Orange



Chụp hình lưu niệm

KINH DỊCH VỚI ĐÔNG Y¹

BS. NGUYỄN VĂN THỌ

Dịch Kinh là một pho sách tối cổ của Trung Hoa đã được bốn vị đại thánh sau đây soạn thảo:

-Phục Hi (c.2852) (vẽ tiên thiên bát quái)

-Văn Vương (1231-1135) (vẽ Hậu thiên bát quái, viết Thoán từ)

-Chu Công (c.1100) (viết Hào từ)

-Khổng Tử (551-479) viết Thập-dực. Thập-dực gồm: Thoán (thượng, hạ truyện), Tượng (Thượng, hạ truyện), Hệ-từ (Thượng, hạ truyện), Văn-ngôn truyện, Thuyết quái truyện, Tự quái truyện, Táp quái truyện)

Dịch, theo từ nguyên, trên có chữ Nhật (chỉ sự thường hằng) dưới có chữ Nguyệt (chỉ sự biến thiên). Ý muốn nói: Dịch bao quát cả hai phương diện “biến, hằng” của vũ trụ.

Vì thế, Dịch có ba nghĩa:

-Bất biến.

-Biến thiên.

-Đễ.(Đễ, vì nếu ta biết mọi khía-cạnh biến-hằng của hoàn-cảnh, sự-vật, thì sự đời cũng như công chuyện đời phớ sẽ trở nên dễ dàng).

Dịch là một bộ sách triết học, dùng:

-Tượng (ký hiệu-Symboles)

-Từ (Lời lẽ=Paroles)

-Số (Nombres)

Để mô tả căn do cũng như sự sinh thành, sự biến hóa của vũ trụ, quần sinh, và mọi giai đoạn danh hư, tiêu trưởng của vạn hữu cốt là để theo dõi được mọi sự biến thiên và cũng là để đoán định cho ra điều hay, điều dở (cát, hung), do đó sinh ra (Chiêm=đoán)

Dịch coi:

-Thái cực là nguồn gốc sinh ra vạn tượng, vạn hữu, vũ trụ, quần sinh.

- Âm dương là hai động lực vừa tương thừa (complémentaires) vừa tương khắc (opposées ou contraires) tác động lẫn trên nhau, mà sinh ra mọi biến hóa.

- Tứ tượng, ngũ hành là những trạng thái biến hóa chính của một nguyên khí. Nguyên thể khi trải qua các giai đoạn, từ khinh thanh đến trọng trọc và ngược lại (du subtil au grossier et vice-versa), theo những chu kỳ cố định, diễn biến theo luật định: Sinh (naissance), trưởng (croissance), liễm (retrait), tàng (latence, mort).

- Bát quái tượng trưng cho vạn tượng, vạn hữu (êtres, phénomènes)

- Sáu mươi tư quẻ tượng trưng cho mọi hoàn cảnh (situations) mà vạn tượng, vạn hữu trong khi gặp gỡ, giao dịch với nhau đã gây nên.

Cho nên khi khảo sát sáu mươi tư quẻ, tượng trưng cho muôn vạn hoàn cảnh trên đời, ta thấy Dịch kinh chủ trương như sau:

1/ Muốn hiểu rõ hoàn cảnh, cần phải biết rõ những yếu tố đã tạo nên hoàn cảnh ấy, cũng như những đặc tính của từng yếu tố ấy (Thoán). Vì thế Thoán-tuyên bao giờ cũng phân tách quẻ kép (hoàn cảnh) ra thành những quẻ đơn (yếu tố cấu tạo nên hoàn cảnh), và tìm hiểu những đặc tính riêng biệt của chúng (quái đức, quái tượng, quái thể), ngõ hầu nắm vững được toàn thể hoàn cảnh và đoán định đại khái được những sự dở hay do nó xuất sinh.

2/ Đứng trước mỗi hoàn cảnh, phải xét xem nó có dạy ta được bài học luận lý gì (Tượng).

3/ Tìm xem hoàn cảnh sẽ diễn biến ra sao (sáu hào), tùy theo:

- Thời gian (trước, giữa, sau).

- Không gian (dưới, giữa, trên).

- Nhân sự, sang hèn, hay dở, cô đơn, hay có người phũ ửng (ứng).

- Cách cư xử, đối đãi, tiến, thoái của từng nhân vật.

4/ Như vậy sẽ đoán ra được sự thành, bại của mỗi hoàn cảnh để chiêu lành (xu cát), lánh dữ (tị hung).

Những nhận định của Dịch, gần đây, khi đem phối kiểm với các khái niệm tối tân nhất của khoa học và triết học hiện đại, đã

trở nên hết sức chính xác và cao siêu.

Leibniz (1646-1716), người phát minh ra khoa toán pháp nhị nguyên (arithmétique binaire ou dyadique) đã khảo cứu kinh Dịch vào khoảng những năm từ 1698 đến 1701, đã phải bỡ ngỡ vì thấy các quẻ Dịch tiên thiên từ Khôn đến Kiền có thể mã lại đúng y thứ tự 64 số của Toán pháp nhị nguyên, từ 0 đến 63. Thí dụ:²

	32	16	8	4	2	1
Khôn = 0 =	0	0	0	0	0	0
Bác = 1 =	0	0	0	0	0	1
Tĩ = 2 =	0	0	0	1	0	0
Quan = 3 =	0	0	0	0	1	1
Dự = 4 =	0	0	0	1	0	0
Tấn = 5 =	0	0	0	1	0	1
Tụy = 6 =	0	0	0	1	1	0
Bĩ = 7 =	0	0	0	1	1	1
Cấu = 31 =	0	1	1	1	1	1
Phục = 32 =	1	0	0	0	0	0
Kiền = 63 =	1	1	1	1	1	1

- Dịch nói: Âm Dương tương thối nhị sinh biến hóa, thì Engels và Marx nói: Mâu thuẫn sinh ra mọi biến hóa.

- Dịch nói: trong âm có dương, trong dương có âm thì các nhà khoa học ngày nay nói:

- Ánh sáng vừa là ba động (onde) vừa là quang tử (photons)

- Điện tử (électrons), nguyên tử (atomes), phân tử (molécule) vừa là ba động (onde), vừa là phân tử (particule).

- Dịch nói: Âm biến Dương, Dương biến Âm, thì Einstein đã đưa ra phương trình $E=Mc^2$

- Trong đó E là năng lực.

M là trọng lượng.

c là vận tốc của ánh sáng.

Einstein cũng còn cho rằng ánh sáng (Dương) có trọng lượng (âm).

-Dịch nói “Tam thiên, lưỡng địa” tức là dương 3 âm 2.

Các nhà toán học ngày nay đã tìm ra chuỗi số Fibonacci (série récurrente de Fibonacci):

0, 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144.v.v và cho biết tỷ số giữa hai số liên tiếp của chuỗi số nói trên (série récurrente de Fibonacci) càng ngày càng tiến về con số vàng Φ .

$$\frac{1}{1} \# \frac{1}{2} \# \frac{2}{3} \# \frac{3}{5} \# \frac{5}{8} \# \frac{8}{13} \# \frac{13}{21} \# \dots \frac{\sqrt{5}-1}{2} = \Phi = 0,62$$

Hoa lá trong thiên nhiên thường theo luật định này, trong cách xếp lá, xếp cánh hoa.

Hơn nữa, năm 1957, Dương Chấn Ninh, giáo sư đại học Princeton từ 1949; Lý Chính Đạo, giáo sư đại học Columbia từ 1951, dựa vào tỷ lệ âm dương của Dịch kinh nói trên đã làm một cuộc thí nghiệm tại Trung tâm thí nghiệm nguyên tử (National Bureau of Standards) ở Columbia, Hoa kỳ, và đã trình bày với ủy ban quốc tế tặng giải Nobel rằng lúc hạt nguyên tử nổ thì có phóng xạ. Những ly tử âm và dương hợp nhau lại (âm với âm), (dương với dương) thành ra hai tia sáng: tia dương dài bằng 3 đơn vị, tia âm dài bằng 2 đơn vị. Như vậy các ông đã đem định luật Cơ ngẫu (Loi de non-parité) của Dịch kinh, thay thế cho định luật song tiến (Loi de parité) xưa của khoa học. Hai nhà bác học Trung Hoa này, nhờ đó, đã được giải thưởng Nobel về Lý học năm 1957.

- Dịch cho rằng vạn sự, vạn vật đều theo định luật doanh, hư, tụ, tán, thì ngày nay các nhà thiên văn học như Lemâtre, Gamow, đã chủ trương rằng vũ trụ đã được phát xuất và triển dương từ một nguyên thể (atome primitif). Sự khuếch tán (expansion) của vũ trụ ngày nay cũng đã được các nhà thiên văn học chứng minh và chấp nhận.

Tiến sĩ R.C Tolman thuộc viện kỹ thuật California, cũng chủ trương rằng, nếu vũ trụ hiện nay trong thời kỳ tán, thì trong một tương lai xa xăm sẽ có thời kỳ tụ; và tán rồi tụ, tụ rồi tán, cứ thế mãi mãi vô cùng tận. ³

Dịch kinh cho rằng vũ trụ này là Nhất thể, Vạn thù. Vạn tượng thu rút lại chỉ còn Âm Dương và Thái Cực.

Ngày nay, khoa học cũng nhận thấy sau bức màn hiện tượng,

biến hóa chỉ có:- Âm điện tử (-) (electrons), - Dương điện tử (+) (Protons),- Trung hòa tử (Neutrons).Nhưng thu rút lại thì chỉ còn có một nguyên khí.⁴

Dịch kinh như vậy đã dùng phương pháp “dĩ nhất quán vạn” để suy khảo về vạn vật.

Gần đây, Einstein cũng đã cố gắng để xây dựng “Thuyết nhất quán” (Théorie du Camp unitaire : Unified Field Theory) và ông cho rằng Thuyết nhất quán, nếu chứng minh được hoàn toàn, sẽ là cái gì cao siêu nhất.⁵

Dịch đã chủ trương “Thuyết nhất quán” tự ngàn xưa. Như vậy Dịch không cao siêu nhất sao?

Như vậy những gì mà tiền nhân đã trực giác, thì ngày nay dần dần nhân loại đã chứng minh và đã áp dụng được. Ta có thể nói dịch kinh đã gặp gỡ khoa học và triết học hiện đại.

Phần dẫn nhập trên, tuy hơi dài dòng nhưng rất quan trọng. Nó cho ta thấy tại sao Dịch kinh lại có một địa vị rất quan trọng trong nền học thuật Trung Hoa, và đã được áp dụng vào mọi ngành học như thiên văn, địa lý, y, bốc v.v. Đây chúng ta chỉ khảo cứu ảnh hưởng của Dịch kinh đối với y học Trung Hoa.

I. DỊCH KINH VỚI Y HỌC

Y học Trung hoa là một khoa học đặc biệt. Thay vì đi theo con đường thực nghiệm như ngày nay, nó đã đi theo con đường suy lý.

.a/ Con đường thực nghiệm là quan sát thực tại kỹ càng để tìm ra những luật định: rồi từ những luật định, suy ra những lý thuyết, những nguyên lý.

Áp dụng vào y học, phương pháp thực nghiệm sẽ chú trọng đến mổ, xẻ, quan sát tạng phủ; cân lường, phân tách các cơ quan; huyết dịch v.v... để tìm hiểu bệnh trạng và tìm cách chữa chạy. Y học Trung hoa thường không theo phương pháp thực nghiệm này.

Thỉnh thoảng cũng có thấy mổ xác chết, nhưng đó không phải là vấn đề cần yếu.

Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử y học Trung hoa, ta chỉ thấy: Vương Mãng (36 trước kỷ nguyên - 23 sau kỷ nguyên) sai mổ xác tử tội để xem xét tạng phủ, huyết mạch.

Một lần mổ xác chết khác đã xảy ra vào năm 1106 mà sách Cổ kim y giám đã đề cập tới.⁶

Rồi mãi đến đời vua Nhân Tông nhà Thanh (1796-1850) và vua Tuyên Tông (1820-1851), mới lại có một lương y tên là Vương Thanh Nhiệm tự Huân Thần, người trực lệ chuyên chú về mổ xẻ xác chết để khảo cứu. Ông đã viết quyển Y-lâm cải-thác để cải chính các thuyết nói về lục phủ ngũ tạng.⁷

b/ Y học Trung hoa đã theo con đường suy lý, y như những người Hy Lạp xưa. Phương pháp suy lý đi từ những nguyên lý đã được chấp nhận là đúng, để suy dẫn ra mọi hiệu quả, và áp dụng vào mọi trường hợp. Đó là phương pháp của Dịch học và của toán học.⁸ Chính vì vậy mà cần phải biết Dịch để thấu hiểu về Đông y.

Các sách y học thường nói : “Học Dịch nhiên hậu khả dĩ ngôn y.”⁹ Lãn Ông cho rằng phải học Dịch để biết thuốc. Nhưng không cần học Quái, Tượng, Hào, Từ, mà chỉ cần học lẽ Âm Dương biến hóa, Ngũ hành sinh khắc.¹⁰

1/ Nhân thân tiểu thiên địa.

Trước tiên dựa vào Dịch, Đông y quan niệm rằng: Nhân thân tức là tiểu thiên địa. Ta có:

Đại vũ trụ	Tiểu vũ trụ
Trời	Đầu (tròn)
Đất	Chân (Vuông)
Ngũ hành	Ngũ tạng
Tứ tượng	Tứ chi
24 tiết khí	24 xương sống
12 tháng	12 đốt khí quản
360 ngày	360 xương
9 cửa trời	Cửu khiếu
Sông ngòi	Huyết mạch (11)

2/ Ngũ vận, Lục khí ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Chủ trương của Dịch là chủ trương Tam tài: Thiên, địa, nhân. Áp dụng nguyên tắc chính yếu ấy của Dịch, y học cho rằng con người không thể nào tách rời được khỏi ảnh hưởng của trời đất cho nên mọi sự biến hóa của khí tiết trong thiên năm hoặc mọi sự biến hóa của thời khí theo vận niên, đều ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe con người.

Do đó mà Y học Trung hoa có một khoa riêng, đó là khoa Ngũ vận, Lục khí.

Nội kinh đề cập đến Ngũ vận Lục khí đầu tiên. Đến đời vua Đường Túc Tông (756-763), Vương Bǎng, hiệu Khải huyền tử, đã giảng minh thuyết này rất kỹ, trong quyển Huyền châu mật ngữ.

Khuôn khổ bài này không cho phép bàn về Ngũ vận, Lục khí.

Chỉ cần nhắc lại rằng: sau khi đã cân nhắc sự sinh khắc giữa:

- Chủ vận, khách vận.
- Chủ khí, khách khí.
- Khách vận, khách khí.

Người ta có thể đoán trước một năm lành dữ ra sao, bệnh tật nhiều hay ít dễ chữa hay khó chữa v. v.¹²¹²

3/ Quan niệm Thái cực áp dụng vào y học.

Khảo Đông y ta thấy tiền nhân ít khi bàn đến Thái cực trong y học.

Chu Hi, một thạc nho thời Tống, cho rằng: Người người đều có Thái cực.

Nhưng y gia lại sén lời về vấn đề này.

Có lẽ các ngài cho Tâm là Thái cực (khi thì hiểu là tâm hồn, khi thì hiểu là quả tim).¹³

Đường Tông Hải (C.1875) đời Thanh, cho rằng bào thai một tháng nơi con người là Thái cực.¹⁴

Triệu Dương Quì (c.1680?), Phùng Thị (c.1702), Lãn Ông (1724-1791) cho rằng:

Hệ thống thận (gồm thận và Mệnh môn) là Thái cực, vì thế có trước các tạng phủ.¹⁵

Phùng Thị nói: Ở nơi con người hai quả thận hợp thành Thái cực.¹⁶

Phùng Thị và Lãn Ông vì vậy đã coi Mệnh môn là căn bản con người trong khí trị liệu.

Gặp bệnh gì dai dẳng khó chữa, là quay về chữa căn bản; chữa Mệnh môn chân thủy chân hỏa, áp dụng câu Nội kinh, “trị bệnh tất cầu kỳ bản”.

Riêng tôi tuy vẫn nghĩ rằng Thái cực là toàn thể con người khi mới phôi thai, nhưng từ 1960, đối chiếu đồ bản dịch Tiên Thiên với các hình thể học về đầu não con người, tôi nhận định thêm rằng:

Ở vòng dịch Thái cực ở trung điểm. Ở nơi con người Thái cực ở trung tâm não bộ, hay não thất ba (3ème ventricule). Đạo Lão gọi đó là Nê Hoàn Cung, đạo Phật gọi là Liên hoa tâm, ta có thể gọi là Trung điểm qui nguyên, phần bản (Foyer centrencéphalique de réintégration), theo từ ngữ của một nhóm sinh lý học gia ở Paris.¹⁷

Tôi đã khảo cứu kỹ càng về vấn đề này và đã đối chiếu các quan niệm đạo giáo, y học, khoa học và triết học để chứng minh quan niệm này trong quyển Trung Dung tân khảo của tôi (sắp xuất bản một ngày gần đây).

Hiểu vấn đề này sẽ giúp cho ta hiểu thêm về con người, về các đạo giáo, về cách tu luyện của các đạo gia v.v...

4/ Quan niệm âm dương của dịch học áp dụng vào y học¹⁸

Tổ Vấn cho rằng: “Trong con người thì ngoài là dương trong là âm, bụng là âm, lưng là dương, tạng là âm, phủ là dương. Cho nên ngũ tạng: Tâm, can, tỳ, phế, thận đều thuộc âm. Lục phủ: đờm, vị, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu đều thuộc dương.”¹⁹

Đối với y học Trung hoa thì Dương chủ khí, Âm chủ huyết. Các mạch nơi cổ tay phải đều thuộc dương:

- Mạch thốn: Phổi (Kim)
- Mạch quan: Tì (Thổ).
- Mạch xích: Thận hỏa (Hỏa).

Các mạch nơi cổ tay trái đều thuộc âm:

- Mạch Thốn: Tim (Hỏa).
- Mạch quan: gan (Mộc).
- Mạch xích : Thận Thủy (Thủy).
- Người cũng chia thành ba hạng:

Dương tạng

Âm tạng.

Bình tạng.

Dương tạng là những người có khí lực mạnh mẽ, da nóng, mặt mũi hồng hồng, tóc đen, rậm và tốt, tiếng nói to, hơi thở mạnh, ăn uống dễ tiêu, tính tình nóng nảy, sống lâu.²⁰

Âm tạng là những người sợ lạnh, da mát và ướt, mặt mũi hơi xanh, tóc mềm, lông thưa, người mau mệt, tiếng nói yếu ớt, hay đầy hơi, hay bị tiêu chảy, lộ hầu, thịt mềm nhẽo, tính tình trầm tĩnh v.v

Bình tạng là những người cả hai khí huyết đều mạnh ngang nhau.²¹

-Về phương diện bệnh học (pathologie), người Trung hoa phân biệt Dương bệnh và Âm bệnh.

Dương bệnh là những bệnh ngoại cảm. Âm bệnh là những bệnh nội thương.

Dương bệnh cũng còn được gọi là Thực chứng. Âm bệnh cũng còn được gọi là Hư chứng.

Dương bệnh cũng có thể là những bệnh sinh ra vì huyết dịch hư hao hay thận thủy suy.

Khi con bệnh đã suy kiệt Dương khí, thời y học gọi là Dương thoát. Dương thoát có những triệu chứng như sau:

- Mạch hầu như đã tuyệt.
- Tứ chi giá lạnh.
- Trán vã mồ hôi.
- Thở hắt ra.
- Khó thở.
- Nấc.
- Hôn mê.

- Lưỡi co. v.v...

Khi con bệnh mà âm suy kiệt, huyết dịch suy kiệt, thời y học gọi là âm hư. Âm hư có những triệu chứng như sau:

- Mạch vi, mạch khẩn.
- Nhiệt độ cao.
- Mặt đỏ.
- Người khô đét như củi.
- Vật vã.
- Khát nước nhiều.
- Mê sảng.

Khi con bệnh mà khí huyết đều hao kiệt, thời y khoa gọi là Âm hư, Dương thoát. Triệu chứng như sau:

- Tứ chi giá lạnh.
- Trán vã mồ hôi.
- Hôn mê.
- Thở như suyễn.
- Nấc cụt v.v...
- Nguyên tắc chữa bệnh chính là bồi bổ Âm Dương, điều hòa Âm Dương. Dương thịnh thì bổ Âm để chế bớt dương quang. Âm thịnh thì bổ Dương, để làm tiêu tan cái u uất của Âm.

Thế tức là:

- Bổ Thủy dĩ chế Dương quang.
- Bổ Hỏa dĩ tiêu Âm ế.
- Các vị thuốc đều chia thành Âm Dương hay Bình vị.

Dương dược là những vị thuốc nóng, có hiệu lực làm gia tăng sự tiêu hóa, kích thích sự hô hấp, sự tuần hoàn, bồi bổ khí lực.

Âm dược là những thuốc mát, thuốc hàn, có hiệu lực bổ huyết dịch, làm cho con người bớt nóng, bớt háo.

Những vị thuốc bình vị là những vị thuốc hòa hoãn, vừa bổ dương vừa bổ âm.

Phương dược dùng để trị liệu, điều hòa Âm Dương khí huyết có thể toát lược như sau:

a/ Trị liệu Dương khí, Dương hỏa

1/ Khi Dương khí gần tuyệt, người xưa thường cấp trị bằng Nhân sâm, hoặc Quế, Phụ.

2/ Khi dương khí hao tổn, giao động vừa phải, thời dùng:

- Bài Tứ Quân (để bổ khí).

- Bài bổ trung ích khí thang, hoặc Phụ tử lý trung thang để bổ từ vị.

3/ Khi Dương khí, Thận khí suy tổn đã lâu thời dùng:

- Bài Bát vị.

- Bài Sinh mạch.

b/ Trị liệu Âm huyết, Âm thủy

1/ Khi huyết dịch suy tổn, thời dùng: Bài Tú vật, bài Qui từ.

2/ Khi thận thủy suy tổn, thời dùng: Bài lục vị.

c/ Bình bổ

1/ Muốn bình bổ cả Âm lẫn Dương, cả khí lẫn huyết, người ta dùng bài Bát trân hay Thập toàn v.v

Để nhận định được tầm quan trọng của Âm Dương, ta hãy đọc một đoạn sách của Cảnh Nhạc.

Trương Cảnh Nhạc viết: “Phàm chẩn bệnh, trị liệu, trước hết phải thẩm định Âm Dương. Đó là cương lĩnh của y học.

“Luận về Âm Dương không sai, thời trị bệnh làm sao mà sai được y học tuy phiền tạp, nhưng có thể bao quát bằng một câu Âm Dương mà thôi.

“Cho nên bệnh có Âm Dương, mạch có Âm Dương, thuốc có Âm Dương. Lấy bệnh mà nói, thời bệnh bên ngoài là Dương, bên trong là Âm; nhiệt là Dương, hàn là Âm: trên là Dương, dưới là Âm, động là Dương, tĩnh là Âm; nói nhiều là Dương, không nói là Âm; thích sáng là Dương, ưa tối là Âm, Dương yếu không thể thở ra, Âm yếu không thể hít vào: Dương bệnh khó cứu, Âm bệnh khó chữa.

“Nói về mạch thì mạch phù, mạch mạnh, mạch hoạt, mạch xác là Dương; mạch trầm, mạch vi, mạch nhỏ, mạch rít là Âm.

“Nói về thuốc thì thăng tán là Dương, liễm giáng là Âm; tân nhiệt là Dương, khổ hàn là Âm. Chạy vào khí là Dương, chạy vào huyết là Dương, chạy vào huyết là Âm. Tĩnh động mà chạy là Dương, tĩnh tĩnh mà giữ là Âm. Đó là đại pháp trong nghề thuốc

“Dương đã mạnh mà còn bổ Dương, thời Dương càng bốc lên mạnh, Âm càng tiêu hao. Dương đã không đủ mà lại còn dưỡng Âm, còn dùng Âm phương, thời Âm càng thịnh, mà Dương bị diệt vong vậy.

Nếu mình biện Âm Dương, thời dẫu y lý tuy huyền vi, nhưng cũng đã suy ra được quá nửa rồi vậy...”²²

5/ Quan niệm ngũ hành áp dụng vào y học

Dịch trong chính kinh, không đề cập đến ngũ hành mà chỉ nói đến Tứ Tượng, nhưng ngũ hành đã tiềm ẩn trong Dịch, vì:

Thái Cực + Tứ Tượng = Ngũ hành.

Hà Đồ đã xếp các số theo phương vị ngũ hành như sau:

7/2
8/3 5/10 4/9
1/6

Quan niệm ngũ hành, đến đời nhà Hán, mới được triệt để khai thác Phương vị của ngũ hành có thể được giản lược như sau:

	Nam	
	Hỏa	
Đông	Trung	Tây
Mộc	Thổ	Kim
	Bắc	
	Thủy	

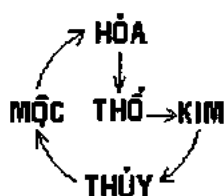
Trung thổ là Bản thể, là chốt ở giữa.

Mộc, Hỏa, Kim, Thủy là những hiện tượng, những giai đoạn biến thiên ở bên ngoài. Cho nên Trung thổ chính là Tinh Túy, là Bản thể, là Tinh hoa. Âu Châu xưa gọi đó là Quinte essence (tinh túy thứ 5).

Ngũ hành là một quan niệm toàn bích, vì gồm cả Tứ Tượng bên ngoài và Thái cực bên trong.

Trung Hoa cũng như các dân tộc xa xưa tin rằng vũ trụ, vạn vật đều do một nguyên thể, một nguyên động lực phân tán, vận chuyển ra bốn phương, theo hai chiều kinh (dọc), vĩ (ngang),

thành ra hai cặp ngẫu lực chính. Các ngẫu lực này hoạt động, ảnh hưởng lẫn nhau và dần dà sinh ra mọi loại năng lực.

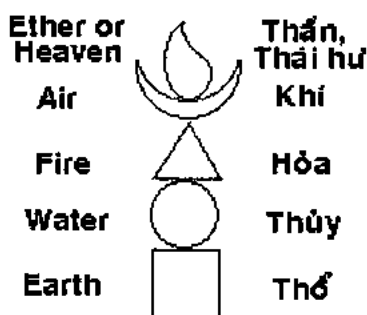


- Đứng về phương diện nguyên liệu, chất liệu ngũ hành là năm yếu tố cấu tạo vũ trụ. Hành thổ ở Trung cung, là căn cơ và là cùng ích cho muôn vật. Chữ Thổ đây không nên hiểu là đất thường, mà nên hiểu là căn cơ, hay bản chất muôn vật. Vì thế mà sách Ngộ chân thiên có viết:

Tứ tượng, ngũ hành toàn tạ thổ. (Tứ tượng, ngũ hành toàn nhờ đất.)²³

Quan niệm này tương tự như quan niệm Âu Châu, vì Âu Châu rằng bốn nguyên chất tạo thành vũ trụ, còn có “tinh túy thứ 5” (quintessence), mà họ còn gọi là Thái hư (éther), hay bản chất (Matière première).²⁴

Ân Độ, Tây Tạng và nhiều phái huyền học Âu Châu cũng chủ trương con người là “tiểu vũ trụ” và gồm ngũ hành, như đại vũ trụ bên ngoài. Họ hình dung hình người như sau:



- Xét về không gian, thì ngũ hành chính là năm vị trí chính yếu Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung.

- Xét về thời gian, thì ngũ hành chính là năm thời đại khác nhau bốn mùa biến thiên ở bên ngoài và một mùa hằng cửu ở bên trong vừa là mùa hoàng kim khởi thủy, vừa mùa hạnh phúc lúc chung cuộc.

- Trung Hoa đã lấy ngũ hành làm tiêu chuẩn để phân loại mọi sự, từ màu sắc, khí, vị đến tính chất v.v

Ngũ hành sinh khắc.

Người có thân và thù, thì ngũ hành cũng có tương sinh, tương khắc.

Ngũ hành tương sinh là:

Mộc sinh Hỏa.

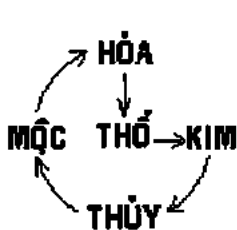
Hỏa sinh Thổ.

Thổ sinh Kim.

Kim sinh Thủy.

Thủy sinh Mộc.

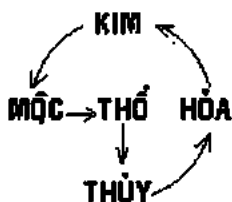
Ta có thể trình bày lẽ tương sinh đó bằng 2 cách như sau:



Ngũ hành tương khắc là:

- Mộc khắc Thổ, - Thổ khắc Thủy, - Thủy khắc Hỏa, - Hỏa khắc Kim, - Kim khắc Mộc.

Ta có thể trình bày lẽ tương khắc đó bằng 2 cách như sau:



Sinh có thể hiểu được là sinh dương, phù trợ, tác phúc, tóm lại bao gồm mọi ảnh hưởng tốt.

Khắc có thể hiểu được là kiềm chế, thù địch, lấn lướt, xung khắc, tác hại, tóm lại bao gồm mọi ảnh hưởng xấu.

Mỗi một hành đều có liên lạc tốt xấu với các hành khác.

- Hai Sinh gọi là Phụ mẫu và Tử tôn.
- Hai Khắc gọi là Quan quĩ và Thê tài.
- Một Hòa gọi là Huynh đệ.

Người xưa đã lập thành như sau:

- Sinh ngã giả vi phụ mẫu (Sinh ra ta là phụ mẫu. Cái gì phù trợ, ủng hộ, hy sinh cho ta là phụ mẫu).

- Ngã sinh giả vi tử tôn (Ta sinh ra là tử tôn. Cái gì mà ta săn sóc, bao bọc, yêu đương, hộ trì, chất chiu, thì gọi là tử tôn).

- Khắc Ngã giả vi Quan quĩ (Khắc ta thì gọi là quan quĩ. Cái gì đàn áp, ức chế, bóc lột, lợi dụng, làm hại được ta, thì gọi là Quan quĩ).

- Ngã khắc giả vi Thê tài (Cái gì mà ta ức chế, đàn áp, lợi dụng, chi phối được thì gọi là Thê tài).

- Tỉ hòa giả vi Huynh đệ (Hòa với ta thì gọi là huynh đệ. Cái gì đối với ta có ảnh hưởng ngang ngửa, đồng đều thì gọi là huynh đệ).

Ví dụ: Nếu ta lấy Kim làm dương nhân, dương sự thì:

- Thổ sẽ là Phụ mẫu của Kim, vì Thổ sinh ra Kim.

- Thủy là Tử tôn của Kim, vì Kim sinh Thủy.

- Hỏa là Quan quĩ của Kim, vì Hỏa khắc Kim.

- Mộc là Thê tài của Kim, vì Kim với Mộc đồng đều, đồng loại.

Y học Trung hoa đã triệt để khai thác thuyết ngũ hành.

Quan niệm ngũ hành soi sáng y học Trung hoa về mọi phương diện bệnh lý (Quan niệm ngũ hành soi sáng y học Trung hoa về mọi phương diện Bệnh lý (Pathogénie), Dược học (Pharmacologie) và y lý trị liệu (thérapeutique).

Về phương diện bệnh lý chẳng hạn, Đông y chia năm thành ngũ vận.

Các năm Giáp, Kỷ thuộc Thổ.
Các năm Ất, Canh thuộc Kim.
Các năm Bính, Tân thuộc Thủy.
Các năm Đinh, Nhâm thuộc Mộc.
Các năm Mậu, Quý thuộc Hỏa.

Rồi lại nhân lẽ Âm Dương, Ngũ hành sinh khắc, bất cập, hay bình khí mà suy xem năm nào khí hậu sẽ ra sao, nóng lạnh, ẩm khô, mưa gió ra sao, để biết những bệnh gì sẽ dễ sinh ra trong năm ấy.

Họ cho rằng:

Các năm Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm là những năm Dương. Vận khí những năm ấy sẽ quá vượng, quá thịnh, sẽ thừa, nên gọi là thái quá.

Các năm Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý là những năm Âm. Vận khí những năm ấy sẽ suy yếu, sẽ bất cập, mà khí của một hành đã suy, thì khí của hành tương khắc sẽ thịnh.

Ví dụ những năm Giáp (Dương Thổ), Thổ khí sẽ thái quá, như vậy sẽ mưa nhiều và sẽ ẩm thấp nhiều, do đó các bệnh thấp sẽ dễ sinh.

Những năm Kỷ (Âm thổ, Thổ khí sẽ bất cập), do vậy sẽ gió nhiều do đó các bệnh phong dễ sinh (vì Hành khắc là Mộc, mà Mộc sinh Phong).

Những năm Bính lạnh nhiều (Âm Thủy). Thủy khí bất cập, nên ẩm thấp nhiều và các bệnh Thấp sẽ dễ sinh (vì Hành khắc là Thổ, Thổ sinh Thấp v.v.)²⁵

Tóm lại ta thấy:

Mộc thịnh sinh Phong.

Hỏa thịnh sinh Nhiệt.

Thổ thịnh sinh Thấp (Xem thí dụ năm Giáp).

Kim thịnh sinh Táo.

Thủy thịnh sinh Hàn (Xem thí dụ năm Bính).

Còn khi một Hành suy, thì Hành tương khắc sẽ thịnh, cho nên:

Mộc suy (bất cập) thời Táo sinh (vì Kim khắc Mộc).

Hỏa suy (bất cập) thời Hàn sinh (vì Thủy khắc Hỏa).

Thổ suy (bất cập) thời Phong sinh (vì Mộc khắc Thổ).

Kim suy (bất cập) thời Nhiệt sinh (vì Hỏa khắc Kim).

Thủy suy (bất cập) thời hấp sinh (vì Thổ khắc Thủy). (Xem thí dụ năm Tân ở trên).²⁶

- Dược học cũng dựa trên ngũ hành:

Đại khái: Các thuốc màu xanh, vị chua, chữa gan.

Các thuốc màu đỏ, vị đắng, chữa tim.

Các thuốc màu vàng, vị ngọt, chữa tì.

Các thuốc màu trắng, vị cay, chữa phổi.

Các thuốc màu đen, vị mặn, chữa thận v.v...

Phương pháp trị liệu cũng dựa trên quan niệm ngũ hành tương sinh, tương khắc, hoặc ngũ hành diên đảo.

Ví dụ:

a/ Tử hư bổ kỳ mẫu (Con hư, bổ mẹ).

Tỳ Thổ hư, uống thuốc ôn noãn (ấm) để bổ tâm hỏa (quần hỏa), Thận hỏa (tướng hỏa).

- Can mộc hư cho thuốc nhu nhuận để bổ thận thủy.

- Phế kim hư, cho thuốc cam (ngọt) noãn (ấm) để bổ tỳ thổ.

- Tâm hỏa hư, cho thuốc Toan (chua), thu (thu liễm), để thấm nhuận can mộc.

- Thuận Thủy hư, cho uống thuốc tân (cay) nhuận để bổ phế.²⁷

Lãn Ông cho một vài ví dụ như sau:

“Nếu một người không chịu ăn uống tức là Dương minh (vị thổ đau phải bổ tái âm quả hỏa (Tim) và nên dùng thang Qui tì, bổ tâm hỏa để sinh Vị thổ”.

“Nếu như ăn được mà không tiêu, thế là Thái âm Tì thổ bị bệnh, nên bổ Thiếu dương Tướng hỏa (Thận hỏa), và nên dùng Bát vị hoàn (bổ thận hỏa để sinh Tì thổ) v.v.²⁸

b/ Mẫu thật tả tử.

Phế kim (mẹ) thực, phải tả, Thận Thủy (con).

Thận Thủy (mẹ) thực, phải tả, Can mộc (con).

Can mộc (mẹ) thực, phải tả, Tâm hỏa (con).

Tâm hỏa (mẹ) thực, phải tả, Tỳ thổ (con).

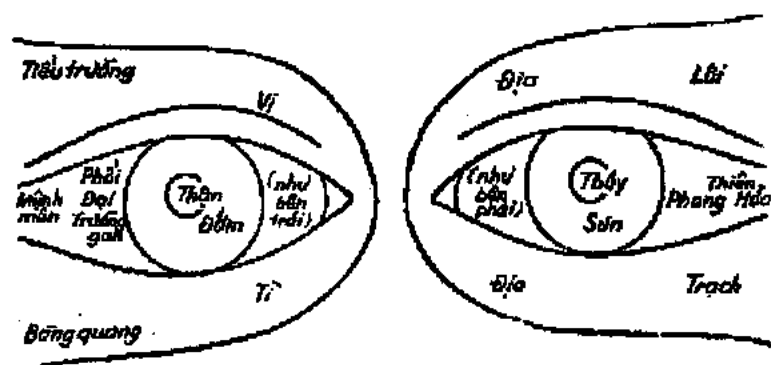
Tỳ thổ (mẹ) thực, phải tả, Phế kim (con).²⁹

Đi sâu vào vấn đề ta thấy các y gia còn áp dụng lẽ ngũ hành diên đảo vào công việc điều trị. Nhưng nơi đây chúng ta cũng chẳng cần phải bàn rộng hơn về vấn đề này làm chi nữa.

Người nào có tâm cầu học, tự nhiên sẽ tìm sách kê cứu lấy.³⁰

6/ Quan niệm bát quái áp dụng vào y học.

- Các nhà chuyên môn về mắt chia mắt thành tám vùng (khuyết):
- Thiên khuyết (Kiên) = Lòng trắng phía giữa mắt: Phổi và Đại trường.
- Địa khuyết (Khôn) = Mi trên và dưới phía trong = Tì vị.
- Thủy khuyết (Khảm) = Đồng tử = Thận.
- Hỏa khuyết = Ly = Khúc mắt trong, ngoài = Tâm và Mệnh môn.
- Lôi khuyết (Chấn) = Mi trên phía ngoài = Tiểu trường.
- Sơn khuyết (Cấn) = Tròng đen = Đờm.
- Phong khuyết = Tốn = Lòng trắng phía trong.
- Trạch khuyết = Đoài = Mi dưới phía ngoài = Bàng quang.³¹



Y gia cũng cho tạng phủ phối hợp với bát quái như sau:

- Can = Chấn
- Đờm = Tốn
- Phế = Kiên
- Vị = Cấn
- Thận = Khảm
- Tiểu tràng = Đoài
- Tì = Khôn

Nếu trong người mà khí dương giáng, khí âm thăng, thì gọi là “Giao”, ngược lại thì là “Bất giao”.

“Giao” thời trong người khỏe mạnh, “bất giao” thời trong người

bệnh hoạn.

Cho nên:

a/- Nếu Tì khí (Khôn) thượng thăng, Kim khí (Phế = Kiềm) hạ giáng, thì Âm Dương giao = Địa Thiên Thái: lúc ấy khí huyết điều hòa.

- Nếu Tì khí (Khôn) không thượng thăng, Phế Kim (Kiềm) không thể hạ giáng, thì là Âm Dương gián cách, Thượng hạ bất thông. Đó là tượng quẻ Bĩ (Thiên Địa bất giao). Đó là bệnh Quan cách.

b/- Nếu Thủy (Thận) thăng, Hỏa (tâm) giáng, thì là Tâm thận tương giao, Thủy Hỏa Ký tế.

- Nếu Thủy không thăng, Hỏa không giáng, thì là Thủy Hỏa bất giao hay Hỏa Thủy vị tề³²

Định luật Âm thăng Dương giáng cũng được áp dụng vào 12 kinh mạch.

Thủ Dương kinh đi từ tay xuống đầu.

Túc Dương kinh đi từ đầu xuống chân.

Thủ âm kinh đi từ mình lên tay.

Túc âm kinh đi từ chân lên mình.³³

7/ Các số trong kinh Dịch áp dụng vào y học

Các số trong kinh Dịch cũng thường được áp dụng vào y học.

Số 8 để chia cuộc đời đàn ông thành nhiều thời kỳ, vì số 8 ứng vào quẻ Cấn, mà Cấn là thiếu nam.

Con trai:

8 tháng mọc răng.

8 tuổi thay răng.

8 x 2 : Dậy thì.

8 x 8 : Hết tình dục.

Số 7 để chia đời đàn bà thành nhiều giai đoạn, vì số 7 ứng vào quẻ Đoài, mà Đoài là thiếu nữ.

Con gái:

7 tháng mọc răng.

7 tuổi thay răng.

7 x 2 : Dậy thì.

7 x 7 : Tắt kinh.³⁴

Y gia cho rằng Vinh khí và Vệ khí một ngày đêm đi khắp chu thân 50 vòng. Mà số 50 chính là số “Đại diện” trong kinh Dịch.

(1)

Ngoài ra ta thấy:

Số 4: Tứ quân, tứ vật, Tứ nghịch thang.

Số 5: Ngũ vị, ngũ tạng, ngũ khí, ngũ sắc

Số 6: Lục phủ, lục khí, lục vị.

Số 8: Bát trện, Bát vị, Bát trân.

Số 10: Tập toàn v.v

8/ Các từ ngữ Dịch áp dụng vào y học

Các từ ngữ Dịch thường được dùng để đặt tên cho các bài thuốc.

Như: Thái cực hoàn, Lưỡng nghi cao, Khảm ly hoàn, Ký tế hoàn,

Nhị khí đơn, Tráng thủy phương, Bổ âm liễm dương phương,

Dương hư ích hỏa phương, Cửu Dương thang, Tư kim tráng thủy

phương, Bội thổ cố trung phương, Bổ âm ích dương phương, Phù

âm ức dương phương, Tư âm giáng hỏa phương, Bổ âm tiết dương

phương, Bảo âm phương, Bội âm liễm dương, an thần phương

v.v.³⁵

9/ Định luật tam lưỡng áp dụng vào y học

Dịch cho rằng Dương 3, Âm 2, như vậy là Dương trọng hơn Âm và Dịch luôn chủ trương phù Dương, ức Âm.

Vì thế Trương Cảnh Nhạc chế Chu Đơn Khê, vì họ Chu đã chủ trương bổ Âm.³⁶

Gần đây, ông Oshawa (Sakurazawa Nyoichi: Anh Trạch Như Nhất) lại chủ trương:

Âm = 5

Dương = 1

Cho rằng âm là K (Potassium).

Dương là Na (sodium).

Và cho rằng cần phải ăn uống thế nào để giữ tỷ số:

$$\frac{\text{Âm}}{\text{Dương}} = \frac{\text{K}}{\text{Na}} = 5$$

Không biết ông đã dựa vào đâu để đưa ra chủ trương trên, vì:

$$\text{Dịch chủ trương: } \frac{\text{Âm}}{\text{Dương}} = \frac{2}{3}$$

-Sinh lý học cho rằng, trong huyết tương:

Số lượng của K là 5 mEq/l hay 20mgr %.

Số lượng của Na là 143 mEq/l hay 330mgr %.

Như vậy:
$$\frac{K}{Na} = \frac{1}{16}^{37}$$

10/ Quan niệm Tiên thiên và Hậu thiên áp dụng vào y học

Y học cũng thường đề cập đến Tiên thiên và Hậu thiên.

Tiên thiên là khí bẩm thụ của mỗi người khi chưa sinh.

Hậu thiên là đời sống của mỗi người sau khi sinh.

Ta thường nói: “Tiên thiên bất túc, hậu thiên khuỵ tổn.”³⁸

Triệu Dương Quì cho rằng: “Y gia gọi Tiên Thiên là “Nhất điểm, Thủy hỏa vô hình” (Mệnh môn Thủy Hỏa); Gọi Hậu Thiên là “Hữu hình chi thể”, từ tạng phủ đến huyết nhục, bì phu, tân dịch, v.v.”

Phùng thị, Lãn Ông cũng đều gọi:

Âm Dương Tiên Thiên là Chân Thủy, Chân Hỏa vô hình của Mệnh môn.

Âm Dương Hậu thiên là khí huyết, tạng phủ, hành nhiệt.³⁹

III/ Ít nhiều dịch lý áp dụng vào y học

A/ Thầy thuốc phải có đức hiếu sinh

Dịch nói: “Sinh sinh chi vị dịch.” (hệ từ thượng, chương 5).

Một thầy thuốc có lương tâm cũng phải có đức hiếu sinh. Phải hết sức lo chữa cho người, đừng làm hại người vì sự đốt nát, cầu thả, vô lương tâm của mình.

Phùng Thị khuyên thầy thuốc đừng đi ngao du sơn thủy, mà phải ở nhà, đề phòng có người bị bệnh nguy cấp đến nhờ mình chữa chạy.⁴⁰

B/ Người biết dịch phải biết tìm gốc bệnh mà chữa.

Trị bản có thể hiểu được hai cách:

1/ Bản là Căn Bản con người.

Phùng thị, Lãn Ông cho rằng căn bản con người là Mệnh môn và Chân Thủy, Chân hỏa, nên mỗi khi gặp những bệnh kỳ quái, những bệnh dai dẳng là quay ra trị bản bằng Bát vị hay lục vị.⁴¹

2/ Bản thường được hiểu là nguyên nhân bệnh.

Muốn tìm được nguyên nhân bệnh, phải:

Vọng (Quan sát hình sắc bệnh nhân).

Văn (Nghe hơi thở, tiếng nói, tiếng rên của bệnh nhân).

Thiết (bắt mạch).

Vấn (Hỏi han bệnh nhân) cho kỹ càng.

Lại phải biết thế nào là Biểu (Bệnh ở ngoài bì phu, ngoại cảm) lý (bệnh đã đi vào tạng phủ, nội thương), nhiệt (nóng),

Hàn (lạnh), Thực (Tả hữu dư). Hư (Chính bất túc)...

C/ Dịch cũng như y chủ trương “Bớt thừa, Thêm thiếu”.

Tượng tuyền quẻ Khiêm viết: “Địa trung hữu khiêm sơn, quân tử, biểu đa, ích quả, xứng vật bình thi.”

Tượng rằng:

Núi trong lòng đất là Khiêm,

Hiển nhân nhiều bớt, ít thêm mới là.

Những gì chênh lệch quá đa,

Sửa sang cho bớt cho vừa thời thôi.

Trong thiên Nội kinh trị pháp, Kỳ Bá nói: “Cao thời nên xuống thấp thời nâng lên; Ôn thời làm mát, mát thời làm Ôn; tán thời thu, thu thời tán; táo thời nhuận; nhanh thời làm cho chậm; rần làm mềm ra, mềm làm rần lại, suy thời bổ, mạnh thời tả v.v.”⁴²

D/ Người hiểu lẽ dịch phải biết chừng mực, tiết độ.

Theo gương quẻ Tiết (Thủy Trạch Tiết), người biết lẽ Dịch phải biết tiết độ, chừng mực, chẳng nên lao tâm, lao lực sắc dục quá độ, chẳng nên nằm nhiều, ngồi nhiều v.v

Ngày nay, muốn khống chế con người, người ta thường bắt con người chịu đựng một hình phạt nào quá mức, quá lâu, như:

- Đứng nghiêm nhiều giờ.

- Nhìn đói, nhìn khát lâu ngày.

- Nhìn đèn quá sáng.

- Bất thức mãi không cho ngủ v.v

Cuối cùng con người sẽ bị gục ngã, chẳng những về thể chất mà còn về tinh thần nữa

E/ Người biết Dịch bao giờ cũng phải có tâm mắt bao quát.

Vì thế nên khi chữa bệnh, thầy thuốc cần phải biết quá vãng của bệnh nhân di truyền của bệnh nhân, cách thức ăn, ở, làm lụng của bệnh nhân, những mối ưu tư của bệnh nhân; như vậy chữa bệnh mới có hiệu quả. Lại phải chữa bệnh cho bệnh nhân làm sao để không di hại cho bệnh nhân về sau này.

F/ Người biết Dịch cần biết lẽ Phản phúc, chính phản.

Ta thấy trong kinh Dịch các sắp xếp 64 quẻ của Thượng kinh và Hạ kinh đều theo định luật “phản phúc”, “chính phản”: Kiển ngược với Khôn, Mông ngược với Truân, Tụng ngược với Nhu v.v Y gia cũng phải biết thế nào là Chính trị, thế nào là Phản trị. - CHÍNH TRỊ hay NGHỊCH TRỊ là lấy Hàn trị Nhiệt, lấy Nhiệt trị Hàn, để chữa những thực chứng, để chữa ngoại tà. PHẢN TRỊ hay TÔNG TRỊ là dùng thuốc Ôn, Nhiệt trị “Giả nhiệt” thuốc Hàn, Lương trị giả Hàn để chữa Hư chứng, để lập lại thế quân bình của Nội cảnh (Milieu intérieur).

G/ Biết lẽ dịch phải biết biến hóa.

Thầy thuốc giỏi phải biết gia giảm, biến hóa cứ không chữa bệnh trần - trần theo những phương thuốc cố định sẵn có.

Phải biết lẽ sinh (Potentialisation, synergie), khắc (Incompatibilité ou Inhibition) của các vị thuốc: phải biết thế nào là quân Thân Tá, Sứ để tùy nghi tăng giảm phân lượng các vị thuốc, tùy nghi gia giảm, tùy nghi dùng thang, hoàn; ngõ hầu đạt tới hiệu năng tối đa của bài thuốc và giảm tới mức tối thiểu những độc tính của vị thuốc nếu có (Neutralisation, Inhibition de la toxicité).

Lại phải biết tùy bệnh dùng thuốc, tùy người cho thuốc, tùy bệnh nặng nhẹ, mới lâu mà cho thuốc: tùy thời tiết, thổ ngơi mà cho thuốc.

Thế mới gọi là biết biến hóa...

H/ Thầy thuốc giỏi phải lấy sự chữa bệnh, đoán bệnh là dễ.

Dịch cũng có nghĩa là Dễ.

Nếu chúng ta am tường sự biến chuyển của thời tiết, sự biến chuyển của bệnh tật, những phản ứng của bệnh nhân, biết những

nguyên tắc căn bản của Dịch học và Y học, nếu ta biết giản dị hóa vấn đề, để bao giờ cũng có cái nhìn trong sáng, thì sự làm thuốc trở nên dễ dàng.

Đại phạm:

Người khỏe, ngẫu nhiên bị bệnh, đó là Thực chứng; đó là ngoại cảm: có thể dùng thuốc Công, Hạ để trục tà.

Người yếu, bị bệnh lay lắt, đó là hư chứng, đó là Nội thương, cần phải bổ, để lập lại thế quân bình giữa khí và huyết, giữa thủy và hỏa.

- Những bệnh mới mắc: Chữa khí huyết bằng Tứ quân (bổ khí), Tứ vật (bổ huyết).

- Những bệnh mắc lâu ngày, những kỳ bệnh quái bệnh, chữa Thân Thủy, Thân Hỏa bằng Bát vị (Chữa Chân Hỏa), Lục vị (Chữa Chân Thủy).

Đại phạm:

Được tính ôn là những khí Xuân sinh. Nhiệt là như khí Hạ Trưởng. Lương là như khí Thu Tàng (Liễm). Hàn là như khí Đông Sát.

Vì thế nên:

Người khí bất túc, dùng cam ôn mà bổ.

Người khí bất túc thái quá dùng Tân nhiệt mà bổ.

Người mà nóng quá dùng thuốc thanh lương cho mát.

Tà khí mà thịnh mãn quá chừng, dùng thuốc bổ hàn mà Tả.

Cho nên thuốc cam, ôn đều là Bổ, Lương Hàn đều là Tả.

Người đã hư mà còn cho uống hàn lương tức là hại người, giết người vậy.⁴³

Trần Tu Viên, trong Y học tam tự kinh, lại cho rằng chỉ cần biết rõ một chữ là làm thuốc được. Đó là chữ Nhân là Người với hai nét Tả, Hữu tượng trưng cho Âm Dương; Dương khinh thanh, Âm trọng trọng; nhưng Âm Dương chẳng hề rời nhau. Biết điều hòa Âm Dương là biết làm thuốc vậy.⁴⁴

Người biết lẽ dịch phải nên cẩn trọng.

Người biết dịch, khi làm thuốc phải biết đề phòng “phòng vi, đồ tiêm” (đề phòng cái nhỏ nhặt, lưu tâm đến cái dần dà) vì:

“Dịch rằng: Khi bước trên sương.

Hãy phòng băng cứng thời thường đến sau.”⁴⁵

Lãn Ông viết trong Châu ngọc cách ngôn:

“Thật lớn thay! Làm nghề thầy thuốc giữ mạng sống nhân loại, phải thấy khi cái bệnh cơ nó chưa lộ ra; phải ngăn đón từ khi mới chớm phát; thấy cái bệnh thế khi nó chưa hiện hình, và phòng bị từ khi bệnh mới nhen nhúm. Như vậy sẽ không có cái chuyện là phải ôm bụng, cắn rốn mà ăn năn không kịp. Làm nghề thầy thuốc không gì xấu hơn là chuyện ấy.”⁴⁶

Cho nên người làm thuốc bao giờ cũng phải cẩn trọng, lo lường, cố tránh hết mọi sơ hở có thể xảy ra, vì mạng người là trọng.

Phải luôn tự nhủ như lời Kinh Dịch:

“Ràng nguy, ràng hồng mới là,

Khóm râu vững chãi thiết tha buộc ràng.”⁴⁷

K/ Lương y phải biết kiểm điểm hành vi và cách chữa bệnh của mình.

Người biết lẽ Dịch phải biết luôn tự kiểm điểm hành vi và lẽ lối chữa bệnh của mình, xem kết quả hay dở ra sao để mà sửa chữa những lỗi lầm có thể mắc phải của mình. Các danh y đều bình lại cách chữa bệnh của mình, tùy trường hợp.

Lãn Ông đã viết quyển Dương y án ghi những trường hợp đã chữa khỏi bệnh, và Âm y án, ghi những trường hợp và những lý do không chữa khỏi bệnh.

L/ Người học Dịch phải biết lẽ tương đối

Ở đời này cái gì suy ra cũng tương đối. Cho nên sách vở của các danh y xưa cũng tương đối, có chỗ đúng, có chỗ sai.

Nếu so với thực tế, thấy chỗ nào sai, cần sửa lại chớ nên bo bo, cố chấp, cho rằng cái gì của người xưa cũng là hay, là đúng. Như vậy mới tiến bộ được. Đó cũng là quan điểm mà tác giả dùng để kết thúc bài này.

BS Nguyễn Văn Thọ

Chú Thích:

¹ Đã đăng Tập san của Đại học Minh Đức, số 3, tháng 10 & 11 năm 1972.

² Như ta đã biết:

Hệ thống thập phân (*systeme decimal*) có hàng một, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn

"Hệ thống toán pháp nhị nguyên" của Leibniz lại có hàng 1, hàng 2, hàng 4, hàng 8, hàng 16, hàng 32

Gọi là nhị nguyên, vì chỉ dùng có hai ký hiệu là 0 và 1. 0 là không, 1 là 1, hay 2, hay 4, hay 8, hay 16, hay 32 tùy ở hàng nào.

³ Xem: *Lincoln Barnett, The Universe and Dr. Einstein (A Mentor Book)* pp.107-110, Xem: Nguyễn Văn Thọ, *Lecomte du Noüy và học thuyết Viễn đích*, tr.72, 12:

⁴ *De fait, il s'est avéré au cours des cinquante dernières années que les automates chimiques sont composés et qu'il sont constitués par seulement trois éléments de base que nous appelons protons, neutrons et électrons. De ce fait, le nombre trois des éléments de base ce réduit encore une fois au nombre un. Il n'y a qu'une seule matière homogène mais celle-ci peut exister sous divers états discrets et stationnaires. Certains de ces états sont stables, à savoir proton, neutron et électrons et beaucoup d'autres sont instables.*

-Werner Heisenberg, *La nature dans la physique contemporaine*, p.52, 54.

⁵ *The Unified Field Theory touches the "grand aim of all science" which, as Einstein once defined it, is "to cover the greatest number of empirica facts by logical deduction from the smallest possible numbe of hypothesis or axioms". The urge to consolidate premises, to unified concepts, to penetrate the variety and particularly of the manifest world to the undifferentiated unity that lies beyond is not only the heaven of science; it is the loftiest passion of the human intellect. The philosopher and mystic as*

well as the scientist, have always sought through their various disciplines of introspection to arrive at the knowledge of the ultimate immutable essence that undergirds the mutable illusory world. More than twenty-three hundred years ago Plato declared "The true lover of knowledge is always stirring after being He will not rest at those multitudinous phenomena whose existence is appearance only."

Lincoln Barnett, *The Universe and Dr. Einstein*, p.122

⁶ Huard et Maurice Durand *La Médecine sino-vietnamienne*, p.28 (BSKELNS Tome XXVIII, No 3 2-e trimestre, 1953)

⁷ Đỗ Đình Tuân, *Đông y lược khảo*, q. tr.37

⁸ *Le rationalisme grec en particulier, méprise les procédés inductifs de la science le souci des faits - particuliers.*

Cette attitude méprisante s'accompagne d'une préférence pour les procédés déductifs; modelés sur les sciences mathématiques, dans lesquelles selon une méthode rigoureuse on part de principes fondamentaux, généraux, pour parvenir à des théorèmes plus particuliers et plus détaillés tandis que dans les sciences naturelles modernes à partir des faits particuliers, on revient à des principes généraux.

A Wasserstein; Le rôle des hypothèses, (Revue philosophique de la France et de l'Etranger (PUF) No 1, Janvier Mars, 1972, P.7

⁹ Cf. *Y học nhập môn*, tr.1

¹⁰ Xem Lãn Ông *Y gia quan niệm*,, *Tiểu dẫn tr.1.*

¹¹ *Pierre Huard et Maurice Durand La Médecine sino-vietnamienne*, P.242 (B.S.E.I.N.S. Tome XXVIII, No 3,,3e trimestre 1953).

¹² *Độc Ngũ Vận Ngũ Khí trong Đỗ Đình Tuân, Đông y lược khảo*, q.1, tr. 88-104.

Việt Cúc, *Y gia yếu chỉ*.

¹³ *Độc Phùng Thị cầm nang, q.1. Chương: Bình Triệu thị y quán thuyết, tr.47- 48*

¹⁴ *Nhân chi sơ thai, nhất nguyệt vi phôi,, diệp chỉ hồn nhiên nhất đoàn vi sinh nhân chi Thái cực.Đường Tông Hải, Y dịch tương thuyết, bản chép tay của tác giả, tr.8*

¹⁵ *Xem: Phùng Thị cầm nang, q.1, tr. 47-48.
Lãn Ông, Huyền Tân phát vi, tr. 3-8.*

¹⁶ *Phùng Thị cầm nang, q.2. chương Mệnh môn đồ thuyết, tr. 3-8.*

¹⁷ *Xem Roger Godel, Vie et Renovation (Gallimard) p. 34-38.*

¹⁸ *Xem Phùng Thị q.2, Âm dương luận, tr. 16-19*

¹⁹ *Xem Âm dương luận của tác giả (bản Ronéo tr.22 trở đi)
Nhiệm Ứng Thu, Âm Dương ngũ hành, tr.29.
Lãn Ông y gia quan niệm Âm Dương tr.3-7.*

²⁰ *Xem: Lãn Ông, Khôn hóa thái chân, tr. 13,14,15,16.*

²¹ *Xem Lãn Ông , Khôn hóa thái chân, tr 13, 14, 15, 16
Huyền tân phát vi tr. 24-27 - Y học từng thư tr. 206-207.*

²² *Xem Cảnh Nhạc toàn thư, Truyền Trung lục - Âm Dương thiên
(Quyển 1, từ trang 18 trở đi).*

²³ *Chu dịch Tham đồng kế phát huy, q.thượng tr.4.*

²⁴ *Meckey's Freemasonry encyclopedia, Tome II, p.615.*

²⁵ *Y học nhập môn, quyển thủ, chương Vận khí tr.40-44.*

²⁶ *Ib.* tr. 40-44

²⁷ *Phùng thi cảm nang, q.1, tr.21.*

²⁸ *Lãn Ông, khôn hóa, thái chân. Hậu thiên luận, tr.8.*

²⁹ *Thượng đức y học khai nguyên, trang 37-43.*

Trong Phùng thi cảm nang (q1, tr.24) ta còn thấy áp dụng ngũ hành theo chiều khắc vào công cuộc chữa bệnh như sau:

a/ Ngã thật, bổ kỳ khắc ngã.

Can Mộc thật bổ Kim (Kim khắc Mộc) để bình Mộc.

Hỏa thật, bổ Thủy để bình Hỏa.

Thổ thật, bổ Mộc để bình Thổ.

Kim thật, bổ Hỏa để bình Kim.

Thủy thật, bổ Thổ để bình Thủy.

b/ Ngã hư gia tả kỳ khắc ngã.

Kim bị Hỏa lấn át , tả Tâm (Hỏa), rồi sẽ bổ Phế.

Mộc bị Kim lấn át, bình Phế (Kim) rồi sẽ bổ gan.

Thổ bị Mộc lấn át, Tồn Can (Mộc) rồi mới sinh

Thủy bị Thổ lấn át, thanh Tì rồi mới an Thận.

Hỏa bị Thủy lấn át, ức Thận rồi mới bổ Tim.

³⁰ *Xem Y pháp tâm truyền, chương Diên đảo ngũ hành, tr.2.*

³¹ *Xem Trần Vu Viên, Nhân khoa tiếp kính, tr.1.*

Xem Huard et Wong, Chinese Medicine, World University Library, p.190.

Xem Định Ninh, Học Dịch y biên soạn (Bản viết tay), tr.18-19.

³² *Lãn Ông Y gia quan niệm, tr.14.*

-Phùng Thị cảm nang, tạp chứng q.1, tr.48-49.

-Lãn Ông, Hiệu phòng tân phương, tr.14.

³³ *Xem Huard and Wong, Chinese Medicine p.63*

³⁴ *Ib.p.64.*

- ³⁵ Cf. Lãn Ông tâm đắc thần phương, và Hiệu phỏng tán phương v.v
- ³⁶ Cf. Lãn Ông tâm đắc thần phương, và Hiệu phỏng tán phương v.v
- ³⁷ Xem Cảnh Nhạc toàn thư Truyền trung lục thượng, tr.19
-Lãn Ông, Y gia quan niệm, tr.26.
-Xem phương pháp Tân Dưỡng Sinh của Oshawa Anh Minh và Ngạn Ôn dịch tr.209.
- ³⁸ Hữu Thiên chi Thiên giả vị sinh ngã chi Thiên; sin ư vô nị do ở thiên dã. Ưu nhân chi thiên giả vị thành ngã chi thiên, thành ư Hữu, nhi do hộ Ngã dã. Sin giả tại tiền thành giả tại hậu, nhi, Tiên Thiên Hậu Thiên chi nghĩa ư tư kiến hĩ.
Cảnh Nhạc toàn thư, Truyền tung lục trung, tr.42,42.
- ³⁹ Phùng thị cảm nang, q.1, tr.48-56.
-Lãn Ông, Huyền tấn phát vi, tr.9, khôn hóa thái chân, tr.3.
- ⁴⁰ Phùng thị quyển thủ, tr.6b.
- ⁴¹ Cảnh Nhạc toàn thư, truyền trung lục trung, Cầu bản luận tr.44
- ⁴² Cảnh Nhạc toàn thư, Truyền trung lục thượng, tr.36.
- ⁴³ Lãn Ông, Y gia quan niệm, tr.25.
- ⁴⁴ Tân Tu Viên, Y học tam tự kinh, tr.23.
- ⁴⁵ Xem quẻ Khôn, hào sơ lục, và văn ngôn.
- ⁴⁶ Xem Định Ninh, Châu Ngọc cách ngôn (bản dịch đánh máy Châu ngọc cách ngôn của Lãn Ông, tr.54).
- ⁴⁷ Xem Kinh Dịch, quẻ Bĩ, Hào cửu ngũ, và Hệ từ hạ, chương năm.

SUY TÌM THIÊN Ý

Đạt Thông Dương văn Ngừa

Tìm dấu Thiên cơ men lối bước,
Suy tìm Thiên Ý vững lòng tin.

Xuyên qua lịch-sử các tôn giáo trên thế-giới từ xưa đến nay chúng ta nhận thấy rằng :

-Các tôn-giáo đã có từ trước đến nay là do một vị Giáo Tổ hoặc tu hành đắc đạo hoặc được sự mặc khải của ơn Trên (cõi vô vi). Sau đó vị Giáo Tổ đi ta bà thế-giới giảng Đạo, khuyến dân vi thiện, thức tỉnh nhân tâm , thấu nhận đệ tử.Sau khi vị ấy mãn phần , các đ65 tử họp lại, gom góp những lời dạy của vị Giáo Tổ làm kinh điển, đặt luật lệ tu hành cho các tín hữu, sửa đổi lần lần để trở thành một tôn giáo hoàn chỉnh và việc này phải mất vài ba trăm năm.

-Ngày nay Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ khác hẳn với các tôn-giáo đã có từ trước. Với chủ thuyết” Thiên Nhơn Hiệp Nhứt” Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ hay còn gọi là Đạo Cao-Đài gồm có 2 phần Thiên (vô vi) và Nhơn (hữu hình) phối hợp làm thành một tôn Tôn Giáo duy nhất trên thế gian , chẳng những để độ rỗi tất cả mọi người đang sống trên trần thế mà còn để siêu rỗi các vong linh quá vãng chưa được siêu thoát ,các vong linh thuộc hàng quỷ vị (mất hết chơn dương) được đầu kiếp để tu hành. Đặc biệt hơn nữa là các chơn linh dù đã đạt được ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật mà muốn cao thăng Thiên vị cũng phải chịu giáng trần lập công bồi đức trong cửa Tam Kỳ Phổ-Độ này.

Chư vị Thần Thánh Tiên Phật có 3 cách để lập công bồi đức:

1- Lâm phạm mang nhục thể để lập công thì tùy theo công nghiệp mà thăng nhiều hay ít, nhưng cách này rất nguy hiểm vì khi mang xác phạm thì bị thất tình lục dục cám dỗ rất khó thoát khỏi (92 ức nguyên nhân xuống trần đến nay chưa thoát khỏi được bao nhiêu).

2- Không giáng trần mang xác phàm , chỉ xuất chơn linh giáng đàn theo lệnh Ngọc Hư Cung hay Tòa Tam Giáo trong một thời gian ngắn rồi thăng. Như vậy hệ số công quả ít hơn hạng thứ nhất.

3-Tình nguyện theo một môn đệ Cao- Đài nào đã lập minh thế rồi, hướng dẫn người ấy lo tu hành , làm phải làm lành Khi người ấy mãn phần mà tạo được công nghiệp thì chơn linh kia cũng được dự phần, (người đời thường nói là có quới như giúp đỡ).

-Đạo Cao-Đài khác hơn các tôn-giáo khác ở chỗ thành phần lãnh đạo gồm có hai phần Vô Vi và Hữu Hình, nên cách tổ-chức cũng khác.Đại cương tổ-chức Đạo Cao-Đài có ba Đài:

1-Bát Quái Đài: Bát quái Đài là linh hồn của Đạo do Thượng Đế làm chủ. Kế đó có Hội Đồng Tam Giáo phụ tá. Dưới Tam Giáo có Tam Trấn thay mặt Tam Giáo trực tiếp giáo hóa như sanh.

Phật thì có Đức Quan Âm Bồ Tát.

Tiên thì có Đức Thái Bạch Kim Tinh.

Thánh thì có Đức Quan Thánh Đế Quân.

Bát Quái Đài giữ phần siêu rỗi linh hồn

Bát Quái Đài cũng còn là Cơ-Quan lập pháp của Đạo.

2-Hiệp Thiên Đài: Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần của Đạo do Đức Hộ Pháp làm chủ. Tả hữu có Thượng Sanh, Thượng Phẩm và Thập Nhị Thời Quân.

Hiệp Thiên Đài giữ nhiệm vụ Bảo Thủ Chơn Truyền của Đạo, thông công với cõi vô hình , tham khảo, thỉnh lệnh, thừa lệnh, làm nhịp cầu cho hai cõi hữu hình và vô hình.

Hiệp Thiên Đài là Cơ-Quan Tư Pháp của Đạo.

3-Cửu Trùng Đài: Cửu Trùng Đài là phần xác của Đạo do Đức Giáo Tông làm chủ. Dưới quyền Giáo Tông là tất cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài nam nữ.

Cửu Trùng Đài có nhiệm-vụ giáo dân vi thiện, độ rỗi chúng sanh và Cửu Trùng Đài cũng là Cơ-Quan Hành-Pháp của Đạo.

“ Khai Đạo muôn năm trước định giờ ”

Ngày giờ Khai Đạo đã được định trước trong Thiên Thư. Pháp của Tam Kỳ Phổ-Độ là do Lôi Âm Tự và Bạch Ngọc Kinh “ Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ-Độ, Quý Vương đã khởi phá khuấy chơn đạo, đến danh ta nó còn mượn, duy Ngai ta nó chẳng dám ngồi. ”

Ngoài ra còn có hàng hà sa số chư Phật, Tiên, Thánh, Thần theo hầu và sẵn sàng tùng lệnh Thượng Đế để giáo hóa nhơn sanh:

“ Mỗi khi chơn linh Thầy giáng đàn thì cả vùn vùn muôn muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ. Các con nếu mắt phàm thấy đặng phải khủng khiếp kinh sợ vô cùng, nhưng chẳng thấy đặng, nên tội cũng giảm nhẹ đôi chút. . . . ”

-Đầu tiên Thượng Đế lo thu phục các chơn linh tình nguyện đầu kiếp cho Thượng Đế lập Đạo, để làm bộ phận thông công, tức là chấp cơ cho Ngai giáng đàn dạy Đạo và không phải bắt cứ ai cũng cầm cơ cho Thượng Đế giáng được:

“ Thầy nói cho các con hiểu bậc chơn Thánh mà phải đọa trần nếu không đủ tánh chất để điều dẫn nhơn sanh thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền Đạo.”

Sau đó Ngai thân nhận tiếp chư vị Thập Nhị Thời Quân để làm Tướng Soái cho Ngai truyền Đạo.

-Kể từ ngày làm lễ Khai Minh Đại Đạo (15-10 Bính Dần) cho đến 12-01 Đinh Mão, chỉ trong vòng 3 tháng Đạo Cao-Đài nghiệm nhiên trở thành một tôn giáo hoàn chỉnh. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh Truyền (Hiến Pháp của Đạo): Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái, Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ Phái, Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Đặc biệt là Thánh Ngôn, Thánh Giáo, Thi Văn Dạy Đạo của Cao-Đài là do cơ bút ghi trực tiếp lời dạy Đạo của các Đấng Thiêng Liêng chính xác từ cái dấu phẩy và nếu ghi sai thì được chỉnh liền tại chỗ. Những kinh sách này không giống kinh sách

các tôn giáo khác vì kinh sách các tôn giáo khác do các đệ tử ghi lại theo trí nhớ của mình.

Ngày xưa các tôn giáo được lập ra theo từng địa phương. Ngày nay Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ là do Đấng Chí-Tôn (Thượng Đế) khai mở ra để cứu vớt toàn thể nhân loại và các đẳng linh hồn trong càn khôn thế-giới nên phải có sự phối hợp của hai cõi vô vi và hữu hình. Đại-Đạo qui nguyên Tam Giáo, hiệp nhất ngũ chi lại làm một dưới quyền Ông Cha chung là Đấng Chí Tôn chủ quản càn khôn thế giới.

Thượng Đế đại ân xá cho tất cả sanh linh biết tùng theo pháp điều Tam Kỳ Phổ-Độ mà lo tu hành đều được đắc quả, tùy theo khả năng làm được trong kiếp sanh.

Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ chẳng khác nào một trường thi có 5 cấp : Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Bài học: Tình thương và Công Chính.

Luật thi: Tự lực, không có ai làm thế được.

Đề thi: Công quả, độ đời.

Thượng Đế có nói: “. . . Nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nhân loại. . .”

Cũng vì thấy lập pháp Tam Kỳ Phổ-Độ một cách huyền diệu, trang nghiêm, vĩ đại như thế, nhất là thành phần lãnh đạo của Tam Kỳ Phổ-Độ bao gồm hai cõi Vô Vi và Hữu Hình thành một tổ-chức vô tiền khoáng hậu không ai dám nghĩ tới (nhưng đó là một sự thật bày ra trước mắt bằng dân thiên hạ) cho nên người ta nghĩ rằng Đại-Đạo Tam Kỳ sẽ phát triển một cách mạnh mẽ như thác lũ, như mưa tuông, không có sức mạnh nào cản ngăn được.

Thế mà mới có năm bảy mươi năm sau ngày Khai Đạo mà ngày nay Đạo đã chỉ tiến triển với một mức độ rất là khiêm nhường. Do đó mà một số người thiếu lòng tin, sanh lòng ngờ vực, rồi vì nhẹ dạ nên chạy theo các tôn giáo khác. Thật là uổng cho những vị này vì họ đã may duyên gặp được nền chánh giáo là Tam Kỳ Phổ-Độ nhưng họ đã không giữ được niềm tin, không có quyết tâm quyết chí và không chịu tìm hiểu Thiên Cơ cùng Thiên Ý để đi theo cho trọn con đường.

Một nhà đạo học đương thời đã có hùng tâm, hùng lực nêu lên những câu bất hủ:

“ Rẽ sóng thời gian tìm nghĩa lý,
Khơi lòng Trời Đất lấy tinh hoa.”

để:

Trước là “ Quan Thiên chi Đạo” để “ Pháp Thiên chi hành” nghĩa là Quan sát Đạo Trời để thi hành Luật Trời. Sau đó quan sát nhân tình để tùy nghi thiết giáo và cuối cùng là phải quan sát tâm tư, tài đức của mình mà nội quan phản chiếu.

Thậm chí có người dám cả gan đổ lỗi cho Thượng-Đế đem mối Đạo Trời gieo không đúng chỗ. mối Đạo lớn như vậy mà giao cho một số người thiếu khoa bảng trong một nước nhược tiểu không thể lực thì làm sao phát triển được. Phải chi Thượng-Đế mở Đạo nơi một nước văn minh tiến bộ , giàu có và thế lực với thành phần khoa bảng lãnh đạo thì ngày nay nền Đạo đâu có tiến triển như thế này ?

Mới nghe qua dường như có lý. Nhưng đó là lý lẽ của kẻ thế tục, đó là thế tình. Mà kẻ chỉ biết suy nghĩ theo thế tình thì làm sao hiểu được ý Trời, lý Đạo ! Không hiểu được ý Trời, lý Đạo thì làm sao theo được Đạo Trời ?

Thầy thường nhắc nhở:” Tu hành vẫn trái với thế tục, mà trái với thế tục mới đặng gần ánh thiêng liêng hoặc cử chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình thì là gần ngôi Tiên, Phật đó. “

Học Cao-Đài mà chỉ xem qua kinh sách , hình thức tổ-chức mà không nghiên cứu tận tường , tìm hiểu cho thấu đáo lời dạy của Ông Trên không khác gì muốn mua căn nhà mà chúng ta chỉ đi vòng bên ngoài mà không chịu vào bên trong xem xét cách cấu trúc phòng ốc ra sao, tình trạng hư hao nhiều hay ít thì đâu biết giá trị của căn nhà.

Học Cao-Đài mà không hiểu ý nghĩa tam bửu Tinh Khí Thần là chưa hiểu Cao-Đài.

Học Cao-Đài mà chưa biết cấu trúc và liên hệ giữa Tinh Khí Thần ngoài đại vũ-trụ với Tinh Khí Thần của tiểu vũ-trụ nhân thân là chưa hiểu được Cao-Đài.

Học Cao-Đài mà chưa hiểu ý nghĩa hai phạm trù Vô Vi và Hữu Hình thì chưa hiểu được Cao-Đài.

“ . . . Thời kỳ mạt pháp này khiến mới có Tam Kỳ Phổ- Độ, các sự hữu hình phải hủy phá tiêu diệt. Thầy đến chuyển Đạo, lập lại Vô Vi. Các con coi thử bên nào chánh lý. Hữu hình thì bị diệt đặng chớ Vô Vi chẳng thế nào diệt đặng. “

Nếu lấy cặp nhục nhãn mà nhìn thì “ lập lại vô vi” đâu không thấy mà chỉ thấy về vật chất thì ngoài ngôi Đền Thánh còn có vô số Thánh Thất, Điện Thờ khắp nơi, còn về nhân sự thì từ Trung Ương cho đến địa-phương đều do con người đảm nhiệm cả chớ có thấy vô vi ở chỗ nào?

Nếu lấy cái tâm mà nhìn thì lại khác. Hữu hình là những gì thấy bằng mắt, sờ mó được, cân đo đong đếm được. còn Vô Vi hay là Vô Hình tức là không có hình dáng, không thấy được, không sờ mó được, nhưng tin chắc là có.

Trong nhân thân có Tinh, Khí, Thần. Tinh là thể xác. Khí là khí lực, là sức mạnh dạng bán hữu hình vì có khi thấy được, có khi không. Thần hoàn toàn vô hình ảnh, là điểm linh quang mà Thượng-Đế đã chiết chơn linh ban cho mỗi người, để giữ gìn và dạy dỗ hai phần Tinh và Khí. Trải qua bao thời gian bị hai thể kia (Tinh, Khí) đưa đòi theo vật chất như đứa con ngỗ nghịch không nghe lời cha mẹ (Thần) nên cha mẹ (Thần) phải bám theo hai đứa con ngỗ nghịch trong ba nẻo, sáu đường. Thầy bảo lập lại Vô Vi tức là đánh thức cái Thần của con người lại vì nó là Vô Vi. Khi Thần thức tỉnh biết đâu là Đạo, đâu là Đời, đâu là chánh, đâu là tà thì Thần không còn chịu theo hai đứa con ngỗ nghịch nữa (Tinh, Khí) mà Thần phải cật lực dạy dỗ Tinh, Khí phải biết tuân hành theo luật Đạo như ngũ giới cấm, tứ đại điều qui, chay lạt, làm việc thiện, giúp đỡ tha nhân làm công quả để chuộc lại những lỗi lầm đã tạo ra bấy lâu nay.

Nên nhớ rằng chỉ có Thần của ai mới khuất phục được Tinh Khí của người ấy mà thôi, mặc dầu Thần tôi và Thần anh là Một và là Tất Cả.

“ . . . Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bẽ. Lập Tam Kỳ Phổ-Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí

đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh”.
“ Lập lại vô vi” nghĩa là Thầy tăng cường Thần của Thầy cho Thần của người để Thần đủ sức giành lại ngôi vị” chủ nhơn ông” trong nhân thân mà bấy lâu nay Tinh, Khí đã cường đoạt để sa đoạ vào con đường vật chất, gây ra bao tội lỗi chất chồng. Khi Thần của người được tăng cường (tăng sinh lực) thì Thần trở nên mạnh mẽ đủ sức chống lại các cám dỗ và dẫn dắt, điều khiển nhân thân theo con đường Thiên lý.

“ Lập lại vô vi” là Thượng-Đế bắt lại nhịp cầu giữa Trời và người, tạo được lòng tin mình vốn là giòng sang cả ở chốn Thiên Đình.

Khi lòng tin (vô vi) trở nên mạnh mẽ rồi thì quyền thế, danh lợi, công cùm, đói nghèo không thể lay chuyển con người trên con đường hướng thượng, trong lúc bên tai luôn văng vẳng tiếng gọi của Thầy:

“ Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình.”

tiếng gọi của Mẹ:

“Con nhớ chẳng con chốn Thiên Đình,
Mỗi con mang lấy mảnh hồn linh,
Vào đời tu học, bồi âm chất,
Hành Đạo độ đời giúp chúng sanh.

x

Khi đã vào đời mang nhục thân,
Sớm trưa vùi dập với phong trần.
Lợi danh sớm tối đua chen mãi,
Quên cội quên nguồn chốn cõi nhân.”

hoặc tiếng kêu tha thiết của Mẹ:

“Hỡi tàn linh ơi ! hỡi tàn linh !
Có nhớ quê xưa chốn Ngọc Đình.
Quay gót mau về nơi cựu vị,
Thôi đừng dan díu kiếp phù sinh.”

Tóm lại khi Thượng-Đế mượn âm thanh sắc tướng làm phương-

tiện để bắt lại nhịp cầu giữa Trời và Người, từ đó Người và Trời chung hiệp, nghĩa là mỗi hành-động của con người đều được sự hướng dẫn của Trời, làm theo ý Trời thì xã-hội loài người sẽ được cải thiện thành cõi Thiên Đàng tại thế. Làm theo ý Trời tức là làm theo Vô Vi, như vậy nghĩa là Thầy lập lại Vô Vi.

Khi con người còn thiếu lòng tin thì những ý sâu xa trong kinh sách khó mà phát hiện được. Cho nên Thánh giáo của Thầy có đủ trình độ để cho mọi căn cơ cao thấp có thể lãnh hội được nếu chịu khó đọc và suy nghĩ, thậm chí có những lời dạy rất đơn giản và rõ ràng như nói về ý của Thầy muốn cho môn đệ thương mến nhau trong các đoạn Thánh Giáo sau:

“ . . . Thầy vui muốn các con *thuận hòa* cùng nhau hoà, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng.

. Phải dồi lòng trong sạch, lấy sự *nhẫn nại* làm gương soi mình hằng bữa, phải *thương yêu nhau, giúp đỡ nhau* như con một nhà, rồi cái thương yêu, sự giúp lẫn ấy sẽ dìu chung các con vào tận chốn Cực Lạc Thiêng Liêng để tránh khỏi nơi khổ cùng tiêu tụy

. Điều Thầy vui hơn hết là muốn cho các con *thương yêu, giúp lẫn nhau* như con một nhà, phải đồng tâm hiệp chí chia vui sốt nhọc cho nhau, nương đỡ dìu dắt nhau đem lên con đường đạo đức, tránh khỏi bến trần ai khốn đốn này. . . .

. Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con thương yêu nhau trong Thánh Đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế-Giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi. . . .”

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Đức Chí-Tôn lập đi lập lại nhiều lần (hơn 10 lần) về ý Thầy (Thiên Ý) mong muốn các môn đệ của Thầy biết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, chia vui sốt nhọc nhau sao cho trên thuận dưới hòa mà dắt nhau về nơi Bồng Đảo (cõi Tiên). Thầy còn giả dụ rằng sự Thương Yêu (vô hình vì không ai thấy hình dáng nó, nắm bắt được nó, cân, đo, đong, đếm được nó) là chìa khóa mở được cửa Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế-Giới và Bạch Ngọc Kinh (Vô Vi). Nếu như ai luôn luôn nhớ và thực hiện ý Thầy (Thiên Ý) dạy về hai

chữ Thương Yêu thì có thể coi như đã thuộc bài. Khi đã thuộc bài rồi thì phải thực hiện bài học bằng hành động trong suốt cuộc đời mình sao cho nhuần nhuyễn, tâm nghĩ là thân làm một cách nhịp nhàng, không vướng mắc, không gượng gạo.

Trong một bào Thánh Giáo Thầy đã dạy Giáo Sư Ngọc Kinh Thanh (Nguyễn Văn Kinh) như sau:

“ Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của cải. Ấy là vết phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả.

Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công quả cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chăng, tại nơi các con muốn cùng chăng muốn.

Thầy nói cho con nghe:” Kinh ôi! Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ”

Con người đả mang xác phàm, bị thất tình lục dục lôi kéo thành ra không còn sáng suốt phân định cái nào là chơn chánh, cái nào là giả dối, do đó mà phải chịu trầm luân trong vòng vay trả, trả vay (nhưn quả, luân hồi). Vì vậy mà Thầy đã dạy:

” Sự chơn thật và sự giả dối, mất phàm các con đâu có thể phân biệt đặng. Một trường thử Thánh, Tiên, Phật vì vậy mà phải lập nơi thế-gian này.”

Thánh, Thần, Tiên, Phật xuống trần lập công quả, khi mang xác phàm rồi thì ai cũng như ai nghĩa là không còn biết mình là Tiên, là Phật nữa, và cũng đều bị dục vọng lôi kéo như nhau. Được trở về ngôi vị lâu mau, hay không được trở về chỉ bằng vào sự công quả độ đời của mỗi vị.

Thầy nói tiếp:” Thầy hằng nói cùng các con rằng một trường thì công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.

Thầy lại khuyên nhủ tiếp: Thầy đã đến chung cùng với các con các con duy cố tu mà đắc đạo. . . .

. . . . Nay tuy các con chẳng thấy đặng hành vi mẫu nhiệm mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi Thầy mà cho rằng lời Thầy dạy là chơn thật. Nếu các con đợi đến buổi

chung qui, hồn ra khỏi xác mới thấy cả cơn mầu nhiệm đặng thì chừng ấy đã muộn rồi.”

Cơ mầu nhiệm của Trời tuy chúng ta không thấy được nhưng nếu chúng ta tin vào những lời dạy dỗ của Trời xuyên qua Thần chúng ta (đồng tử) thì cái xác phàm này rất hữu ích, vì chỉ có xác thân này mới làm được công quả, cho nên có câu:

” Nhon thân nan tái đất”. Vậy nhon thân quý lắm thay! Nhưng quý ở chỗ nhờ nó để làm được công quả chứ chẳng phải quý nó ở chỗ đẹp, xinh.

Công quả trong Tam Kỳ Phổ-Độ không chỉ thu hẹp trong phạm vi trong Chùa, Thất mà nó trải rộng ra cả hai phạm trù nhân sinh và tâm linh. Tuy rằng nó rộng khắp cả muôn loài vạn vật hữu vi lẫn vô vi nhưng chúng ta chỉ cần học thuộc đề tài thương yêu thì việc công quả độ đời sẽ nhẹ nhàng như hơi thở.

Như vậy chúng ta đã qua 2 đề tài : Bài học về sự thương yêu và đề thi công quả độ đời, bây giờ còn lại một đề tài mấu chốt , quan trọng nhất của trường thi của Thượng-Đế mở ra trong Tam Kỳ Phổ-Độ này là đề tài Tự Lực.

Đây là một đề tài quan trọng nhất vì phần này không ai có thể phụ giúp được. Cho nên Thầy dạy:

” Dầu một vị Đại La Thiên Tiên xuống phàm (mang xác phàm) mà không tu (tự lập) cũng khó trở lại địa vị đặng.”

Cho nên

”Thầy ước sao các con biết tự lập thì Thầy mới vui lòng.” và Thầy còn khẳng định :

” Thầy nói cho các con hay trước rằng , nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bằng ảm các con mà đỡ lên cho đặng.. Ấy vậy , cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.”

Nhà cửa, tiện nghi vật chất, mọi thứ cần dùng trong đời sống, ngay cả thức ăn thức uống thuộc về vật chất, con người có thể xan xẻ cho nhau, về mặt tinh-thần có thể dạy dỗ nhau, khuyên nhủ nhau, nhưng quan trọng nhất là đương sự có lãnh hội được hay không? Cụ thể như người ta có thể làm một bữa cơm đưa đến cho mình , chứ người ta không thể ăn thế cho mình no được.

Thậm chí người ta có thể đứt còm tới miệng mình , nhưng mình có chịu nuốt để được no hay không? vì chỉ có mình mới làm cho mình no được mà thôi.

Cho nên tự lập là luật thi của trường thi công quả rất quan trọng trong Tam Kỳ Phổ-Độ không thể không tuân hành.

Ngày nay vật chất càng ngày càng phát triển khiến cho nhơn sanh bị cám dỗ nặng nề do đó mà khó thực hiện một cách đầy đủ các luật lệ tu hành theo lối xưa. (lúc ấy vật chất quan trọng nhất chỉ có thực phẩm thôi). Cho nên trong Tam Kỳ Phổ-Độ nầy Thầy bỏ hết các cổ luật và thành lập Tân Luật cho vừa theo trình độ tiến hoá của nhân loại, đồng thời gom hết các chi lại làm một, để cho nhân loại chỉ tùng theo Tân Luật của Tam Kỳ Phổ-Độ mà đạt được địa-vị mình qua trường thi của Thượng-Đế lập tại thế-gian. Trường thi nầy có 5 cấp: Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật và tùy theo khả năng mỗi người mà đạt được cấp tương ứng.

Bởi thiên cơ bất khả lậu cho nên dù là Thượng-Đế cũng không thể tiết lộ rõ ràng được, nhưng nhờ Thiên Ý (Thánh Ngôn, Thánh Giáo) mà con người có thể noi theo đó mà làm theo cho đúng thì có ngày Thiên cơ cũng được bày tỏ (đặc đạo sẽ biết được thiên cơ). Trong Thánh Ngôn, Thánh Giáo (Thiên Ý) cũng có chỗ sáng sủa rõ ràng, có chỗ còn kín nhiệm, tuy nhiên nếu chúng ta noi theo được chỉ ở phần sáng sủa rõ ràng thôi thì cũng không phí một kiếp sanh (giai nhơn nan tái đắc) may duyên gặp Đạo.

San Jose, mùa thu 2003

Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

**ĐỌC & XIN CỔ ĐỘNG
TẬP-SAN THẾ-ĐẠO**

CON ĐƯỜNG CỨU RỐI CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI

1. “Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần Thánh Tiên Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả.

Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn.....” (TNHT, I, trg 24)

(tiếp theo số trước)

Đọc lại lời Thánh giáo trên, chúng ta thấy Thầy nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của việc lập công quả, tuy nhiên công quả không phải là điều kiện cần và đủ để đắc Đạo, vì nếu chỉ có việc lập công quả không thôi mà đắc Đạo thì chúng ta đâu cần phải vào Đạo mà chỉ cần lo giúp đỡ người khác, làm việc xã hội cứu tế,ở ngoài đời cũng đủ rồi.

Nhưng ngoài việc lập công quả chúng ta còn phải trau dồi Thánh tâm, trau dồi đức tin, nhờ Ôn Trên các Đấng Thiêng Liêng dìu dắt trên đường tu nữa. Vì vậy chữ **trường công đức** ở trong câu Thánh giáo, chúng ta phải hiểu là môi trường trong cửa Đạo, từ việc nhập môn đến việc gìn giữ giới cấm, giáo điều, học và hành theo Thánh ngôn, Thánh giáo...

Nói tóm lại là ngoài việc lập công quả chúng ta còn hành Đạo, đúng theo **luật pháp, thế pháp và bí pháp** của Đạo giáo mới mong đắc quả hay giải thoát. Đó là **trường công đức** mà Thầy đã mở rộng cửa cho tất cả hàng nguyên nhân, hóa nhân, hay quý nhân để vào mà lập vị cho mình.

Vậy trường công đức phải chẳng thể hiện nơi cửa Đạo, nơi ngôi nhà chung thờ Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, nơi mà các con cái Đức CHÍ-TÔN, anh chị em quây quần, dìu dẫn nhau trên

đường tu học cũng như tạo môi trường cùng lập công bồi đức hầu mai sau trở về ngôi xưa vị cũ.

Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại ở hải ngoại, việc hành Đạo không được sự hướng dẫn của Hội Thánh, giáo quyền mỗi địa phương đều do nhơn sanh công cử mà lập nên. Do vậy vai trò của Chức sắc, Chức việc trong việc điều hành tổ chức Đạo rất khó khăn, tế nhị. Khó khăn vì con cái Đức CHỈ-TÔN quy tụ từ nhiều nơi khác nhau, đã quen cách hành Đạo, thực hiện nghi lễ cúng kiếng có khác nhau đôi chút, mà đôi khi đi đến chỗ bất đồng, chia rẽ đáng tiếc. Cho nên người Chức sắc, Chức việc phải hết sức uyển chuyển tế nhị. Một mặt phải dung hòa tâm lý, lấy tinh thần dân chủ mà hành Đạo, một mặt phải thật sáng suốt để không thực hành sai lạc chơn truyền của Đạo. Điều cần nhất là phải tạo được tinh thần hòa hiệp, khuyến khích việc học hỏi giáo lý trau dồi đạo đức...

Việc lập công quả tùy theo khả năng và phương tiện sẵn có của ta, người khá giả thì công quả vật chất, tiền bạc; người có thì giờ thì góp công sức.....Miễn là chúng ta có ý thức muốn lập công thì không thiếu gì việc để làm. Ngoài ra, chúng ta chẳng nên nệ hà phải việc lớn, hay sang trọng mới làm, chẳng hạn việc quét dọn nơi thờ phượng, nhỏ cỏ, tưới hoa.....miễn sao giúp ích cho môi trường sinh hoạt Đạo.

Cái nguyên tắc của sự giải thoát là làm sao để trả nợ cũ cho xong, và đồng thời đừng vay nợ mới nữa hoặc vô tình hay cố ý gây thêm tội, tức là tạo nhân xấu nữa. Thường thì chúng ta dễ gây nên tội qua lời nói, đây là một khía cạnh tiêu cực của việc lập ngôn. Có rất nhiều lời Thánh giáo dạy về khía cạnh này, thí dụ như các câu sau:

● *Nho-nhã con tua tập tánh tình,*

Dưới đời dưng tưởng một mình lanh.

Một câu thất-đức thiên niên đọa,

Nhiều nỗi trầm-luân bởi ngôn ngành. (trg 97)

Thường là khi say sưa hay lúc nóng giận ta không kiểm soát được lời nói, mà một lời nói ác đầu chưa làm cũng vẫn chịu tội hình đồng thể. Một lời nói ác có thể bị đọa lạc cả ngàn năm: thật là một hình phạt rất nặng nề. Cho nên trong phần bất vọng ngữ Đức CHÍ-TÔN đã dạy chúng ta phải cẩn ngôn cẩn hạnh thà là làm tội thì phải bị hình phạt đã đành, đừng nầy chỉ nói suông thôi cũng phải chịu tội hình đồng thể.....

Tốt hơn hết là chúng ta nên ít nói hay chỉ nói những gì cần thiết, bởi vì nói nhiều thì càng sai nhiều. Vì vậy nên Cổ nhân có câu như:

- Vô đa ngôn, đa ngôn đa bại...

- Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy.

Một lời nói ra muốn lấy lại quả thật rất khó. Theo Đức Hộ-Pháp thuyết giảng thì một lời nói ra cần phải có các yếu tố: để thương, chân chánh và hữu ích.

Ít nói còn là cách tồn dưỡng khí, như trong Đạo học có dạy: *ít sắc dục để dưỡng Tinh, ít ngôn ngữ để dưỡng Khí, ít tư lự để dưỡng Thần.* Tinh Khí Thần có đầy đủ mới có thể tạo được đệ nhị xác thân.

Một đoạn Thánh thi khác:

● *Nhiều nhân-quả trước phải đền nay,*

Chẳng gỡ cho kham cứ nhắc hoài.

Một tiếng than-van thân cực-nhọc,

Một oan chẳng chịu muốn gầy hai. (trg 232)

Một khi chúng ta bị nghiệp quả nặng nề, nay phải trả, nhưng khi khổ não thể xác tinh thần, chúng ta than van cũng bị tội thêm nữa, thay vì trả có một phải trả gấp đôi...

Chúng ta biết luật công bình Thiêng liêng thật là tuyệt đối, việc than thân trách phận ở thế gian không phải là tội lỗi gì cho lắm nhưng luật Thiêng liêng lại khác. Cho nên là người tu chúng ta phải có cái nhìn thấu suốt về luật nhân quả, mỗi việc chi xảy

đến cho ta đều có căn nguyên của nó...Có hiểu như vậy chúng ta mới ấn nhẫn chịu đựng mọi nỗi bất hạnh trong đời, và điều cần là tránh gây nên nhân xấu nữa...

Một bài Thánh thi khác:

● *Họa phước vô môn chỉ tại người,*

Thình mời rồi đổ bởi nơi Trời.

Huệ ân muốn hưởng nơi đường Đạo,

Hối cải tu thân phải giữ lời. (trg 233)

Có nhiều khi gặp tai ương hoạn nạn, ta thường nguyện cùng chư Thần Thánh giúp đỡ qua cơn khó ta sẽ nguyện làm điều thiện nào đó để đáp đền, nhưng rồi sau đó ta lại quên...

Việc giữ lời hứa theo người xưa rất quan trọng, tức là chữ Tín một trong năm điều của Ngũ thường : Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín...Có câu rằng *Nhân vô tín bất lập*

Đối với người thế gian chữ Tín còn quan trọng như vậy nên đối với chư Thần Thánh Tiên Phật thất tín là một tội lỗi nặng vậy.



2. Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ vào Đạo thì phải phé hết nhưn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhân mà ẩn thân luyện Đạo. Thầy nói cho các con biết: nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng dâu mà mong.

Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm

âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. (TNHT, Q1, trg 81)

Qua câu Thánh giáo này Thầy nhắc lại sự quan trọng của Công quả trên đường đoạt Đạo, ngoài ra người tu còn phải chu toàn phần nơn sự tức là các bổn phận trong gia đình.

Đạo Cao Đài là một trường học có năm lớp : Nơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật, ai đạt được trình độ nào sẽ vào lớp học đó. Nơn Đạo là cái lớp đầu tiên, căn bản nhất, rồi mới lần lần lên các lớp cao hơn. Người xưa đã có câu rằng: Nơn Đạo chưa thành thì Thiên Đạo còn xa.

Vả lại ngày xưa con người muốn tầm Đạo thì phải khó khăn lắm, phải vào nơi hang sâu núi thẳm mới tìm gặp chơn sư mà học Đạo. Còn ngày nay thì Đức CHÍ-TÔN đem Đạo đến tận ngõ hẻm hang cùng cho con cái Ngài tu hành để trở về ngôi xưa vị cũ. Thật là một ân huệ quá lớn lao cho con người hiện tại, nhưng ân huệ như vậy mà còn nhiều người không biết hưởng vẫn cứ mãi mê trên đường thế tục, để rồi khi nhắm mắt thì cũng trở về với hai tay không, để rồi lại chuyển kiếp lặn hụp trong biển trầm luân.....

Đức Hộ-Pháp có nói một câu rất chí lý : **Xưa kia con người đi tìm Đạo, còn hôm nay trái lại Đạo lại đến tìm người** ¹, chúng ta thấy các Thánh Thất Cao Đài đều mọc lên ở nơi nơn sanh đông đúc chớ không hề ẩn mình trên non cao núi thẳm...Đạo Pháp trường lưu, Đại Đạo hòa nhập vào dòng luân chuyển của thế sự nơn quần...

Đoạn Thánh giáo trên còn nói lên **một cuộc cách mạng tư tưởng về phương diện tu hành**. Thật vậy, xưa nay người ta vẫn quan niệm rằng, muốn cho đạt vị Thần Thánh Tiên Phật thì phải tu, mà hễ tu thì phải phứt hết nơn sự chẳng còn lo việc đời, việc gia đình nữa mà tìm chỗ u nhàn để lo kệ kinh, luyện Đạo nhập định tham thiền, mới mong đắc thành chánh quả.....

Nhưng hôm nay Đức Chí Tôn lại dạy khác: muốn cho đắc quả phải làm tròn Nơn Đạo trước và phải lo phổ độ nơn sanh

để người người hiểu Đạo, vào Đạo, hành Đạo như mình... Phải lo lập công, lập ngôn, lập đức...chớ Thầy không dạy phải ẩn thân luyện Đạo.

Thật ra khi được đặc phong làm Chức sắc thì cũng phải phế đời hành Đạo vậy, nhưng phế việc đời để dẫn thân trên con đường phổ độ, truyền Đạo, giáo hóa nhưn sanh, tức là lập công bồi đức chớ không phải yếm thế lánh đời, tìm nơi an nhàn cho riêng mình. Còn việc tịnh luyện cũng có nhưng đây chỉ là giai đoạn sau rốt hay là khi đã làm xong về Nhưn Đạo và Công Quả mà thôi...

Giờ chúng ta thử phân tích các ý tưởng chi tiết hơn:

Đoạn Thánh giáo trên chia ra làm hai phần: phần đầu nói lên các ý niệm mới nghe qua có vẻ tương phản nhau nhưng suy ngẫm lại thì đó là hai đoạn tiếp nối nhau trên bước đường phấn bốn hườn nguyên, hay trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống...Đó là các ý niệm: Lập công quả và Tịnh luyện, Nhưn Đạo và Thiên Đạo.

● Công quả và tịnh luyện:

Qua đoạn Thánh giáo trên Thầy dạy: nếu công quả chưa đủ dầu chúng ta có luyện Đạo cũng không thành đặng, tức là nếu muốn luyện Đạo phải đợi coi công quả ta có đủ chưa mới bắt đầu tập luyện. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì mục đích việc luyện Đạo là đi tìm sự giải thoát ngay trong kiếp sanh, mà muốn giải thoát khỏi những ràng buộc luân hồi thì phải trả sạch nợ cái đã. Muốn trả sạch nợ thì phải làm công quả, âm chất cho nhiều, vì chúng ta không biết mình còn thiếu bao nhiêu nợ...Nếu trả xong mà còn dư càng tốt.

Nhưng làm sao chúng ta biết mình có đủ công quả hay chưa ? Điều này đã được Đức Hộ-Pháp thuyết giảng nhân kỳ Đức Ngài nhập tịnh ba tháng nơi Trí Huệ Cung (vào tháng giêng năm Tân Mão, 1951) . Khi đó có một số vị chức sắc xin được tháp tùng nhập tịnh với Ngài. Đức Hộ-Pháp đưa ra tiêu chuẩn để được nhập tịnh là phải đủ Tam Lập là lập đức, lập công và lập ngôn. Làm sao biết một người đã đủ Tam Lập ? Đức Ngài tuyển chọn

bằng cách trục xuất chơn thần của họ cho hội diện cùng quyền năng Thiên Liêng, và các Đấng Thiên Liêng sẽ cho biết người đó có đủ Tam Lập hay chưa.

Như vậy việc tịnh luyện cần phải có vị chơn sư hướng dẫn ngay từ đầu mới mong khởi đầu sơ thất.

Trong Tân Luật có quy định một chương nói về Tịnh thất, và ba trung tâm được dự trù cho việc tịnh luyện đó là: Trí Huệ cung (Thiên Hỉ Động), Trí Giác cung (Địa Linh Động) và Vạn Pháp cung (Nhơn Hòa Động), như vậy Tòa Thánh Tây Ninh không phải chủ trương ngăn cấm việc tịnh luyện, nhưng vì nhơn sanh còn trong thời kỳ đang nỗ lực Lập công quả, nên các trung tâm này chưa hoạt động theo đúng chức năng của nó.

• Nhơn Đạo và Thiên Đạo:

Nhơn Đạo chủ trương về Nhơn Đạo, trai phải giữ Tam canh, Ngũ thường; gái thì phải giữ Tam tòng, Tứ đức. Đạo làm người phải làm tròn bốn phận đối với bản thân, gia đình, quốc gia, xã hội...tức là Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.....Nhưng nói tóm gọn lại, căn bản của Nhơn Đạo là Đạo Nhơn luân nhắm vào bản thân và gia đình trước nhất. Bản thân thì phải giữ sao không sa đọa vào vòng truy lạc bê tha, học theo đức tánh người quân tử ...Trong gia đình phải làm tròn bốn phận đối với ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cái...

Thử hỏi một người mà còn cha mẹ già không ai nuôi dưỡng, con cái nheo nhóc, đói rách, thì làm sao bỏ phế mà đi tu được. Nếu đi tu cũng không thành được vì còn món nợ nhơn luân chưa trả xong. Cho nên từ ngàn xưa đã có câu Thánh hiền dạy: Nhơn Đạo bất thành, Thiên Đạo viễn hĩ....

Vì vậy lời dạy của Đức CHỈ-TÔN rất phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nhất là môi trường xã hội rất phức tạp và có nhiều ràng buộc như hiện nay.

Có điều lạ là xã hội càng văn minh, máy móc càng nhiều đáng lẽ làm cho con người càng nhân hạ hơn vì máy móc sản xuất gấp trăm ngàn lần sức con người...nhưng thực tế trái ngược lại là người ta càng phải làm việc quần quật hơn, ít thì giờ rỗi

rảnh hơn. Ngoài ra chủ nghĩa vật chất, khoái lạc càng làm cho con người quay cuồng hơn nữa, suốt tuần năm ngày làm việc vất vả, rồi cuối tuần lại lao vào các cuộc ăn chơi, khoái lạc xác thân...

Trong môi trường xã hội như vậy, nếu Đạo là cái gì cao xa, siêu việt thì có lẽ không còn ai nghĩ tới nữa... Có lẽ chính vì vậy nên Đức CHÍ-TÔN không bắt chúng ta phải làm những gì khó khăn, khổ sở mà Thầy chỉ dạy phải làm công quả mà thôi.

“Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao”.

Phổ độ chúng sanh là gì ? Là làm cho càng có nhiều người hiểu Đạo, hoặc tạo phương tiện cho con cái Đức CHÍ-TÔN thuận lợi cho việc tu hành, tức là giúp người nên Đạo, hay độ người nhập môn vào Đạo... Đây là một hình thức của việc lập công quả, tạo âm chất.

Chúng ta tùy theo khả năng và phương tiện mà làm công quả: thí dụ như ngày nghỉ cuối tuần thay vì đi ăn nhậu say sưa, ta có thể thăm viếng bạn bè, hoặc gọi điện thoại thăm hỏi rồi nhân đó mời họ tới Thánh Thất để cúng kiến rồi từ từ độ người vào Đạo...

Nếu có khả năng vẽ viết lách thì có thể soạn thảo giáo lý, bài vở khuyến tu, làm cho người hiểu Đạo... Hoặc đánh máy, in kinh sách, chung góp tiền bạc ấn hành phổ biến kinh sách Thánh ngôn...

Phô bày hình thức nghi lễ của Đạo để người ngoài hiểu biết, khi gặp gia đình có tang chế dẫu người không Đạo yêu cầu giúp tụng kinh, cầu nguyện, chúng ta sốt sắng thành tâm mà giúp đỡ, không vụ lợi.....

Nói tóm lại, mọi trường hợp tiếp xúc ngoài đời chúng ta đều có thể giới thiệu Đạo Trời để người ngoài hiểu được cũng là điều lập công bồi đức... Mà theo lời Thánh giáo trên Thầy dạy

rằng: chỉ cần rán lo phổ độ chúng sanh thôi cũng có thể đạt đến địa vị tối cao nữa.

Trong Bát phẩm chơn hồn , Phật là cao nhất, vậy địa vị tối cao chắc hẳn là Phật vị. Vào những thời kỳ trước đây muốn tu hành đạt được Phật vị thật không phải dễ. Chúng ta biết được một trường hợp là Đức Quan Thánh Đế Quân , Ngài đã đắc Thánh vị vào Thời Tam Quốc bên Trung Hoa cách nay khoảng 1800 năm , theo lời thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp thì từ ấy đến nay Ngài chỉ dùng huyền diệu để độ rỗi nhơn sanh (chớ không tái kiếp) và cho đến bây giờ Ngài đã đạt được vị Cáo Thiên Cổ Phật.

Thường xưa nay những người đạt được Phật vị đều phải trải qua một cuộc đời tu hành khổ hạnh, mới có thể giải thoát kiếp trần ai. Nhưng trường hợp Đức Quan Thánh Đế Quân có khác, trong kiếp sanh ngài là một võ tướng, từng giết không biết bao nhiêu mạng sanh nơi sa trường, nhưng nhờ lòng trung cang, nghĩa khí, nhờ chí khí anh hùng , ngài đã đắc Thánh vị. Rồi sau đó tuy không đầu kiếp tu hành nhưng nhờ chí khí anh hùng, đức độ của Ngài quá lớn (bất sát hạ mã chi nhơn) nên còn phát triển thêm ở cõi Thánh, cộng với công quả độ đời Ngài lập thêm bằng huyền năng cứu độ sanh linh, nên Ngài đã cao thăng lên Phật vị.

Theo quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và Ngài Phan Trường Mạnh nơi phần Nhơn hồn sau khi giải thể:

“Nên biết rằng ở cõi Thánh, chẳng một việc gì là phát đoạn (khởi đầu). Những công việc ở đây toàn là tiếp tục. Nói một cách dễ hiểu là: một hạnh phước không thể bắt đầu tạo ra ở cõi này . Nó phải phát đoạn từ cõi phàm, rồi đến đây mới tiếp tục mà phát triển thêm”. Đoạn này đã giải thích tại sao Đức Quan Thánh không cần ăn chay, khổ hạnh tu hành mà đạt đến Phật vị được.

Còn ngày nay Đức CHÍ-TÔN cũng dạy: *chỉ cần lập công quả phổ độ nhơn sanh cũng có thể đạt đến địa vị tối cao.....*thì chúng ta hiểu như thế nào ?

Thật ra tu theo Đạo Cao Đài (Tòa Thánh Tây Ninh) ít nhất là cho đến nay, tuy không tịnh luyện, nhập định tham thiền gì cả nhưng chúng ta nên biết rằng Đức CHÍ-TÔN đã để các bí pháp đoạt Đạo ngay trong các nghi thức cúng kiếng (từ thời tụng niệm), đàn lễ (dâng Tam bửu, Hoán đàn) , các lễ nghi truyền thống (Hội Yến Diêu Trì), rồi các phép bí tích (phép giải oan , Tắm Thánh...) Nhất là các kinh Độ rỗi vong linh (cắt dây oan nghiệt...) . Do đó chúng ta có thể nói ***Đạo Cao Đài tu theo Thể pháp và Bí pháp một lượt***, hay nói cách khác Bí Pháp lồng trong Thể Pháp . Cho nên chúng ta chỉ cần thực hành cách đúng đắn các sinh hoạt Đạo thường nhật cộng với lập công bồi đức cũng có thể đoạt Đạo rồi. Vì có thực hành bí pháp trong đó nên Đức CHÍ-TÔN nói có thể đoạt đến địa vị tối cao nữa thiết tưởng cũng không phải là điều lạ.

Để hiểu rõ hơn một số bí pháp của Đạo chúng ta không gì hay hơn là nghe Đức Hộ-Pháp thuyết giảng về các bí pháp này vì Đức Ngài chính là người nắm các bí pháp :

● Về Tứ Thời Tụng Niệm:

Trong quyển Lời Phê của Đức Hộ-Pháp : Vị Chí Thiện Lê Văn Trương làm đơn xin nghỉ cúng thời Tý vì già cả bệnh hoạn. Đức Hộ Pháp có bút phê rằng:

“Hễ càng già lại càng cúng nhiều dặng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức CHÍ-TÔN định, ấy là Bí mật Giải thoát của Chí Tôn để nơi cơ Tận Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt người lại càng hay.

Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí Pháp này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hễ nghe thời cúng là ngồi dậy dâng Tam bửu cho Chí Tôn”.

Vào thời kỳ 1947-1955, có giai đoạn Đức Hộ-Pháp buộc chức sắc ở gần Tòa Thánh mỗi đêm phải đi cúng vào thời Tý tại Đền Thánh, và Ngài cũng gia công thuyết Đạo trong thời gian này...Đoạn trên Đức Hộ-Pháp đã nói rõ: Sự cúng kiếng tức là cả cúng Đàn và Tứ Thời tụng niệm là Bí mật Giải thoát, tức là Bí

pháp của Đức CHÍ-TÔN để nơi cơ tận độ, và Đức Ngài dạy phải tuyên truyền cho con cái Đức CHÍ-TÔN thấu đáo nghĩa lý Bí pháp này, nhưng thử hỏi từ đó đến nay có được bao nhiêu người đã ý thức được tầm quan trọng của việc cúng kiếng.....

• Ở một bài Thuyết Đạo khác vào ngày 1 tháng 11 năm Mậu Tý (1948) Đức Hộ-Pháp giảng giải thêm việc cúng kiếng là **“Món ăn của Linh Hồn”** như sau:

“.....Bây giờ tới linh-hồn cũng phải có vật-thực cho nó chớ. Vật-thực là cả triết-lý cao-siêu tồn-tại đấy. Đệ-nhi xác-thân gọi là khí, Chí-Tôn gọi là chơn-thần, nó làm trung gian cho xác và hồn, hễ lương năng thì nó bảo-thủ xác-thịt thể-hình, còn lương-tri nó tìm vật-thực nuôi linh-hồn. Ta nuôi linh-hồn bằng gì ? Vật thực nuôi sống xác-thịt, còn linh-hồn sống đặng là nhờ đạo-đức tinh-thần đó vậy. Ta tu tức là ta tìm phương bảo-trọng cho tồn-tại đạo-đức tinh-thần đặng nuôi linh-hồn hầu đạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật diu-dẫn bảo trọng lấy nó để có đủ lực-lượng quyền năng giông-ruổi trên con đường Thiêng-Liêng hằng sống.

Đạo-đức tìm nơi đâu mà có đặng ? Tức nhiên tìm nơi cửa Thiêng-Liêng hằng sống mới có, mà tìm nơi cửa Thiêng-Liêng tức là cửa đạo, *buổi ăn của linh-hồn là buổi ta vô Đền-thờ cúng đấy*. Ta không thấy mùi của nó tức chưa hưởng được, tưởng vô Đền-thờ là bị luật buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho linh-hồn ăn vậy, Bần-Đạo tưởng thấy trong trí cần phải buộc cả thầy đi cúng, vì trong thâm-tâm Bần-Đạo định cho mấy người chưa biết mùi của nó, cũng như kẻ nhà quê, đưa cho gói bánh nói thứ ăn chẳng đặng, rồi khi đã biết mùi rồi bán cả áo, cả quần mà mua ăn.

Giờ phút này phái Nữ chưa biết mùi ngon của món ăn cho linh-hồn. Ngày giờ nào cả thầy biết mùi của nó, ngày giờ ấy có đến ít nữa với những kẻ biết hoặc đói khát dữ tợn kia mới biết ăn ngon. Phàm đói cho lung ăn mới ngon. Nhưng coi chừng Bần-Đạo khuyên một điều, đừng để quá đói mà chết đa. *Hại thay vật ăn của linh-hồn có quyền năng Thiêng-Liêng vô tận, giúp ta giải bày cái ác như là cởi áo, chớ không phải mặc*

chật như dính vào da, rồi ngày giờ thoát xác, tinh-thần thể quyền Thiêng-Liêng lột từ miếng đau-đớn linh-hồn chẳng biết bao nhiêu, chừng đó có ăn năn rồi biết sợ.

Không có một điều gì mà Chí-Tôn định trong chơn giáo của Ngài, dầu Bí-pháp, dầu Thể-pháp mà vô ích đâu. Đấng ấy là Đấng tưng-tiu, yêu-ái con cái của Ngài lắm, thẳng có điều không cần ích mà con của Ngài nói rằng không muốn, Ngài cũng bỏ nữa đa. Từ ngày Khai Đạo, Kinh-kệ, lễ-bái, sự chi sắp đặt về đạo-đức cũng chính Chí-Tôn tạo thành, không phải do các Đấng khác. Ngài buộc mình làm, tức có cần yếu, hữu ích chi chi đó, Ngài mới buộc. Vì cơ nên, thời giờ nầy, thấy Bần-Đạo bó-buộc nghiêm-khắc có lẽ những kẻ biếng-nhác cũng phàn nàn lén-lút. Ngày cuối cùng các bạn gặp mặt Bần-Đạo nơi Thiêng-Liêng Bần-Đạo sẽ hỏi các bạn coi khi còn ở thế Bần-Đạo buộc cả thấy đi cũng là có tội hay có công. Công hay tội ngày giờ ấy Bần-Đạo hỏi rồi chúng ta sẽ có một tấn-tuồng tâm-ly ngộ-nghĩnh với nhau vô cùng tận, chừng đó mới biết lẽ nên hư.

Ngày nay, giờ phút nầy, Bần-Đạo đứng lại giảng-dài nầy để lời khuyên như: *còn biếng nhác quá ! Xác thịt đã hư rồi đến linh-hồn, phải coi chừng cho lắm, kẻo ngày kia ăn-năn quá muộn”.*

● Trong thời cúng có phần trọng yếu là **dâng Tam bửu**, phần nầy cũng hàm chứa bí pháp qua lời thuyết giảng của Đức Hộ-Pháp như sau:

“Chúng ta thấy gì ? Mỗi ngày ta kêu Đức-Chí-Tôn làm chứng, kêu Tam-Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thầy dựng Thầy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn-linh. Hễ dâng rồi còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo nữa; nếu có tạo mà giờ phút này mình đến Đền-Thánh này đây, ngồi trong lòng của Đức-Chí-Tôn đứng trong phần tử Thánh-Thể của Ngài tình cờ mình bị quả kiếp gì xảy đến, mình không biết, vì thân thể mình

không biết duy chủ nữa mà chính Đức-Chí-Tôn duy chủ, vì mình giao cả thân-thể mình nơi tay Đức-Chí-Tôn thì mình không còn biết gì nữa.

Ngày kia mình có thể nói mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại-Từ-Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho Ngài xử dụng, nếu sự thật có gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức-Chí-Tôn đặng Đức-Chí-Tôn phụng sự cho vạn linh. Quyền xử dụng ấy do Đức-Chí-Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của Ngài định.

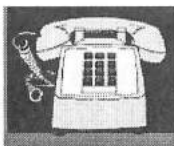
Ấy vậy, mỗi ngày từ mơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya tới sáng, mình vô Đền-Thánh kêu Đức-Chí-Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng-liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức-Chí-Tôn làm tôi tớ cho Vạn-Linh thay thế cho Đức-Chí-Tôn, giờ phút đó chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm dẫu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt không thể gì định tội được. *Đức-Chí-Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta; mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát*, (trích Bí Pháp ĐHP thuyết ngày 8/6/năm Kỷ Sửu, 1948).

• Quang Thông

(8-2003)

Ghi Chú¹

Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ-Pháp Rằm tháng 8 năm Nhâm Thìn (1952)



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Quản Nhiệm Bắc California, Ban Quản Nhiệm Nam California và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại:

1- Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone & Fax: (408) 238-6547

E- mail: dutani@juno.com

3- HT. Nguyễn Văn Cầu, Phone: (408) 262-4209

Fax: (408) 262-2948, E-mail: caunguyencd@yahoo.com

4- HT. Mai Văn Tim, Phone: (425) 265-1095

E-mail: TIMMAI@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- Tập San Thế Đạo :3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA.
95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

Trần Đức Nhuận, Phone: (408) 929-5167

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần Văn Tánh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Thọ, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,
Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 598-0629

Fax: (416) 780-1829

III- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

- 1- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Texas:
HT. Lâm Hoàng Minh, Phone: (281) 575- 0277
- 2- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông và Đông Nam Hoa Kỳ:
HT. Nguyễn Thừa Long, Phone: (504) 831-3152 .
- 3- **Ban Đại Diện** Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Washington:
HT. Mai Văn Tim, Phone: (425) 265-1095
- 4- **Ban Đại Diện** Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu:
HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

- 1- Địa chỉ: 932 Deer Meadow Ct , San Jose, CA. 95122
- 2- HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 924-0763
E- mail: tn_ndk@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Nam California:

- 1- Địa chỉ: 8791 Orangewood Ave., Garden Grove, CA. 92841, Phone & Fax: (714) 636-6622
- 2- HT. Bùi Văn Nho, Phone: (909) 687-3010,
Fax: (909) 687-3010.

VI- Yểm trợ tài chánh:

Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

Chi phiếu hoặc Money Order xin gửi về:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716

Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo:



Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công sức và giáo lý hướng dẫn nhơn sanh trở về nguồn cội Đạo, tô điểm cho nền Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Nội Luật Ban Thế-Đạo

DANH SÁCH đồng đạo/ Thân Hữu
Cơ-sở yểm trợ Tập-San Thế Đạo
(từ ngày 21-07-2003 đến ngày 21-10-2003)

<u>STT</u>	<u>Đồng đạo/ Thân Hữu/ Cơ-Sở</u>	<u>USD</u>
1	G/đ HT Nguyễn Đăng Khích, San Jose, CA	60.00
2	Nguyễn Tấn Độ, San Francisco, CA	30.00
3	HT Trần Quang Nghị, Fort Smith. AR	60.00
4	CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stone Mtn, GA	60.00
5	Lê Ngọc Huệ, San Diego, CA	50.00
6	PTS Trần Long Thuấn, Stone Mtn, GA	20.00
7	Lê Hữu Phước, Ontario, Canada	69.58
8	Thái Thành Cường, Houston , TX	50.00
9	Hồ Văn Anh, Fountain Valley, CA	120.00
10	Nguyễn Hộ & Bùi Thị Bạch Mai, Holt, MI	50.00
11	HT Mai Văn Tim, Everett, WA	20.00
12	Thánh Thất Seattle, WA	50.00
13	Phạm Thị Minh, DDS, San Jose, CA	50.00
14	HTDP Huỳnh Long Vân & HTDP Phan T.Thu Hồ, Fountain Valley, CA	300.00
15	Thomas Tiền Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
16	Trương Văn Thi, Seattle, WA	20.00
17	Nguyễn Văn Hải, Garden Grove, CA	50.00
18	Trần Văn Bên, Westminster, CA	10.00
19	Bà Đặng Ngọc Thượng, Garden Grove, CA	20.00
20	Đặng Hoàng Dũng. NSW, Australia	32.57
21	Nguyễn Văn Trường. San Jose, CA	50.00
22	Đặng Văn Tiên, Ventura, CA	20.00
23	Phạm Thị Bạch, Morrow, GA	20.00
24	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
25	Hồ Văn Dân, Garden Grove, CA	10.00
26	HT Phạm Văn Cờ, Santa Ana, CA	20.00
27	CTS Lê Thị Anh Tuyết, Garden Grove, CA	20.00
28	Hồ Văn Nhơn, Garden Grove, CA	20.00

29	Nguyễn Thị Hiệp, Coppell, TX	40.00
30	PTS Đỗ Danh Dự, San Jpse, CA	20.00
31	HTDP Lý Trường Thọ, Houston, TX	50.00
32	Mai Văn Đức, Cabramatta, NSW , Australia	32.35
33	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	20.00
34	Huỳnh Văn Mười, Bradenton,Fl	50.00
35	Lưu Quốc Minh, Holliday, Fl	20.00
36	Dương Thế Cuộc, Morrow, GA	20.00
37	Ẩn Danh, San Jose, CA	10.00
38	HTDP Ngô Văn Tú&HTDP Trần N. Thảo, Bellevue, WA	40.00
39	Đỗ Văn Kiên, Morrow, GA	20.00
40	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	20.00
41	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	20.00
42	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
43	Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NY	20.00
44	Xuân Thanh, NSW, Australia	31.31
45	Trần Đức Nhuận, San Jose, CA	10.00
46	Ts Nguyễn Phong Phú, Calgary, Canada	40.00
47	Đặng Thị Cư, San Diego, CA	10.00
48	Ts Nguyễn Thị Khánh, Westchester, OH	100.00
49	Ts Lê Sáng Huệ, St Louis, MO	50.00
50	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	20.00
51	HTDP Trần Công Bé, Forth Worth, TX	20.00
52	HT Lê Thành Hưng, Carrollton, TX	50.00
53	Trần Thị An, Sacramento, CA	20.00
54	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
55	HT Nguyễn Hồng Sơn, Elk Grove, CA	20.00
56	Nguyễn Văn Hai, Dược Sĩ, Toronto, Ont, Canada	100.00
57	HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	10.00
58	Trần Văn Đất, Santa Ana, CA	50.00
59	Huỳnh Thị Kim Tiếng, Raleigh, NC	20.00
60	Nguyễn Minh Đức, Milpitas, CA	10.00
61	HT Nguyễn Tấn Phước, Alberta, Canada	90.00
60	Thánh Thất Đường Nhơn Seattle, WA	50.00

61	Trần Thị Lương, San Jose, CA	20.00
62	Trần Văn Hoàn, Marietta, GA	20.00
63	Lưu Hữu Hạnh, San Jose, CA	15.00
64	HT Trần Kim Phụng, Everett, MA	50.00
65	T&N Dental Care, Inc Nguyễn H. Tường, DDS & Tô M. Huệ, DDS	
	125 N. Jackson Ave, Suite 104, San Jose, CA 95116	200.00
66	Sandy Dental P.C Trần Minh Khiết, DDS	
	1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116	200.00
	<u>Tổng cộng:</u>	<u>2950.81</u>

Tổng cộng danh sách này là Hai ngàn chín trăm năm mươi đồng tám mươi một xu (2950.81 USD)


San Jose, ngày 21-10-2003
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại

Trân trọng giới thiệu đồng đạo và thân hữu về vấn đề mua bán nhà đất, vay mượn nợ, xin liên lạc Chương Thái theo địa-chỉ sau:

Century 21

All Stars

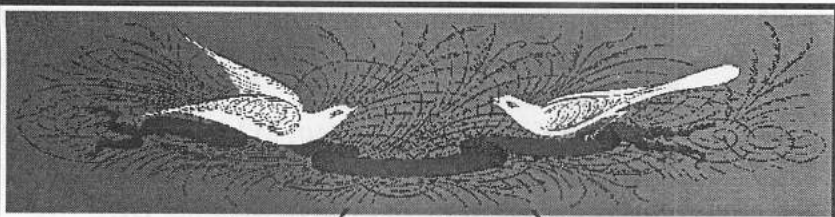
8682 Beach Blvd., Suite 200
Buena Park, California 90620
Business (714) 226-9696
Fax (714) 226-9595
Cell (714) 863-5696
E-Mail thai-chuong@yahoo.com
Web Site www.c21allstarhomes.com

Each Office Is Independently Owned And Operated 

Chuong Thai
Sales Associate



MLS



CHUC MUNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh Hiền Tỷ Thông Sự Nguyễn Văn Bé ngụ tại San Jose, California, báo tin lễ Vu Quy của ái nữ là :

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trưởng Nữ

sánh duyên cùng con của Ông Bà Lê Văn Quyết ngụ tại Đà Nẵng, Việt-Nam là:

Lê Văn Hoàng

Trưởng Nam

Hôn lễ được cử hành vào ngày Chủ Nhật 07 tháng 09 năm 2003 (nhằm ngày 11 tháng 08 năm Quý Mùi) tại San Jose, California.

Xin thành thật chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

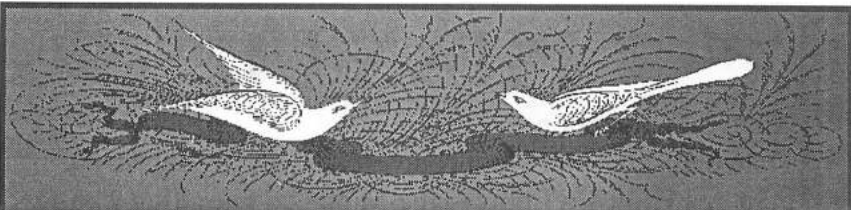
TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

**Ban Thế-Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế-Đạo
Ban Thế-Đạo Bắc California.**

Tộc Đạo Santa Clara

Chức Việc, Bàn Trị-Sự Thánh Thất San Jose

Điện Thờ Phật Mẫu San Jose



Chúc Mừng

Được tin của Hiền Huynh và Hiền Tỷ Tô Bích Cẩm
(Giáo Hữu Thái Cẩm Thanh) ngụ tại Renton bang Washington
làm lễ Vu Quy cho con là:

Tô Thị Ngọc Diệp

Út Nữ

đẹp duyên cùng con của Ông Bà Nguyễn Long Vân, ngụ tại
Auburn, bang Washington, là:

Nguyễn Long Cung

Trưởng Nam

Hôn lễ được cử hành vào lúc 10 giờ 30 sáng ngày Thứ Bảy 09
tháng 08 năm 2003 (nhằm ngày 12 tháng 07 năm Quý Mùi)
tại tư gia.

Xin thành thật chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu
Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

* Chư Đồng Đạo Thánh Thất Seattle, Washington.

* Ban Thế-Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế-Đạo

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thân mẫu của Hiền Muội Nguyễn Thị Nguyệt Ánh và là Nhạc mẫu của Hiền Tài Lâm Hoàng Minh Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Texas là:

Bà

NGUYỄN THỊ CHÀO

Đã qui vị vào ngày 16-10-2003 (nhằm ngày 21-09 năm Quý Mùi) tại Long An, Việt-Nam

Hưởng thọ 85 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Hiền Tài Lâm Hoàng Minh cùng phu nhân là Nguyễn Thị Nguyệt Ánh cùng tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi linh hồn Bà Nguyễn Thị Chào được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| -HT Nguyễn Văn Diệu | HT Trịnh Quốc Thế |
| -HT Nguyễn Ngọc Nương | HT Nguyễn Hoàng Chung |
| -HT Lâm San Hà | HT Ngô Văn Vội. |
| -HT Đoàn Thanh Vân | HT Nguyễn Văn Điện. |
| -HT Lê Thành Hưng. | HT Châu Văn Hai |
| -HT Phan Văn Rắc (LA) | HT Võ Ngọc Sương. |
| -HT Lê Thị Huệ Hường. | HT Nguyễn Thừa Long (LA) |
| -HT Đặng Quang Tâm | HT Lê Ngọc Biết |
| -HTDP Trần Văn Điều | HTDP Trần Công Bé |
| -HTDP Võ Ngọc Diệp | HTDP Lý Trường Thọ |
| -HTDP Trần Ngọc Trang | HTDP Nguyễn Sơn |

Niên Trưởng Văn Thành Cao

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế-Đạo

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

Hiền Huynh của Hiền Tài Phan Văn Rắc ngụ tại Marrero ,
Louisiana là:

PHAN VĂN RAI

Đã qui vị ngày 02-10-2003 (nhằm ngày 07 tháng 09 năm
Quý Mùi) tại Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh.

Hưởng thọ 65 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Hiền Tài
Phan Văn Rắc và tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các
Đấng Thiêng Liêng cứu độ hương hồn Phan Văn Rai được
sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành tâm phân ưu.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế-Đạo

Lễ Sanh Hương Muội, Dallas, Texas

CTS Thái Hữu Nghĩa, Marrero, Louisiana.

CTS Dương Thanh Liêm, Seattle, Washington.

Nguyễn Thành Cứ và Nguyễn Thị Quyên, Pearland, Texas

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

Thân Mẫu Chị Phạm Thị Liên và là Nhạc Mẫu Anh Nguyễn Văn Hải là:

Cụ Bà

NGUYỄN THỊ CHUA

Đã qui vị ngày 14-09-2003 (nhằm ngày 18 tháng 08 năm Quý Mùi) tại Sài Gòn, Việt-Nam.

Hưởng thọ 85 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Anh Chị Hải và tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng cứu độ hương hồn Cụ Bà Nguyễn Thị Chua sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Thành tâm phân ưu.

Châu Đạo California

Tộc Đạo Orange

Ban Pháp Chánh Châu Đạo Điện Thờ Phật Mẫu Orange

Ban Thế-Đạo Nam California

Đại-Đạo Thanh Niên Hội California

Tây-Ninh Đồng Hương Hội

Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung

**Ban Thế-Đạo Hải Ngoại
& Tập-San Thế-Đạo**

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn và thương tiếc khi được tin phu
quân của Cựu Chánh Trị-Sự Trịnh Thị Kim Liêng là:

Cựu Chánh Trị-Sự

NGUYỄN THÁI KHANH

cựu Quyền Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara
Cựu Trung Tá QLVNCH phục vụ Phủ Thủ Tướng

đã qui vị vào lúc 7 giờ 17 phút ngày 21-08-2003 (nhằm ngày
24 tháng 07 năm Quý Mùi) tại Bệnh Viện Sunnyside, Portland,
Oregon.

Hưởng thọ 74 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng cựu CTS Trịnh Thị Kim
Liêng và tang quyến và thành tâm cầu nguyện Đức Chí-Tôn,
Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi hương linh cựu
Chánh Trị-Sự Q, Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara được sớm trở về
cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Giáo Hữu Thượng Ngọc Thanh

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại Châu Đạo California
& Tập-San Thế-Đạo Các Tộc Đạo Orange, San Diego
Ban Thế Đạo Bắc California và Santa Clara
Tây Ninh Đồng Hương Hội Điện Thờ Phật Mẫu Orange.
ĐĐTĐN Hội Santa Clara Điện Thờ Phật Mẫu San Jose
Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung

TM. Chức Việc, Bàn Trị-Sự Thánh Thất Đường Nhơn
Seattle, WA và đồng đạo.

CTS Dương Thanh Liêm

HT Mai Văn Tim, Everett, WA

G/đ Từ Bửu Long, Everett, WA

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi nhận được tin:

Hiên Tài
NGUYỄN VĂN MẠCH

**Cựu Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California
Cựu Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu Tây-Ninh
Cựu Trung Tá Quận Trưởng/ Chi Khu Trưởng
Phú Khương, Khiêm Hanh.**

Đã qui liễu vào lúc 8 giờ 15 sáng ngày Thứ Bảy 16-08-2003
(nhằm ngày 19-07 năm Quý Mùi) tại Orange County, California.

Hưởng thọ 79 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang quyến và thành tâm cầu
nguyện Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng
độ rỗi hương linh Hiên Tài Nguyễn Văn Mạch sớm trở về cõi
Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế Đạo.

Ban Thế-Đạo Nam California.

Ban Thế-Đạo Bắc California.

Ban Đại- Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang WA, USA

Ban Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu.

Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Texas, USA.

**Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông
và Đông Nam Hoa-Kỳ.**

Châu Đạo California
Tộc Đạo Orange, Điện Thờ Phật Mẫu Orange.
Tộc Đạo Santa Clara,
& Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.
Tộc Đạo San Diego.
Tộc Đạo, Chức Việc Bàn Trị-Sự và
đồng đạo Thánh Thất Anaheim.
Tộc Đạo Little Saigon và
Chức Việc Bàn Trị- Sự cùng đồng đạo.

Hội Cựu Chiến Sĩ Cao- Đài.
Tây- Ninh Đồng Hương Hội.
Đại-Đạo Thanh-Niên Hội California.
Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học Đường
và Lê Văn Trung.

TM. Cựu Quân Nhân Tiểu Khu Tây-Ninh
Cựu Đại Tá Bùi Đức Tài
TM. Cựu Công Chức Toà Hành-Chánh Tây-Ninh
Nguyễn Ngọc Dũ

Hiền Tài Lâm Hoàng Minh &
Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (Texas)
HT Phan Văn Rắc (Louisiana)
CTS Thái Hữu Nghĩa, (Louisiana)

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

Thân Mẫu của Hiền Huynh Hiền Tài Lê Văn Rắc ngụ tại
Marrero, Louisiana là:

Cụ Bà

VÕ THỊ BỊCH

Qui vị ngày 06-08-2003 (nhằm ngày 09 tháng 07 năm Quý
Mùi) tại Thánh Địa Tòa-Thánh Tây-Ninh, Việt-Nam.

Hưởng thọ 81 tuổi

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Hiền Tài Lê Văn Rắc và
tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiên Liêng độ trì cho hương hồn Cụ Bà Võ Thị Bích được sớm
trở về nơi cõi Thiên Liêng Hằng Sống.

Thành tâm phân ưu.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại

và Tập-San Thế Đạo.

Ban Thế-Đạo Nam California.

Ban Thế-Đạo Bắc California.

Ban Đại Diện BTĐ/ HN tại Úc Châu.

Ban Đại Diện BTĐ/ HN tại bang WA , USA

Đại Diện BTĐ/ HN tại các địa phương USA

CTS Thái Hữu Nghĩa Thánh Thất Marrero, LA
CTS Dương Thanh Liêm, Thánh Thất Đường Nhơn, WA

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được tin:
Nhạc mẫu của Hiền đệ Lâm Phước Xoàn và là Thân Mẫu
của Hiền Muội Hồ Thị Nhị ngụ tại Morrow, Georgia là:

Cụ Bà:

NGUYỄN THỊ HAI

Qui vị ngày 25-09-2003 (nhằm ngày 29-08 Quý Mùi) tại
Ấp Long Chí, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành,
tỉnh Tây-Ninh.

Hưởng thọ 76 tuổi

Toàn thể Chức Việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo tiểu bang
Georgia xin thành kính phân ưu cùng hiền đệ Lâm Phước
Xoàn, Hiền Muội Hồ Thị Nhị và tang quyến

Xin thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và
các Đấng Thiêng Liêng hộ trì hương hồn Cụ Bà Nguyễn Thị
Hai được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
Thành kính phân ưu.

**TM Chức Việc, Bàn Trị-Sự
và đồng đạo Thánh Thất Georgia
CTS Nguyễn Văn Hưởng**

PHÂN ƯU

Hiên phu của Hiền Tỷ Thông Sự Vương Kim Huệ Bàn Trị-Sự Thánh Thất Georgia, ngụ tại Tucker, bang Georgia là:

Hiên Huynh

NGUYỄN VĂN ÂN

Qui vị ngày 06-08-2003 (nhằm ngày 09 tháng 07 Quý Mùi)
tại bệnh viện Dunwoody Medical Center, Atlanta, Georgia

Hưởng thọ 57 tuổi

Toàn thể Chức Việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo tiểu bang Georgia xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Thông Sự Vương Kim Huệ cùng tang quyến.

Xin thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì hương hồn Hiền Huynh Nguyễn Văn Ân được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

**TM Chức Việc, Bàn Trị-Sự
và đồng đạo Thánh Thất Georgia
CTS Nguyễn Văn Hưởng**

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được tin:
Nhạc Mẫu của Hiền Huynh Lê Phú Hữu và là Thân Mẫu của
Hiền Tỷ Lễ Sanh Hương Muội, ngụ tại Dallas, Texas là:

Giáo Thiện

PHẠM THỊ GỌN

Qui vị ngày 18-07-2003 (nhằm ngày 19 tháng 06 năm Quý
Mùi) tại huyện Hòa Thành, Tây-Ninh, Việt-Nam.

Hưởng thọ 93 tuổi

Toàn thể Chức Việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo tiểu bang Georgia
xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Lê Phú Hữu và Hiền
Tỷ Lễ Sanh Hương Muội cùng tang quyến.

Xin thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh, các
Đấng Thiêng Liêng hộ trì hương hồn cố Giáo Thiện Phạm Thị
Gọn được cao thăng Thiên Vị.

Atlanta, ngày 29-07-2003

**TM. Chức Việc Bàn Trị-Sự
và đồng đạo Georgia.**

CTS Nguyễn Văn Hưởng

**TM Chức Việc Bàn Trị Sự
Thánh Thất Đường Nhơn Seattle, bang Washington
CTS Dương Thanh Liêm**

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài

(TC Thông Báo số 02/HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2002)

A-Mục đích, ý nghĩa thành lập:

Thể hiện và vun bồi tình “*tương thân, tương ái*” giữa người Tín Đồ Cao Đài

- Phát huy tinh thần “*Từ Bi, Công Bình, Bác Ái*” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam Giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương tế Cao Đài:

- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.
- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (*công quả*) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bản Chí Tôn và Bản Thờ Hộ Pháp.
- Dẫn đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.
- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

D- Trách nhiệm, nghĩa vụ Hội viên:

- Khi gia nhập, nộp một lần tiền đóng ban đầu là (60) Mỹ kim gồm tiền Dự Trữ Phúng điếu là (40) Mỹ kim và tiền niên liễm là (20) Mỹ kim.- Định kỳ nộp niên liễm là (20) Mỹ kim / năm

- Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định .

(Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

G- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về: **Ban Điều Hành / Hội Tương Tế Cao Đài, số 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148**

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

HT. Nguyễn văn Cầu - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị., Phone: (408) 262-4209 - Fax: (408) 262 - 2948 - E - mail : caunguyencd@yahoo.com-

-HT. Nguyễn Ngọc Dũ - Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
Phone & Fax: (408) 238 - 6547 - E - Mail: dutani@juno.com

- HTDP. Dương văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành
Địa- chỉ : 3032 Peppermint Dr., San José, CA. 95148
Phone & Fax : (408) 528 - 6435 - E mail: datthong@earthlink.net

(***Chú thích:** Xin xem Hội Tương Tế Cao Đài / Website Ban Thế Đạo <http://www.Banthedao.org>)

HỘI TƯƠNG TẾ CAO-ĐÀI

TIN TỨC

1-Tin San Jose

Lễ Cầu Nguyện cho Hiền Huynh Nguyễn Thái Khanh, Cựu Chánh Trị-Sự, cựu Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, California.

Vào ngày Chủ Nhật 24 tháng 08 năm 2003 nhằm ngày 27 tháng 07 năm Quý Mùi, Tộc Đạo Santa Clara, California đã tổ-chức một buổi lễ cầu nguyện và truy điệu cho Hiền Huynh Nguyễn Thái Khanh , cựu Chánh Trị Sự, cựu Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, California.

Hiện diện trong buổi lễ này gồm có Chức Việc BTS Tộc Đạo Santa Clara, Bàn Cai Quản Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại và Ban Thế Đạo Bắc Californiacùng hơn 100 đồng đạo.

Sau thời cúng ngộ Đức Chí Tôn, việc hành lễ cầu nguyện và truy điệu bắt đầu nơi hậu điện Thánh Thất.Mở đầu HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu tộc Tộc Đạo Santa Clara thay mặt Châu Đạo California và thay mặt cho tộc Đạo Santa Clara đã đọc tóm lược về công nghiệp của HH cựu CTS Nguyễn Thái Khanh , cựu Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara và nghẹn ngào luyến tiếc về việc qui vị của vị cựu Q. Đầu Tộc và chia buồn cùng HTỷ Trịnh Thị Kiêm Liêng, cựu Chánh Trị Sự và tang quyến. Kế tiếp đại diện của Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, HT Hồ Xưa và đại diện của Ban Thế Đạo Hải Ngoại cùng Ban Thế Đạo Bắc California đã lần lượt bày tỏ sự mến thương và luyến tiếc đối với HH Nguyễn Thái Khanh, chia buồn cùng HTỷ cựu CTS Trịnh Thị Kim Liêng cùng tang quyến.

Một đại diện tang gia đã cảm ơn các cơ-quan Đạo đã tham gia buổi lễ đồng đạo và long trọng này.

Sau đó đồng đạo đã vào lần lượt tế lễ và chia buồn cùng tang quyến.

Buổi lễ được chấm dứt vào lúc 1.30 giờ và điểm đặc biệt là vì đông đảo đã đến quá đông trên 100 người nên không còn chỗ qui ở trong Thánh Thất cũng như không còn chỗ trống ở ngoài sân.

Được biết HH cựu CTS Nguyễn Thái Khanh , cựu Q. Đào Tộc Tộc Đạo Santa Clara đã qui vị vào lúc 7.17 giờ ngày 24-07 năm Quý Mùi (21-08-2003) tại Bệnh viện Sunnyside, Portland, Oregon.

Hiền Huỳnh hưởng thọ 74 tuổi.

Linh cửu Hiền Huỳnh đã được hỏa táng tại địa-phương vào lúc 10 giờ ngày 22 tháng 08-2003.

2- Tin NamCalifornia

2.1 Châu Đạo California tổ-chức Tết Trung Thu

Vào ngày 16 tháng 08 năm Quý Mùi (nhằm ngày 11 tháng 09-2003) Châu Đạo California đã tổ-chức Tết Nhi Đồng cho con em đồng đạo tại hội trường Châu Đạo.

Từ 6 giờ chiều phụ huynh đã đưa con em vào ngồi chơi trong Hội Trường và đến 7 giờ thì Đại Đạo Thanh Niên hội đã phát cho mỗi em một lồng đèn, đốt đèn sáng lên cho các em cầm đi ra công viên phía sau tìm chú cuội.

Chú cuội đang ngồi trên cây đa, trăng từ từ sáng lên, chú cuội từ trên cây tuột xuống bắt tay chào mừng các em rồi dẫn các em đi rước đèn chung quanh khuôn viên Thánh Thất Orange, vừa đi vừa hát thật vui vẻ.

Đến cổng chánh, chú cuội đưa các em vào hội trường và nơi đây HT Phạm Văn Khảm, Trưởng Ban tổ-Chức phát cho mỗi em một tờ Ban Khen và một bánh Trung Thu.

Các em nhi đồng đã ngồi nhâm nhi bánh Trung Thu và thưởng thức Văn Nghệ do Đại Đạo Thanh-Niên Hội California phụ trách với những bài hát chủ đề về Tết Trung Thu và Nhi Đồng. Đây là một chương trình văn nghệ thật hay và sôi động rất phù hợp với lứa tuổi các em. Nhiều em đã tình nguyện lên hát, ngâm thơ và Ban Văn Nghệ cũng đã hướng dẫn các em đồng ca vang dội cả

hội trường.

Ban Tổ-Chức Tết Nhi Đồng 2003 đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của các phụ huynh và các em nhi đồng ngoài dự trù. Lúc đầu con số ghi danh vào khoảng 50 em nhưng đến giờ khai mạc đã có hơn 100 em và Ban Tổ-Chức phải chạy mua thêm lồng đèn và bánh để có đủ phát cho các em.

Hội trường Châu Đạo California đầy ắp với phụ huynh và các em nhi đồng và đây là một niềm khích lệ cho Ban Tổ-Chức để Ban Tổ-Chức hằng say tổ-chức vào năm sau dù có vất vả nhưng vui sướng để phục vụ cho các nhi đồng con em đồng đạo và thân hữu.

Hy vọng năm sau số lượng nhi đồng tham gia đông hơn gấp bội và Ban Tổ-Chức có dịp phục vụ các cháu đầy đủ hơn, vui nhộn hơn.

2.2 Lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì

Trong năm 2003, nhân ngày Lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì ngày rằm tháng 8 hằng năm, Điện Thờ Phật Mẫu Orange, California đã tổ-chức Lễ theo chương-trình sau:

1- Từ 6.00 giờ đến 7.30 giờ chiều : Cúng Đại Đàn Phật Mẫu.

2- Từ 8.00 giờ đến 9.30 giờ: Lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì:

- Giới thiệu ý nghĩa Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì.

(Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé đọc)

-Nhập đàn (Lễ Kỷ-Niệm)

-Phát biểu cảm tưởng

(HTỷ Nguyễn Ngọc Kê, Q.Quản Tộc ĐTPM Orange đọc).

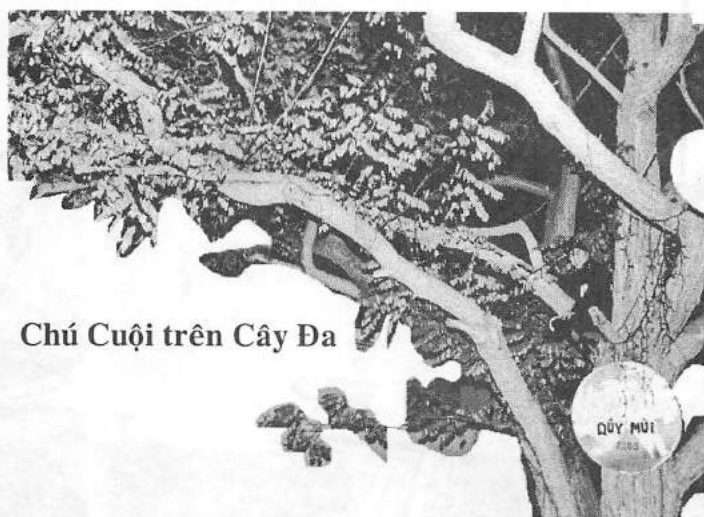
-Bãi đàn.

3-Nhận lộc Đức Phật Mẫu: Hoa và Quả.

Dùng ẩm thực nhẹ.

Hơn 100 chức sắc, chức việc và đồng đạo từ các địa phương như Riverside, San Diego, Los Angeles và Orange đã tập trung về Điện Thờ Phật Mẫu Orange , số 14072 đường Chestnut, Westminster, California để cúng Đại Đàn Phật Mẫu và tham dự Lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì theo chương trình trên.

Vài Hình Ảnh Sinh Hoạt



Chú Cuội trên Cây Đa



Chú Cuội đang dẫn các nhi đồng đi rước đèn

Lễ Kỷ Niệm Hội Yến Diêu Trì 2003



Cúng Đại Đàn Phật Mẫu

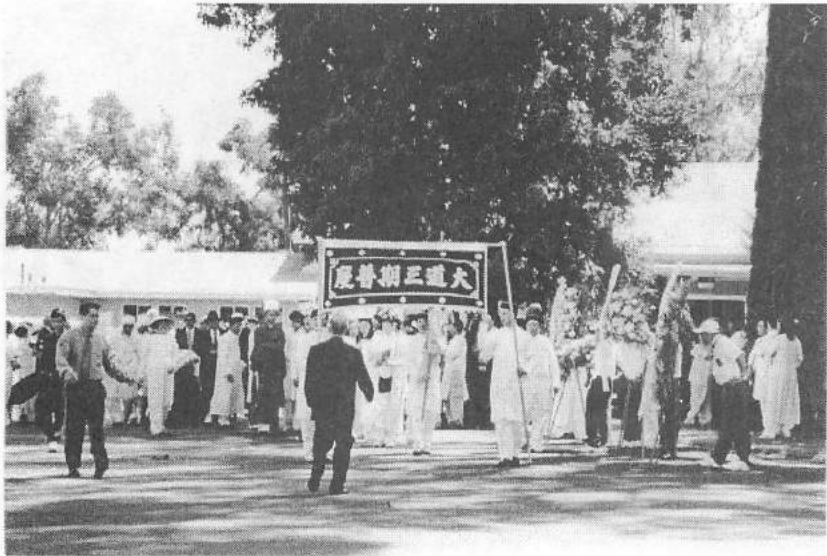


Lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì 2003

TÂY NINH ĐỒNG HƯƠNG HỘI PICNIC HÈ 2003



HÌNH ẢNH LỄ TANG
CỐ HT NGUYỄN VĂN MẠCH
cựu Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California



TÌNH NGƯỜI

của Hoàng Minh

Chiếc xe “Deux Cheveaux” màu xanh đỏ “sịt” trước sân, làm cô Hai hết sức lạ lùng, không biết xe của ai? Đến nhà mình làm gì? Mình đâu quen ai có xe hơi? và cũng chưa hề ai dùng xe hơi đến thôn quê như thế này để thăm mình. Bao nhiêu câu hỏi trong đầu để rồi cô Hai không sao trả lời được, nên đứng bên cửa sổ dõi mắt nhìn. Một chàng thanh niên ăn mặc thật lịch sự, mở cửa xe, bước xuống, thì ra là “A Ngẫu” con ông chủ nhà máy chà “Kim Hưng” đã từng thu mua lúa của nàng. A Ngẫu đứng bên hông xe rảo mắt nhìn khung cảnh xung quanh ngôi nhà cô Hai, rồi ôm một bó hoa màu sắc rực rỡ, và một gói giấy khá to, từ từ bước vô nhà, vừa đến cửa, cô Hai đơn đả:

- Kính chào ông chủ, ngọn gió nào đưa ông chủ đến xứ khỉ ho cò gáy này vậy? Mời ông vô nhà dùng trà.

- Kính chào cô Hai, đã lâu rồi không gặp, Cô vẫn mạnh chứ? Đây có chút quà xin biếu Cô.

Nói xong hai tay nâng bó hoa trang trọng trao cho Cô Hai, Cô tiếp nhận:

- Cảm ơn ông chủ.

- Và đây một ít bánh kẹo, “quá” (Tiếng Tiểu Châu, có nghĩa là tôi) mang từ Hồng Kông về, xin biếu cô Hai dùng lấy thảo.

- Ôi chà! làm phiền ông chủ quá, tôi rất e ngại, dù sao một lần nữa cũng xin cảm ơn, mời ông ngồi.

- Cảm ơn Cô.

- Thật không ngờ được ông quan tâm, có gì mà chính ông phải lặn lội đường xa đến đây? Ông tìm ai? Có cần tôi giúp gì không?

- Quá đi Hồng Kông vừa về, nghe nói lâu rồi cô Hai không có chở lúa xuống, quá sợ Cô có đau ốm gì nên vội vã lên thăm. Thấy Cô vẫn bình an quá mừng lắm.

- Rất cảm ơn ông chủ bận tâm, mời ông dùng tạm trà bản xứ.

A Ngẫu bưng tách trà đưa lên mũi ngửi rồi hớp một ngụm nhỏ, trệu trạo trong miệng mới nuốt qua cuống họng:

- Trà ngon, trà ngon...

- Ông chủ khen quá lời, đây là thổ sản của chúng tôi, làm sao bằng đại danh trà của Trung Hoa được.

- Quá không dám đối nửa lời, mỗi loại trà đều có hương vị đặc biệt tuyệt vời của nó. Ta có thể nói tùy theo sự quen dùng mà thôi. Thật ra trà này cũng thơm ngon lắm, không thua trà hảo hạng của Trung Hoa hay Nhật Bản chút nào.

Cô Hai cười duyên dáng, tiếng trong trẻo nhẹ nhàng:

- Tôi không chuyên uống trà, nhưng tôi nghĩ “Trà Chồn” sơ chế trong địa phương của chúng tôi chỉ tạm dùng nơi thôn quê héo lánh như thế này thôi. Không thể nào so sánh với các loại trà tuyệt chế dùng trong các buổi “Trà Đạo” của người Nhật, hay “Trăm Mã Trà” của người Trung Hoa. Nói cho cùng, tôi chẳng am tường về trà cho lắm, càng nói càng làm cho ông chủ thấy buồn cười thêm. Chúng ta trở lại lý do chính, tại sao hôm nay ông chủ phải đích thân đến đây vậy?

A Ngẫu đưa mắt thiết tha nhìn cô Hai, mà hồn như ngây như dại. Từ lúc được gặp lại cô Hai đến giờ. Lòng A Ngẫu cứ quặn nhói lên từng hồi, tim đập thành thịch. Một cảm giác vừa hồi hộp, vừa tái tê, vừa nôn nao, rạo rực, háo hức. Ước gì ôm trọn cô Hai, cắn xé nhai ngấu nghiến nuốt chửng cô Hai vào lòng. Để cả cơ thể cô Hai hòa tan trong người của A Ngẫu. Tế bào chen lấn những tế bào, sinh động và châu lưu mãi mãi trong người. Hai người tuy hai mà một, không bao giờ chia cách một dây một phút nào cả! Thật ra A Ngẫu cũng không hiểu chính mình ra sao nữa. Không biết tại sao khi ngồi trên máy bay rời khỏi phi trường Tân Sơn Nhất. A Ngẫu cứ bồn chồn xao xuyến, thương vương nuốt tiếc băng quơ, dường như đã xa vắng, đánh mất cái gì quý giá trọng đại nhất trong đời. Cái gì đó nó cứ âm ỉ

len lên dâng lên...dâng lên...rồi kết đọng thành một nỗi buồn vô căn cứ. Nỗi buồn không tên mà man mác ấp ủ trong lòng...A Ngẫu mãi đắm chìm trong suy tư, suy nghĩ triền miên...Để rồi không biết tại sao mình lại có cái cảm giác lạ lùng như thế! A Ngẫu tự hỏi:

- Có phải mình đang đi xa cha mẹ, anh em trong gia đình chẳng? Không đúng, chỉ sáu tháng, xong công việc mình về ngay, có thể đoàn tụ với gia đình rồi mà, vả lại đâu phải đây là lần đầu mình xa nhà! Phải chăng mình xa bạn bè? Không đúng, vì bạn bè chỉ bạn bè thường có chi phải bận tâm! Hay trong việc giao thương? Cũng không hẳn như vậy, vì chẳng có gì quan trọng mình phải lo âu, hơn nữa mọi việc đã có cha mình ở nhà giải quyết! Về tình yêu, mình cũng chưa hề yêu ai, vậy nguyên nhân nào khiến cho mình không an dạ? Soát đi kiểm lại bỗng thấy hình bóng cô Hai hiện ra lớn vồn trước mắt. A Ngẫu lắc đầu xua ý nghĩ vừa thoáng qua. Không có lý, không có lý, vì cô Hai cũng là một khách hàng như những khách hàng khác mà thôi, bất quá, bất quá cô trẻ đẹp, hòa nhã bất thiệp lại giỏi mua bán...A Ngẫu gạt bỏ ý nghĩ, nghĩ qua ý khác, nhưng rồi nét mặt khả ái của cô Hai lại thoáng hiện trước mắt...A Ngẫu xóa đi thì nụ cười tươi tắn lại đến làm cho A Ngẫu rúng động, cố lảng tránh thì dáng dấp nhẹ nhàng uyển chuyển cô Hai lại ẩn hiện chập chờn rồi xoắn lấy, cuốn hút sâu hoắm trong lòng. A Ngẫu cố trấn tĩnh, cố giãy giụa cho thoát vòng ma ảnh, nhưng khốn đốn thay! Càng trốn tránh, càng không muốn nhớ nó lại càng nhớ nhung hơn, càng muốn xa thì lại càng vương vấn quấn quít quanh đây! Cái lý ngược đời này càng làm cho A Ngẫu càng thêm bối rối...Chẳng lẽ mình đã thầm yêu nàng? Mình yêu thương lúc nào sao mình không hay? Duyên cớ gì sao hôm nay mình lâm vào cảnh mê man hỗn loạn lạ kỳ như vậy? A Ngẫu là người tự phụ, đã từng tuyên bố:

“Chưa một bóng giai nhân nào làm rung động được trái tim cứng rắn, tánh tình cao ngạo trong thân thể cường tráng như ta!” Cớ sao...Cớ sao, bỗng dưng hình bóng cô Hai, cứ những nhằng nhùng nhằng, chặt không đứt, bứt chẳng rời, xua ra lại ập vào làm cho A Ngẫu điên đầu nhức óc, ruột rối bởi bởi...Một

biến chứng cuộc đời làm cơ giạt cơ tim. Niềm đau nhè nhẹ rung động trong khoái cảm, làm thi vị thêm khối tình băng quơ...Mới ba tháng lo giao dịch với các thương gia Hồng Kông, mà A Ngẫu tưởng chừng đã xa Sài Gòn ba năm! Thời gian sao mà dài đằng đẳng, ban ngày bận bịu công việc, ban đêm trần trọc mãi không sao an giấc được, cuối cùng A Ngẫu quyết định thu gọn mọi chuyện và trở về Sài Gòn ngay để gặp lại cô Hai. A Ngẫu tin rằng, khi gặp được cô Hai, sẽ vui đi phần nào nhưng nhớ rứt ray trong lòng..!

Thấy A Ngẫu nhìn mình trân trân, bản chất tự nhiên của người con gái là cúi đầu e thẹn, cô Hai cũng không ngoại lệ. Dáng dấp thẹn thùng của giai nhân càng thêm mỹ lệ, càng đốt cháy tim gan người đối diện, khiến A Ngẫu đê mê đờ đẫn như kẻ không hồn...Để đánh tan bầu không khí yên lặng giữa hai người, sự yên lặng đến độ nghe cả tiếng ruồi bay. Cô Hai ngẩng đầu lên, với âm điệu trong trẻo thanh tao nhẹ nhàng, như mây bay gió thoảng...Cô nhắc lại:

- Ông chủ lên đây có chuyện gì?

Đang đắm đuối chiêm ngưỡng và chơi với giữa mộng vàng với vợ...Tiếng cô Hai đưa A Ngẫu trở về thực tại, vội áp úng:

- Ô! Quá...quá nhớ...nhớ...cô...cô...công việc nên lên đây gặp cô Hai.

- À, có phải thời gian qua tôi không có ký hợp đồng giao lúa cho ông chủ, nên ông muốn biết lý do chứ gì?

A Ngẫu giống như người ăn vụng bị bắt quả tang, ú ớ, lập bập khó biện phân trời chày, may sao được cô Hai mở đường, vội vàng nương ý:

- Dạ, dạ...dạ phải đó, tại sao ba tháng qua cô Hai không đến tiếp tục ký hợp đồng với chúng tôi vậy? Có gì làm phật lòng cô Hai không? Xin cô Hai cho biết chúng tôi sẽ sửa chữa mà.

- Thưa ông chủ, chả có gì quá đáng đâu, đó chẳng qua vì thương trường thôi.

- Thương trường thì sao? cô Hai có thể nói rõ hơn một chút được không?

- Thấy ông chủ cũng nhiệt tình lặn lội từ xa lên đây, tôi cũng chẳng giấu giếm gì. Ông chủ biết đó, nông dân chúng tôi lúc nào cũng trọn tin ở khách hàng của mình. Phương châm làm ăn là phải chân thật, kết hợp lâu dài với mọi người, trong sự công bằng. Đôi bên đều có phần lợi nhuận tương đối và hợp lý hợp tình, không chèn ép lẫn nhau. Nhưng suốt ba năm qua, ông và ông chủ lớn đối xử với nông dân chúng tôi như thế nào? Có lẽ ông là người hiểu rành hơn ai hết, phải vậy không?

- Thật là oan uổng cho “quá” lắm, cô Hai ơi! Cô cũng biết đó, từ trước đến nay, quá chỉ có nhiệm vụ nhận lãnh hàng cho nhập kho, còn vấn đề giá cả và hợp đồng với cô Hai đều do ba của “quá” giải quyết. Quá tưởng mọi chuyện đều tốt đẹp, nên chẳng quan tâm cho lắm. Nay nếu có gì xin cô Hai cho quá biết, quá sẽ xem lại có được không?

- Tôi rất cảm ơn mỹ ý của ông chủ, nhưng các hợp đồng đã được thanh toán xong lâu rồi, ông chủ không thể nào “hồi tố” chuyện này được đâu!

- Xin cô Hai vui lòng cứ nói thử?

- Hợp đồng, đôi bên đồng thuận, nhưng việc quyết định về giá cả tôi để quyền quý ông ưu tiên giải quyết. Và lại, tình hình giá cả, lên xuống từng giây từng phút, quý ông chủ nắm

vững hơn chúng tôi. Trong năm đầu ông chủ lớn đã trả với giá thấp, nông dân chúng tôi bị thua thiệt mười lăm phần trăm so với giá thị trường. Năm thứ hai chúng tôi bị mất mười phần trăm, và năm thứ ba thiệt thòi năm phần trăm! Thế thì làm sao chúng tôi có thể tiếp tục ký hợp đồng với quý ông được? Xin ông và ông chủ lớn thông cảm cho vậy.

A Ngẫu nghe cô Hai nói từ đầu đến cuối, không biết làm sao giải quyết tình trạng bế tắc giữa đôi bên. A Ngẫu không quản ngại về việc cung ứng lúa cho nhà máy chà Kim Hưng, dù có mất đi một khách hàng cũng chẳng thiệt thòi gì cho lắm. Nhưng nếu cô Hai không tiếp tục giao thương thì làm sao A Ngẫu có dịp gặp cô Hai thường xuyên được? Nghĩ đến đây A Ngẫu thêm bối rối, sau khi đắn đo:

- Việc gì chúng ta cũng có thể thương lượng mà cô Hai.

- Ông chủ nghĩ rằng ông có thể giải quyết được sao? Chẳng lẽ ông “hồi tố” được việc này?

- Có thể chứ cô Hai, vì Cô, quá có thể làm bất kỳ việc gì, miễn được cô Hai vui vẻ là quá không bao giờ e ngại! Quá hy vọng chúng ta sẽ tương nhượng và tiếp tục hợp tác như xưa, cô Hai nghĩ sao?

- Như tôi nói ở trên, chúng tôi không muốn mất những người bạn giao thương với mình. Tuy nhiên chúng tôi cũng không muốn bị thiệt thòi vì sự chèn ép. Sự việc đã xảy ra trước mắt, chúng tôi không biết phải làm sao hơn. Nếu ông chủ có giải pháp nào hợp lý hợp tình, chúng tôi sẽ tái hợp đồng cũng tốt.

Cuộc viếng thăm bất chợt. Cái nhìn đắm đuối, cử chỉ mất tự nhiên của A Ngẫu, cũng đủ cho cô Hai hiểu rõ nguyên nhân thật sự của cuộc thăm viếng hôm nay. Cô cứ xoáy vào công việc làm ăn, khiến A Ngẫu không sao bày tỏ được nỗi lòng. Càng lúc càng lẩn quẩn chờ đợi chờ người ra. Cuối cùng, thốt lên một câu không ăn nhập gì với vấn đề đang bàn thảo cả!

- Nhà cô Hai vắng quá vậy? Hai cụ nhà đâu sao chẳng thấy?

Cô Hai biết A Ngẫu muốn dò giẫm, tìm cơ hội bộc phát, những điều tàn ẩn trong lòng anh ta từ lâu. Cô Hai tươi cười trả lời:

- Cảm ơn ông chủ quan tâm, nhờ trời ba mẹ tôi vẫn khỏe, chỉ có điều đáng tiếc là ba mẹ chồng tôi đều vắng số.

Nghe cô Hai nói đến đây, A Ngẫu há hốc mồm ra, tròn đôi mắt, quên cả giữ gìn ý tứ:

“Lữ...lữ” có chồng rồi? (Lữ = anh, chị, mà ý tiếng Tiểu Châu)

Cô Hai gật đầu, mỉm cười tự nhiên:

- Dạ có, tôi lập gia đình đã bảy năm qua.

A Ngẫu ngồi chết trân, đôi mắt tối sầm, tim hầu như ngừng đập, mặt tái xanh, đôi dòng lệ tuôn trào lã chã...A Ngẫu khóc thật sự, khóc ngon lành không sao kìm hãm nổi. Khóc như em bé mất cha lạc mẹ vô cùng thảm thương! Trước chân tình của một thanh niên người Hoa làm cô Hai cũng nao núng, cô không ngờ A Ngẫu lại mềm lòng lộ vẻ si mê đến như vậy! Chẳng

biết phản ứng thế nào cho phải lẽ, cô Hai ngồi cúi đầu lặng thinh. Thời gian lặng lẽ nặng nề trôi...A Ngẫu cắn răng thở dài thườn thượt, lấy khăn lau nước mắt, giọng thật não nề:

- Vì sự yếu mềm, cảm xúc bất ngờ chưa từng thấy trong đời. Quá xấu hổ vô cùng, thành thật xin lỗi cô Hai, hãy tha thứ cho quá, bất quá... bất quá vì quá hết dạ kính mến, thương yêu cô. Quá cũng không biết mình đã... đã...yêu Cô từ hồi nào, chỉ mới phát giác từ khi đi Hồng Kông, lúc ngồi trên máy bay, lúc phải xa cô Hai. Quá mới nghe được tiếng nói chân thật từ đáy lòng mình. Quá đã yêu tha thiết, có thể chết vì Cô, có thể dâng hiến tất cả cái gì quá có cho Cô. Quá không thể nào thiếu Cô bên cạnh cuộc đời. Trong quá dường như đã có một phần là thể xác và linh hồn của Cô. Quá cảm nhận sự hiện hữu của Cô trong quá và nó vô cùng quan trọng.

Hình bóng của Cô sẽ tồn tại vĩnh viễn trong lòng quá và cũng không bao giờ tách rời hay phai mờ được! Nhưng khốn khổ thay quá là kẻ đến sau. Quá phải làm sao đây?

A Ngẫu không làm chủ được trái tim mình, lý trí u mờ, ngồi nhìn cô Hai trân trời, ánh mắt khi đỏ ngầu thèm khát, lúc dịu hòa man mác của tình yêu, khi say sưa cuốn hút như đạo sĩ thu hồn...Con tim A Ngẫu rỉ máu, tái tê tội độ, nổi đờn đau dâng tràn, A Ngẫu nhìn cô Hai trân trân mà lòng âm thầm rên rĩ:

Tim ta đã lọt lưới tình,
Tình chưa hé nụ đã thành hư không..!
Ta yêu ai thấu được lòng?
Mà ta gạt hái mệnh mông bể sâu..!
Tình ta ta gửi về đâu?
Sao ta đối mặt như hầu chữa quen..!
Tình ta phiến diện tối đen,
Ta yêu ta khóc yếu hèn vì yêu..!

Trước thái độ chân thành, lời lẽ bộc trực của A Ngẫu. Gãy lại nổi bất hạnh của mình, cô Hai không sao tránh khỏi đôi chút se lòng!

- Rất cảm ơn mỹ ý mà ông dành cho tôi, nhưng đã quá muộn màng, tôi đã có gia đình, xin ông chấp nhận định số an

bày.

Tình đó, cảnh này khiến cô Hai liên tưởng đến đoạn Ca Dao:

“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu,
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra..!”

Hồi còn đi học, cô Hai cố học thuộc lòng, trả bài không vấp vấp để được điểm cao, Cô không cần suy nghĩ, tìm hiểu nghĩa trắng, nghĩa đen chi cả. Bây giờ Cô chợt nhớ lại và hiểu ra, lời lẽ Ca Dao tuy giản dị mộc mạc nhưng ý nghĩa sâu xa khôn lường.

- “Lữ” được mấy cháu rồi?

Đang nghĩ vấn vợ, tiếng A Ngẫu kéo cô Hai trở về thực tại:

- Chúng tôi chưa có con.

Một tia hy vọng lóe lên trong đầu, A Ngẫu mong rằng cô Hai nói không phải là sự thật, giọng buồn tái tê:

- Ông nhà đâu rồi hả cô, cho “quá” chào để làm quen được không?

- Được lắm chứ, đó là một vinh hạnh đối với chúng tôi, nhưng rất tiếc hôm nay nhà tôi bận việc ở xa. Để khi nào thuận tiện, xin được giới thiệu với ông chủ nha.

Thôi hết rồi, tia hy vọng cũng tiêu tan, A Ngẫu đưa mắt lơ lơ nhìn cô Hai, thều thào:

- Đành vậy! Còn vấn đề thiết thòi như cô Hai đã nói, tôi sẽ thảo luận lại với Ban Giám Đốc nhà máy, hy vọng họ sẽ đền bù cho Cô và các Tá Điền. Dù sao quá muốn chúng ta vẫn là bạn tốt, có được không?

- Vâng, vẫn là bạn tốt.

A Ngẫu thất thểu, bước từng bước ra khỏi nhà cô Hai chẳng khác người mất hồn. Trời mùa Hạ mà vòm đen bao trùm trước mắt, như có cái gì xỉa xối, chưa xẻ, nghiền nát tơi tả con tim...! Ngồi vào tay lái hồn phiêu phưởng tận đâu đâu...

Rừng rừng Ngẫu gục thẫn thờ rừng rừng..!

X X X

Lìn mãi cầm cúi viết đến đối Quan vào đứng trước mặt mà vẫn không hay:

- Chào cô Lìn.

A Lìn giật mình, nhìn lên thấy Quan nàng có vẻ lúng túng:

- À, anh Quan, Lìn chuẩn bị hợp đồng mới cho anh nhưng, nhưng Lìn đang bối rối về bài "Rédaction" này, nên chưa hoàn tất cho anh được, xin lỗi nghe, đã thất hẹn với anh rồi. Anh ngồi chơi một tí, Lìn điền và ký tên ngay cho anh, không lâu đâu nha.

Quan cười thật tươi, dáng điệu thông dong:

- Không gấp, tôi chờ được mà, xin cô cứ tự nhiên; à! Cô Lìn còn đi học sao?

A Lìn bẽn lễn, ấp úng:

- "Ngộ" cố gắng học thêm cho vui, được chữ nào hay chữ nấy, khổ nỗi ngộ rất kém môn Pháp Văn, và Problème, nên lúng túng quá chừng, lúc nào cũng bị thua sút các bạn, xấu hổ ghê..!

- Bài luận và toán dễ làm khó học sinh lắm. Tuy nhiên nếu chúng ta nắm được phần cơ bản của nó thì cũng chẳng đến nỗi nào; cô học ở đâu vậy?

- Trường của người Trung Hoa, gần trường Pétrus Ký, thuộc quận năm, anh có đến đó lần nào chưa?

- Tôi chưa có vô trường đó, nhưng đã đi ngang qua nhiều lần, ngôi trường có hai mặt. Một mặt xây ra đường Thành Thái và một mặt hướng ra đường Nguyễn Trãi, đó là trường Bác Ái đúng không?

- Đúng rồi, còn anh nói học môn Toán và Pháp Văn điều cần yếu là phải có căn bản, anh có thể nói rõ hơn được không?

Cô cho tôi xem bài của cô được chứ?

Thì ra Lìn đang làm bài luận: “Mon école” (Trường Tôi), Quan hướng dẫn A Lìn viết ra những ý có liên quan đến việc mô tả ngôi trường, không cần thứ tự nhớ tới đâu ghi lại tới đó. Đến khi không còn gì để ghi nữa, thì bắt đầu gạch bỏ những ý thừa, không liên quan trực tiếp, hoặc không giúp gì cho bài luận. Đoạn chép lại các ý không gạch bỏ, sắp xếp ý nào diễn đạt trước, ý nào diễn đạt sau. Lập thành một cái “Dàn Bài” có ba phần: Nhập đề, thân bài và kết luận. Rồi tìm từ ngữ đặc câu. Không bao lâu bài luận văn đã hoàn tất. A Lìn nhìn thành quả thở khi nhẹ nhõm.

- Cái anh Quan này tài ghê, sao mà cái gì anh cũng giỏi cả vậy!

- Có đáng chi đâu, cô đừng cười tôi mà.

- Còn bài toán này anh có thể nán lại giúp Lìn được không?

Bài toán Lìn đưa ra có hai phần: Hình học và Đại số. Muốn chứng minh bài hình học cần phải thuộc lòng những định lý, muốn giải bài đại số phải nhớ những công thức, Quan ôn lại một lược cho Lìn nắm vững những định lý và công thức căn bản, cho thí dụ đưa ra áp dụng từ trường hợp, và bài toán trước mắt phải áp dụng định lý “Pythagore” mới giải được. Lìn theo sự chỉ dẫn của Quan làm xong bài toán dễ dàng. Lìn nhìn Quan đầy vẻ thán phục và chứa chan cảm tình:

- Anh Quan này, mỗi ngày anh có thể dành chút thì giờ “kèm” dùm Lìn được không?

- Cô Lìn à, hãy thông cảm vì tôi là người làm công “thân bất do kỷ”

- Xin anh cố gắng sắp xếp giúp giùm Lìn. Lìn không dám để anh phải thiệt thòi đâu.

- Chẳng phải tôi không muốn giúp cô, chỉ có điều khi đã hứa làm việc gì thì phải lo cho tròn. Giờ giấc của tôi bất thường lắm, nên không thể đó thôi và tôi ngại không đủ khả năng giúp được gì cho cô, mong cô thông cảm.

- Thật sự anh không còn phương cách nào sao?

- Tôi không dám hứa, nhưng nếu cô cần bất cứ lúc nào, cô cứ tự nhiên hỏi, tôi sẽ tận khả năng hỗ trợ cô, nếu tôi thấy có thể và vô điều kiện.

- Lìn rất sung sướng được thấy anh không cự tuyệt, Lìn sẽ làm phiền dài dài, mong anh đừng trách nha.

Quan cầm bản hợp đồng ra về, Lìn nhìn theo như nuốt tiếc, vẩn vơ một chút gì và làm cho Lìn say say ngầy ngật, vui vui, rồi mỉm cười ý nhị...

*

- Anh Quan này, ngót năm qua anh thật là vất vả, vừa làm chủ, vừa làm tớ, anh cảm thấy sao? Có gì bất ổn không?

- Không, không có gì đâu cô Hai.

- Có thật anh không có gì bức xúc trong lòng?

- Cô Hai à, không có việc nào giống việc nào,

mỗi sự việc đều có tính đặc thù của nó. Tôi học hỏi không bao giờ hết, thật lý thú vô cùng. Tôi thích sưu tầm nghiên cứu tường tận các vấn đề có liên quan đến thương trường. Chỉ mong nắm được phần nào cốt lõi của nó, ngõ hầu ứng dụng hợp tình hợp lý trước mọi trạng huống, để đạt được thành quả tốt đẹp hơn. Người ta thường nói: "Vô thương bất phú". Câu này rất thích hợp với hoài bão ẩn ôm ấp trong lòng của tôi từ lâu. Nó đã khơi dậy từ tiềm thức của tôi, một ý chí cương quyết làm lại cuộc đời thật mãnh liệt. Nó đã thôi thúc tôi hòa mình và không chịu khuất phục trước mọi thử thách, hoàn cảnh khó khăn trở ngại. Vì vậy tôi chẳng thấy lúc nào vinh, cũng chẳng lúc nào nhục..! Việc nào cũng hay, cũng tốt, cũng thanh cao, ai cũng như ai đều có quyền cạnh tranh trong sự công bằng quang minh lỗi lạc.

- Nghe anh nói, dường như chẳng có động cơ nào khiến anh có thể bất mãn, bức tức, hay buông xuôi phải không?

- Hoàn toàn không, cô Hai.

- Tôi rất tin nơi anh, vậy thời gian qua anh đã làm quen, học hỏi được nhiều kinh nghiệm trong thương trường, trong cuộc sống mới, giao tế già dặn, tôi muốn biết, từ giờ trở đi, anh có ý định gì không?

Quan chẳng hiểu ý cô Hai muốn ám chỉ gì, nên không dám vội vàng trả lời một cách hàm hồ:

- Xin cô Hai làm ơn nói rõ hơn một chút được không?

- Chẳng có gì quan trọng cả, bất quá tôi muốn biết anh có dự định chuyển đổi vị thế làm ăn hay không vậy mà?

Quan nhìn cô Hai với ánh mắt thăm dò rồi ôn tồn:

- Như cô Hai thấy đó, với hiện tại, tôi vẫn là tôi của thời mạt vận cùng đồ! Không điều kiện, không cơ hội, dù có muốn làm gì đi nữa vẫn thế thôi, thân phận làm thuê vẫn là làm thuê. Ở đời mấy ai có thể bắt gió nắn hình, xoay cơ chuyển thế, đảo ngược càn khôn được? Vì vậy tôi chỉ còn chằm chằm chú chú, lẩn mò từng bước, từng bước cho chu tròn trách nhiệm. Cố phát triển những gì hiện có, do cô Hai mến thương chỉ dẫn và xếp đặt, để khỏi phụ lòng Cô. Chính tôi cũng muốn tạo một nền tảng căn bản, tùy thuộc vào bản thân của mình, cho dầu tiệm tiến. Nhưng tôi vững tin và hy vọng việc tôi đang làm mới là phương hướng duy nhất khả thi. May ra năm, mười, mười lăm, hoặc hai mươi năm sau. Nhờ sự dẫn dắt của cô Hai, tôi có thể trở mình, đứng dậy được. Có như thế, nhiên hậu mới có cơ hội đáp đền phần nào ơn sâu nghĩa nặng của ba em đánh giày, chú Ba và cô Hai.

Cô Hai ngồi yên lặng, lắng nghe từng lời, từng câu của Quan mà dường như đang suy nghĩ điều gì! Khi Quan dứt lời, cô nói một câu có vẻ thần thờ trống trớn:

- Đời người mấy ai trọn vẹn, một chút tương trợ có thấm vào đâu, anh không nên bận tâm.

- “Một miếng khi đói, bằng một gói khi no” ân tình này suốt đời làm sao tôi có thể quên được! Hà hướng mạng sống này là do quý ân nhân cứu lại!

- Qua quan điểm, lập trường, và ý niệm về nhân sinh quan của anh. Tôi cũng hiểu phần nào, tôi tin anh, tuy nhiên tôi muốn hỏi anh một vấn đề. Vấn đề này lại có tính cá nhân, nên nếu anh không thích, anh có thể chẳng cần trả lời.

- Có gì xin cô Hai cứ tự nhiên, từ lâu tôi không còn ý nghĩ riêng tư nữa. Mọi việc đều là việc chung, ngay cả bản thân tôi, tôi cũng đã tự dâng hiến cho công việc làm ăn này rồi. Hướng hồ, từ khi mạng sống này được tái tạo, tôi không muốn giấu giếm bất cứ việc gì với bất cứ ai,

nhất là cô Hai.

- Tốt, vậy nghe nói A Lìn ái nữ của nhà máy chà Phước Thành, đã quan tâm và dành nhiều tình cảm cho anh, anh nghĩ sao?

Cô Hai hỏi, khiến Quan giật mình, lạ thật, tại sao cô Hai lại biết chuyện này? Dầu là chuyện cá nhân, nhưng cũng làm Quan hồi hộp, bối rối vô cùng, dầu vậy Quan cố làm ra vẻ tự nhiên:

- Thưa cô Hai, quả tình A Lìn đôi khi biểu lộ cảm tình và có ý muốn tiến xa hơn ranh giới bạn bè, nhưng tôi đã tìm cách trốn lánh, lái sang chuyện khác.

- Tại sao anh phải làm như vậy?

- Vì tôi không thể, mà cũng không dám.

- Anh nói làm tôi càng thêm khó hiểu. Tại sao không thể và không dám?

- Vì địa vị xã hội, vì một người đàn ông như tôi đã không đủ khả năng lo cho mình, làm sao cứu mang được người khác, hơn nữa tim tôi đã chết rồi..!

- Anh làm như vậy, không sợ A Lìn buồn tủi sao?

Quan thở ra, phóng tầm mắt qua cửa sổ, nhìn lên không trung, bầu trời thăm xa vời vợi...Đôi chòm mây bạc mỏng manh lơ lửng đó đây, dần trôi về phương trời vô định. Khác nào bản thân mình cũng cô đơn, chơi vơi giữa dòng đời nghiệt ngã. Trái tim đã hằn sâu những vết thương rỉ máu! Đường tình rời rã tiêu sơ...Hồn vương trữu trữu nỗi buồn dĩ vãng đắng cay..! Quan nuốt ực bao uất hận vào lòng, hít một hơi dài, lấy lại phần nào bình tĩnh. Thế mà nụ cười hãy còn nảo nùng, chua chát thê lương!

- Cô Hai, việc này đã làm cho tôi vô cùng bối rối, nhiều khi tôi xót xa cho nàng, da diết cho tôi mà không làm sao vẹn vẻ đôi bề. Tôi hiểu chân tình A Lìn, nụ yêu đầu đời của thời con gái. Thật trắng trong thanh cao vô ngần, chỉ biết yêu và dâng hiến trọn vẹn. Chẳng ngại thị phi, không màng môn đăng hộ đối! Những ai đã từng lâm cảnh tình yêu một chiều, sẽ thông cảm sâu xa cho những kẻ bất hạnh này. Trái tim sẽ vụn vỡ, đau đớn ê chề. Ruột tái tê đứt từng đoạn ruột. Nhớ nhung nhưng nhớ

âm thầm mà người thương như xa xôi ngàn dặm, chẳng đoái hoài đến kẻ cuồng yêu...! Rồi những đêm trường tịch mịch, tự ẩn mình nơi xó xỉnh nào đó, để cho con tim tự do cấu xé. Lăn lộn vật vã trên giường, ghì chặt chiếc gối ôm. Mặc cho đôi dòng lệ tuôn chảy nhạt nhòa gối chăn...Khi mơ hình tưởng bóng, lúc sẫm soi kỷ niệm từng trao, thậm chí nâng niu chiếc áo sờn vai, chiếc khăn tay còn sức mùi mồ hôi mà hôn hít...Tôi hiểu, tôi cảm nhận được mối chân tình này. Nhưng tôi không thể nào chấp nhận được vì tôi không muốn làm cho A Lìn phải chịu đau khổ nhiều hơn! Nói cho cùng, với cái hiện tại của tôi, tôi không thể và chẳng thích thú về chuyện này, mong cô Hai thông cảm bỏ qua cho.

Quan đã im bật từ lâu mà cô Hai vẫn còn triển miên suy gẫm, hồi lâu, cô mỉm cười:

- Thôi ta tạm gác chuyện đó lại đi, bây giờ xin anh giúp tôi một việc có được không?

- Cô dạy quá lời rồi, có khi nào mà tôi chẳng sẵn sàng nghe theo cô đâu, cần gì xin cô cứ nói. Dù hái sao trên trời cho cô, tôi cũng chẳng từ nan mà.

- Khoan hãy hứa vội, việc này quan trọng lắm, không phải bình thường đâu.

Vì đã hoàn toàn đặt trọn niềm tin nơi cô Hai, nên Quan không cần suy nghĩ, thẳng thắn:

- Đối với cô Hai, tôi không thấy chút gì trở ngại cả, xin cô tự nhiên cho.

Cô Hai cười rạng rỡ:

- Không hối hận?

- Không hối hận chút nào, miễn là được làm việc cho cô Hai.

Nụ cười khả ái trên vành môi, ánh mắt trìu mến đậm đà lướt nhìn Quan. Khiến Quan như cây khô héo hắt cằn cõi từ lâu giữa lòng sa mạc, hứng được giọt cam lồ phần tử hồi sinh...Giọng nói trong trẻo, ngọt ngào du dương như rót mật vào tai, như thông reo vi vút, cô Hai chấm rãi:

- Chẳng nên tin người ta thái quá, chợ đời muôn mặt khó lường, khi chưa biết rõ việc gì, nên thận trọng là hơn. Lần này

tôi nhờ anh làm công việc ở xa thành phố đó, anh thấy thế nào?

Hai tiếng “người ta” không cần biết cô Hai ám chỉ ai, người đời hay chính cô. Quan cũng cảm thấy nó gần gũi, nó thân thương làm sao, thật ấm lòng khôn tả... Tuy lòng Quan đã chết, trái tim yêu đã chảy cạn máu hồng. Nhưng lạ làm sao, trước cô Hai thì niềm mơ ước viễn vông lại len lén trào dâng tràn huyết quản. Nếu cô Hai muốn gió, Quan sẽ huýt sáo gọi gió về, vén màn trời cho gió thổi vi vu, nhặt lá vàng thả rơi từng chiếc cuộn bay theo chiều gió nghe rì rào cho thêm khởi sắc. Nếu cô Hai muốn mưa, Quan sẽ âm thầm gộp những cụm mây lang thang, chất chồng thành đụn, cho mưa tuôn xối xả khắp trần hoàn, cho tâm hồn mọi người tươi mát, cho cô Hai phỉ dạ tươi cười... Hơn nữa, cuộc sống giữa Sài Gòn phải bon chen, tranh đấu mạnh được, yếu thua, tình đời tráo trở trần đen! Nghe đi xa Quan càng cảm khái, nhớ nhung bầu không khí trong lành thuở thiếu thời mặc tình hít thở... Tâm đã định, ý đã quyết, nên Quan mạnh dạn:

- Lâu rồi, tôi khẩn định, việc của cô Hai là việc tôi, cho dầu phải đi đâu, làm gì, miễn cô vừa lòng đẹp ý là tôi chẳng từ, xin cô an tâm phân bổ dặn dò.

- Việc này tuy không nguy hiểm đến tính mạng, hay tổn kém của tiền. Nhưng mệt nhọc, vất vả vô cùng, đòi hỏi sự nhẫn nại kiên tâm trì chí, liệu anh có kham nổi không? Chẳng nên miễn cưỡng, anh nên suy nghĩ tận tường rồi hãy quyết định, để tránh sự hối tiếc về sau, anh không vui, tôi cũng chẳng thích!

- Xin cô Hai hãy an tâm, việc gì người ta làm được, tôi sẽ làm được. Hướng chi việc này do cô Hai quyết định tôi càng vững tin không bao giờ sai lầm.

- Thấy anh hạ quyết tâm như vậy, tôi rất vui mừng. Ngày mai anh giao tất cả công việc của anh lại cho em Hùng, còn anh đi mua một chiếc xe ba gác (xe ba bánh) mới, bỏ thêm mỡ vào các đùm xe cho trơn tru, để chạy được nhẹ nhàng. Sáng sớm ngày mốt tôi sẽ cùng anh lên đường. Bây giờ chúng ta cũng còn được chút thời gian, anh có thể giải quyết tất cả những gì còn tồn đọng, nhân thế tạm biệt bạn bè. Nhớ nếu có gì thay đổi hoặc trở ngại, anh cho tôi hay liền để kịp thời bổ cứu nha.

- Chắc không có chi đâu, cô an tâm, tôi sắp xếp nhanh chóng và gọn gàng lắm.

Cô Hai nhìn quan thân thiết:

- Giờ anh có thể đưa tôi đi chợ Bình Tây được không?

- Xin mời cô Hai.

Hai người bước vào sạp vải, mùi cay nồng nực xông lên mũi, nhưng cô Hai không e ngại sấn tới ngắm nghía, sờ soạng từng cuộn vải:

- Anh Quan nè, anh mua ba xấp vải quần tây và sáu chiếc áo sơ mi đi. Anh cứ chọn lựa màu sắc và loại hàng, tùy sở thích.

- Quần áo tôi có đủ mặc rồi mà cô Hai.

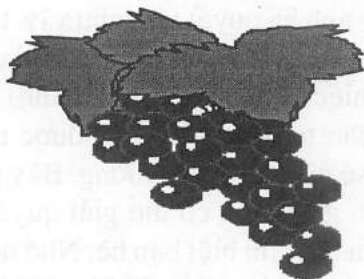
- Đi về quê không có vải tốt, thợ may lại không khéo bằng Sài Gòn đâu, hãy tin tôi đi. À, mua thêm một quần tây trắng để mặc với áo dài the xanh có in đồng tiền vàng. Anh sẽ sử dụng trong những ngày lễ quan trọng, và đừng quên chọn luôn hai bộ “complet” nữa nha.

Quan vừa chọn hàng vừa suy nghĩ, có lẽ cô Hai sắp giao công việc quan trọng. Phải tiếp xúc nhiều người trong giới thượng lưu, nên chuẩn bị quần áo đầy đủ. Đặc biệt thấy cô Hai quan tâm từ chút, nên lòng lâng lâng sung sướng. Không còn biết đất trời gì cả, chỉ vâng vâng dạ dạ làm theo như cái máy.

- Xong rồi cô Hai.

- Anh chịu khó đem lại “Nowa” cho người ta may giúp đi.

(còn tiếp)



Cô Gái Việt và Người Chiến binh Mỹ

Truyện dài tình cảm xã-hội của NGÀNH MAI

(tiếp theo các kỳ trước)

Quỳnh Chi vừa nói dứt câu đó, thì tất cả cán bộ cấp lớn cấp nhỏ ngồi ở 2 bàn đều bất ngờ, họ ngưng lại không nhìn vào hồ sơ nữa mà hướng mắt về cô. Và bây giờ thì người cán bộ ngồi giữa, mà có lẽ cũng là người cấp lớn nhất ở đây, ông ta nhìn thẳng cô rồi lên tiếng hỏi câu đầu tiên:

- Chồng của cô! Bao giờ?

- Trong thời gian tôi học ở Sài Gòn, đơn vị của anh ở Hậu Nghĩa và mỗi tuần đều có đi Sài Gòn gặp tôi.

- Cô đi học mà sao lại quen với Mỹ?

- Tôi quen vì muốn được học Anh Văn, anh ấy đã dạy tôi tiếng Mỹ và thời gian sau đó tuy chưa cưới hỏi, nhưng tình cảm giữa anh ấy với tôi coi như vợ chồng.

- Có chuyện như vậy à?

- Thưa đúng như vậy! Trong thời gian quen nhau tôi có kể cho anh nghe về nhà cửa ruộng vườn của tôi ở Gò Chai, do đó những lần hành quân đi ngang anh đều có dừng lại tại phần đất đó. Mỗi lần như thế đều có kể lại cho tôi nghe và năm đó tôi nghĩ hèn về quê anh cũng biết.

Quỳnh Chi khai đến đây, các người cán bộ đều nhìn vô tờ giấy trước mặt của mình trở lại, có lẽ họ dò lại xem những lời cô gái vừa nói có ghi trong đó không.

Quỳnh Chi nói tiếp:

- Thế rồi trong một cuộc hành quân anh bị thương, đơn vị bị tan rã nên đành nhắm liều chạy về hướng Gò Chai ẩn trốn trong phần ruộng của tôi, vì anh nghĩ rằng chắc chắn có tôi ở đó. Khi nhìn thấy người yêu mà tôi đã coi như là chồng rồi thì làm sao tôi có thể bỏ được! Ở vào hoàn cảnh đó tôi phải săn sóc và che giấu.

Người cán bộ ngồi giữa nói:

- Tại sao tên giặc Mỹ ấy là chồng mà cô không nói cho ai biết hết, cả xóm đều không biết?

- Một người con gái khi quen biết với người trai nào, thì đâu có dám thổ lộ với ai, hơn nữa lại là người Mỹ nên tôi đã giấu với hầu hết mọi người, kể cả cha mẹ của tôi luôn.

- Cha mẹ cô cũng không biết à?

- Đối với cha mẹ tôi lại càng giấu nhiều hơn!

Quỳnh Chi nói và trả lời đều không hề vấp vấp hay suy nghĩ lâu, khiến các cán bộ ngồi trên bàn xét xử đã lưỡng ước, bán tin bán nghi.

Viên cán bộ ngồi giữa cầm xấp hồ sơ lên coi đi coi lại một hồi, rồi đưa ngón tay ra hiệu cho chú du kích mang súng AK. 47 đứng ngoài, thì người này liền đi ra phía bên kia tấm vách, nơi các người cán bộ bước ra khi nãy. Không đầy một phút cậu ta trở lại có Năm Trồn theo sau.

Năm Trồn vào tới thì người cán bộ chỉ cho anh ta ngồi ở chiếc bàn đầu của dãy bàn học trò, là chỗ ngồi có thể nhìn thấy tất cả mấy người cán bộ và luôn cả với Quỳnh Chi. Cô thấy Năm Trồn đi vào mà trong bụng căm tức lẫn khinh khi, nên vừa thoáng thấy hắn là cô day đi chỗ khác, mặc dù lúc đó anh ta đang ngó ngay vào cô.

Viên cán bộ ngồi giữa nhìn Năm Trồn hỏi:

- Trong tờ báo cáo của anh không có nói gì về việc cô Quỳnh Chi có chồng Mỹ, nhưng ở đây cổ lại khai tên Mỹ ấy là chồng! Vậy sự thật ra sao, yêu cầu anh nói ra!

Năm Trồn nói:

- Thưa các anh! Cô Quỳnh Chi là phản động, đã nói dối để chạy tội, chứ cổ không hề có chồng Mỹ bao giờ, tôi cam đoan với cách mạng đúng như vậy!

- Anh có chắc không? Chứ cổ vừa mới quả quyết chồng của cổ là người Mỹ kia mà!

- Tôi bảo đảm với cách mạng, với nhân dân làm gì có chuyện đó! Nếu như có chồng Mỹ tại sao hôm nay cô lại còn ở đây, mà phải đi về Mỹ chứ!

Người cán bộ vừa gật đầu vừa day sang cô gái:

- Anh nói có lý! Còn cô Quỳnh Chi tại sao cô không theo chồng về Mỹ?

Quỳnh Chi trả lời ngay:

- Sở dĩ tôi không về Mỹ là vì cha mẹ già chỉ có một mình tôi, nếu tôi đi theo thì cha mẹ không còn ai phụng dưỡng nên tôi ở lại.

Quỳnh Chi nghĩ Năm Trốn quả là một tên hèn hạ, muốn lấy cô làm vợ không được đã trả thù bằng cách bịa đặt ra chuyện không hề có để bêu xấu cô. Trước đây đã từng làm cho cô điêu đứng, khổ sở vì mất chỗ mua bán, rồi nay lại còn dă tâm tố cáo để hại cô thêm! Mấy lần trước cô chỉ bị mang tai tiếng và xấu hổ mà thôi, còn lần này là lớn chuyện, nếu người ta buộc tội thì cô phải đành bỏ cha mẹ già chứ còn ai lo đâu!

Tuy tức giận căm gan nhưng cô cố ráng dần lại, không để lộ sự bức tức của mình ra ngoài, bởi biết trong tình huống này nếu gây gổ chỉ thêm thiệt thòi mà thôi, cô chậm rãi nói tiếp:

- Thưa quý ông, tôi xác nhận chồng tôi là người Mỹ, sở dĩ anh Năm Trốn tố cáo tôi chẳng qua vì thù oán đó thôi!

Người cán bộ hỏi ngay liền:

- Thù oán à! Chuyện gì?

- Sáu năm trước anh có đi hỏi cưới nhưng tôi chẳng bằng lòng, vì lúc đó tôi đã quen với người Mỹ là chồng của tôi sau này rồi.

Năm Trốn ngó ngay Quỳnh Chi, cười khi dễ rồi nói:

- Hừ! Việc đi hỏi cưới cô hay là bất cứ nàng con gái nào thì cũng là chuyện rất bình thường, nếu không được cô này tôi đi hỏi cưới cô khác, chứ có gì đâu mà thù với oán!

- Nhưng anh đã có lần đi hỏi cưới tôi và tôi đã dứt khoát từ chối.

- Đồng ý tôi có đi hỏi, nhưng sau đó thì tôi có cô khác liền, cả trăm cả ngàn cô gái chứ bộ có một mình cô sao?

Viên cán bộ nghe hai người đối đáp thì cũng biết một phần nào sự việc đưa đến tờ đơn tố cáo của Năm Trốn, nên hỏi anh ta:

- Vậy là anh đã từng đi hỏi cưới cô này, và cô đã không chịu?

- Dạ có! Nhưng chịu hay không đối với tôi không thành vấn đề gì hết, việc đó tôi đã bỏ qua một bên từ lâu.

Trả lời viên cán bộ xong, Năm Trốn day sang Quỳnh Chi hỏi:

- Còn cô, cô nói tên Mỹ ấy là chồng, tại sao lúc hấn bị thương được đưa lên máy bay trực thăng, cô vẫn ở lại như bao nhiêu người khác? Đã là vợ thì phải đi theo để săn sóc chứ! Cô trả lời cho cách mạng biết đi?

Tuy Năm Trốn hỏi cô, nhưng Quỳnh Chi không trả lời hấn mà day về phía các người cán bộ ngồi ở bàn dài, cô nói:

- Khi anh ấy bị thương được đưa về Mỹ quá nhanh, lúc đó tôi vì chưa có hôn thú nên không thể đi theo được, nên đành ở lại bán thuốc lá để sinh sống qua ngày.

Nói đến đây Quỳnh Chi ngừng lại nhìn Năm Trốn, và riêng hấn ta

khi nghe cô gái khai đến chuyện “bán thuốc lá” thì không khỏi giục mình lo âu, anh ta xuống tinh thần ngay.

Quỳnh Chi nói tiếp:

- Lúc tôi đang bán tại trước một ga ra sửa xe ở đường Hàng Xanh, thì anh Năm Trồn đây (chỉ Năm Trồn đang ngồi) đã đến đó kể chuyện tôi có chồng Mỹ cho người ta nghe. Tôi nhìn nhận nên bị đuổi đi ngay lúc ấy.

Người cán bộ hỏi nhanh:

- Như vậy là bà chủ ga ra nào đó đã biết cô có chồng Mỹ?

- Thưa đúng vậy! Anh Năm Trồn đem chuyện tôi có chồng Mỹ ra nói nơi chỗ đông người và tôi xác nhận, nên liền sau đó tôi bị bà chủ ga ra đuổi đi ngay, không cho ở đó bán thêm một ngày, một giờ nào hết!

- Có gì để chứng minh là cô nói thật không? Có ai làm chứng cho cô không?

- Bây giờ xin quý ông cứ hỏi anh Năm Trồn đây, hay là xin các ông cho đi mời bà chủ ga ra và các người thợ máy đến để làm chứng. Tôi xin nói thêm cũng bởi vì cười tôi không được nên anh Năm Trồn mới thù oán và đi tố cáo, xin cách mạng xét cho tôi, vì tuy là người Mỹ nhưng anh ấy lại là chồng thì làm sao tôi bỏ được!

Riêng Năm Trồn thì khi làm tờ tố cáo cô gái, trong bụng anh ta luôn luôn nghĩ rằng sẽ hại được cô dễ dàng, bởi việc Quỳnh Chi từng cứu giúp, che giấu cho người chiến binh Mỹ cả làng Gò Chai ai ai cũng đều biết, cô không thể chối cãi được. Anh ta sẽ hả dạ vì đã giải quyết được mối hận năm xưa, vừa trả được thù cũ lại vừa có công với cách mạng.

Sau ngày 30-4-75 các người làm chủ nhiều tài sản bao nhiêu thì lại càng lo sợ bấy nhiêu! Có một hai chiếc xe hơi cũng đã lo rồi, thế mà bà Ba Đặng, mẹ của Năm Trồn lại có đến cả chục chiếc xe đồ lữ chớ khách, thì đương nhiên nỗi lo sợ nhiều hơn gấp bội. Ngay khi “Cách mạng vừa vô, trước khi tư sản bị đem ra tố, không biết có ai làm quân sư cho bà không, mà bà ta đã hết sức khôn quý: Mau lẹ đem “hiến” ngay cho cách mạng mấy chiếc xe để chuyên chở gì đó của mấy ngày đầu “giải phóng”, đồng thời Năm Trồn cũng hụ hợ với các tổ chức giải phóng mới được thành lập, mang băng dỏ ở tay đi truy quét “Văn hóa đồi trụy” ở các nhà in nhà sách, và dùng xe đồ của anh ta chở “chiến lợi phẩm” về nạp cho tổ chức. Công tác quá đặc lực nên chỉ mới 3 tuần lễ hấn ta được “biểu dương” rồi sẵn trốn đi tìm Quỳnh Chi để hại luôn.

Trước đây hấn biết cô đã chuyển sang nghề buôn bán rau cải ở chợ

chiều, và cũng biết luôn cả nơi cư ngụ của cô nữa ở xóm sau Sở Trường Tiền, nhưng thấy khó thể phá rối thêm, vì thỉnh thoảng có ông Ký Thân cầm cây đòn gánh đi theo. Mấy tháng đầu ông luôn luôn hiện diện ở nơi cô bán, hẳn thấy khó kiếm chuyện thêm và cũng sợ ông già nổi nóng khệnh đòn gánh, thành thử anh ta “de” luôn, hơn 2 năm nay không dám bén mảng đến nữa.

Hôm nay sẵn dịp “Cách mạng thành công” mà lại mới vừa được biểu dương thành tích, hẳn nhớ liền đến chuyện Quỳnh Chi đã cứu “giặc Mỹ” trong thời chiến tranh. Hận thù việc năm xưa cô đã từ chối kết hôn, đã phản ứng mạnh xô té ngã làm hổ thẹn ở chỗ đông người. Quá cay cú việc ấy nên kể từ đó Năm Trốn luôn luôn ghìm trong bụng, và tới hôm nay thì nghĩ rằng đây là dịp bằng vàng để cho anh ta lập công, đồng thời trả thù luôn. Thật là chỉ giương một mũi tên mà bắn đến hai con nhạn!

Sau thời gian cố tình đi dò hỏi, biết chắc Quỳnh Chi đang ở Hồ C Môn, anh ta đi ngay đến chính quyền địa phương làm tờ tố cáo và đính ninh rằng vì chuyện trên chắc chắn thế nào Quỳnh Chi cũng “lãnh đủ”! Chẳng một chút ngần ngại, anh ta viết rõ chi tiết sự việc ở Gò Chai năm ấy nạp cho Ủy Ban Nhân Dân địa phương.

Bây giờ nghe cô gái khai đến đây thì giật mình, bởi lúc trước anh ta đã đặt điều nói xấu cô tại ga ra sửa xe và trong lúc cãi vã Quỳnh Chi bực tức quá đã nhìn nhận là cô ta có lấy Mỹ nữa, nên liền bị đuổi phải dọn đi ngay, do đó bây giờ nếu đi đến nơi ấy xác minh thì chắc chắn người ta sẽ xác nhận! Anh ta lo âu chưa có điều chi chống đỡ lời tố cáo ngược của cô gái thì viên cán bộ nói:

- Anh Năm có ý kiến gì với lời tố cáo của cô Quỳnh Chi không? Cổ nói rằng anh thừa cổ vì thù riêng do cưới cổ không được!

Năm Trốn chưa tìm được lời nào để bào chữa, người cán bộ hỏi tiếp:

- Anh có thù oán vì đi hỏi cưới mà cổ từ chối không? Và chuyện cô này có chồng Mỹ bị anh bêu xấu có hay không?

Thấy Năm Trốn vẫn chưa nói, viên cán bộ tuy không rõ tình tiết của sự việc như thế nào, nhưng với giọng nói quả quyết của cô gái và thái độ “cứng họng” của Năm Trốn, ông ta cũng hiểu được chuyện xảy ra ở ga ra sửa xe là có thật, ông day qua hỏi Quỳnh Chi:

- Cô vừa khai là vì cưới cô không được nên anh Năm Trốn đã đem việc cô có chồng Mỹ ra bêu xấu ở cái ga ra sửa xe nào đó, chứ không phải thêm một lý do nào khác có đúng như vậy không?

- Dạ thưa đúng như vậy!

Viên cán bộ day xuống Năm Trốn hỏi tiếp:

- Tại sao trong tờ tố cáo anh không đề cập vấn đề đó để chúng tôi xét?

Năm Trồn không ngờ lại bị cô gái khôn ngoan “lật ngược thế cờ”, nếu mà không xác nhận chuyện ở ga ra sửa xe, đường Hàng Xanh lúc trước, thì khi họ đến đó xác minh ra sẽ bị tội nặng, còn như trả lời có thì phải làm sao đây? Rõ ràng là “gây ông đập lưng ông”! Anh ta quá chủ quan mà chẳng tiên đoán được rằng, chuyện cố tình nhục mạ làm cho Quỳnh Chi mang xấu hổ trước đây, hôm nay lại là cái hàng rào vững chắc che chở cho cô; đồng thời cũng là vũ khí vô cùng lợi hại đánh trả lại một cách hữu hiệu. Anh ta than thầm trong bụng bằng tiếng lóng: Phen này chắc là “lãnh thọ” rồi!

Tuy vậy Năm Trồn cũng ráng chống đỡ, hấn áp úng nói:

- Thưa các anh việc đó là có, nhưng lúc ấy chưa chắc gì tên Mỹ kia là chồng của cô Quỳnh Chi.

- Chuyện đó chúng tôi sẽ xét, còn anh thì vấn đề quá rõ ràng! Khi này anh chắc chắn là cô Quỳnh Chi không có chồng Mỹ bao giờ! Anh cam đoan như vậy, rồi giờ đây cố khai là chính anh đã từng đem chuyện cố có chồng Mỹ ra bêu xấu và có người làm chứng. Rồi cũng anh lại mới vừa xác nhận chuyện đó cũng là có nữa, như vậy thì nghĩa là sao?

Ngưng lại một chút thấy Năm Trồn vẫn chưa có lời đối đáp, viên cán bộ nói tiếp:

- Anh tố cáo cô Quỳnh Chi không phải vì nhân dân, không phải vì cách mạng, mà là vì tư thù thấy rõ, vậy sau khi xong việc này sẽ xử lý việc của anh sau!

Rồi day trở lại Quỳnh Chi, người cán bộ nói:

- Cô có thể ra ngoài nghỉ một chút, lát nữa sẽ tiếp tục làm việc.

Thật ra thì họ cho Quỳnh Chi ra ngoài để “nghỉ án” và khoảng nửa giờ sau cô được gọi vào ngôi chỗ cũ nhưng không thấy Năm Trồn.

Viên cán bộ ngồi giữa nói:

- Theo lời khai của cô vừa rồi, cách mạng nhận thấy cô không phải là người chống lại nhân dân, mà là do tình cảm. Xét về lý thì cô cũng đã phạm tội, nhưng “Chính sách của cách mạng là khoan hồng nếu thành thật khai báo”! Vấn đề của cô sẽ được “nhân dân” xét trở lại nếu thấy cô còn giấu diếm. Bây giờ cô có thể ra về và chờ đợi chính sách ở trên đối với những người có chồng Mỹ, rồi hãy xét cho trường hợp của cô.

Quỳnh Chi được liệt vào thành phần các phụ nữ có chồng Mỹ nên yên thân, bởi sau 30-4-75 các cô các bà có chồng Mỹ thật là

tốt số, tuy rằng “gần gũi” với người Mỹ nhất, nhưng không phải đi cải tạo ngày nào. Chỉ rủi cho các bà các cô là không còn đô la đỏ, đô la xanh nhiều để ăn xài phung phí như thời kỳ vàng son, lúc trên nửa triệu quân nhân Hoa Kỳ có mặt ở Miền Nam Việt Nam.

Thế là hú hồn! Quỳnh Chi được tha và ra về...

Thật ra thì những người cán bộ xét xử cũng không hoàn toàn tin vào lời khai của Quỳnh Chi, nhưng vì việc này rất nhỏ và đã lâu. Hơn nữa chẳng có thiệt hại gì, cũng không có chết chóc người nào cả, mà việc này ai ai cũng thấy rõ kẻ tố cáo vì thù cá nhân. Nếu buộc tội cô gái thì sao khỏi mang tiếng là giúp cho Năm Trốn trả được tư thù? Vả lại họ còn phải lo nhiều việc lớn hơn, nhất là tại địa phương này hiện có một số đông “ngụy quân, ngụy quyền” gồm cả sĩ quan, viên chức chính quyền chế độ cũ đã ra trình diện và đang chờ “chính sách học tập cải tạo”. Còn cô gái yếu đuối này có “kỳ lô” nào đâu so với các đối tượng trên. Nếu bắt giữ cô bây giờ sẽ “bứt dây động rừng”, do đó mà Quỳnh Chi được “Tha Tào” luôn! (Từ ngữ Tha Tào xuất phát từ trong truyện Tam Quốc Chí)

VƯỜN CAU Ở BÀ ĐIỂM HỐC MÔN

Sau ngày xảy ra chuyện bị tố cáo đưa ra trước Ủy Ban Nhân Dân, Quỳnh Chi vẫn hằng ngày ra chợ chồm hổm ở gần nhà mua bán rau cải, cùng cha mẹ sống đắp đổi qua ngày. Tuy cô chưa có chồng nhưng dân chúng ở vùng này ai cũng đều nghĩ rằng cô đã từng có chồng ngoại quốc, bởi trước mặt Chính Quyền cô xác nhận là mình có chồng Mỹ! Do đó với một xã hội còn quá đặt nặng thành kiến bảo thủ, quá khắt khe với những người con gái có chồng Âu Mỹ, nên Quỳnh Chi phải lãnh chịu mọi tai tiếng đổ dồn về cô. Từ trước đến giờ những người có chồng Tây chồng Mỹ, dường như ai cũng phải chịu ảnh hưởng bởi thành kiến hẹp hòi này một cách trực tiếp hay gián tiếp, vì thế Quỳnh Chi cũng không tránh khỏi mũi giùi quai ác kia.

Trừ những lúc cô hiện diện tại chỗ thì thôi, bằng như không có mặt thì mỗi khi đề cập đến cô, thiên hạ thường hay nói: Rau cải của cô gái lấy Mỹ hôm nay nhiều quá, ít quá, tươi quá, héo quá! Hoặc cô có chồng Mỹ hôm nay bán rẻ quá! Mắc quá v.v... nói tóm lại họ dùng

câu “*Cô gái lấy Mỹ*” hay “*Cô gái có chồng Mỹ*” thay thế cho cái tên Quỳnh Chi để chỉ cô, rồi dần dà lâu ngày cô mang danh luôn.

Đối với gia đình ông Ký Thân và riêng đối với Quỳnh Chi lúc đầu cũng rất bức mình vì lối gọi thế đó, nhưng riết rồi cô và cha mẹ cũng coi thường sự đặt tên một cách miệt thị kia, và cũng chẳng cần chú ý đến các lời kêu tên vô ý thức ấy làm gì. Tuy vậy nhưng nhờ có nhan sắc trời cho cùng tính tình hiền hậu, ăn nói dễ thương, Quỳnh Chi vẫn được nhiều thanh niên ở vùng này mang trầu rượu đến hỏi cưới đàng hoàng. Các chàng trai Bà Điểm, Hóc Môn chẳng màng đến những lời đồn đãi về cô, cũng chẳng chú ý đến việc cô còn con gái hay đã từng có chồng! Do đó mà các cô đồng trang lứa ở quanh đây cũng ganh ghét, bởi các cô chẳng hề mang tai tiếng nào lại không được giới thanh niên “chiếu cố” nhiều như cô. Nhưng tất cả mọi cầu hôn của họ đều bị từ chối, mà ngay cả cô cũng không biết là mình từ chối vì lý do nào! Vì không yêu được chăng? Hay là cô còn thương yêu Bill và vẫn nghĩ đến chàng? Một thanh niên Mỹ đã từng làm cho trái tim cô rung động, dù rằng sau khi chia tay vào cuối tháng tư 1975 đến nay, cô không nhận được một tin tức nào của Bill cả. Cũng có thể vì trải qua những biến động bất ngờ trong cuộc đời, những cay đắng dồn dập đưa đến nhiều đến nỗi làm cho tình cảm cô nguội lạnh, và trái tim cô ngày nay đã trở thành chai đá! Cô và cha mẹ đang sống trong căn nhà khang trang, sạch sẽ, có vườn cây xanh mát do Bill đã tậu ra, thì làm sao cô có thể quên nhanh hình bóng người chiến binh Mỹ, mà sau ngày lâm nạn được cô cứu giúp, đã khổ công tìm kiếm và giao trọn tâm hồn cho cô?

Còn riêng ông bà Ký Thân thì kể từ ngày Bill về nước đến nay, cả hai người thường nhắc nhở, nhất là bà mỗi khi đề cập đến những gì liên quan đến căn nhà hay vườn tược thì thường hay nói: “Phải chi có thằng Bill ở đây nó sẽ hái cau giùm cho cha mấy” hoặc “nếu có thằng Bill nó sẽ giúp cha mấy làm cái này, cái kia”...

Hóc Môn, là quận ngoại thành, cách trung tâm Thủ Đức Sài Gòn 20 cây số, một nơi nổi tiếng có nhiều trầu cau nên xưa kia vùng này có tên là “18 Thôn Vườn Trầu”. Khoảng gần 2 thập niên trở lại đây, trên khắp địa bàn của quận mọc lên rất nhiều hãng xưởng sản xuất do tư nhân làm chủ như: Hãng dệt vải sợi, hãng sản xuất bột ngọt, nhà máy chế tạo đồ nhựa, đồ nhôm v.v... Nhờ vậy dân chúng quanh vùng đã được thu nhận vào làm công nhân, đem lại đời sống đầy đủ cho một số người có chùn trong các cơ sở sản xuất nói trên. Nhưng vào các ngày cận 30-4-75 đa số chủ nhân và chuyên viên kỹ thuật thiết

yếu đã bỏ đi nước ngoài, khiến hàng vạn nhân công thất nghiệp. Ban lãnh đạo mới, vào tiếp thu cơ sở chỉ quản lý được tài sản, máy móc và nhân viên thường mà thôi, do đó các hãng không hoạt động sản xuất được. Cũng như một số hãng xưởng mà trước đây nguyên liệu chính để sản xuất phải nhập cảng từ nước ngoài bằng ngoại tệ viện trợ, giờ đây nguồn nguyên liệu, hóa chất không còn được cung cấp, phải đình chỉ hoạt động. Công nhân đương nhiên nghỉ dài hạn, đa số phải bỏ hãng đi tìm sống vào các nghề tạm bợ khác, một số ít còn lại đến hãng xưởng làm việc cầm chừng chờ thời...

Tình trạng bấp bênh như thế đã ảnh hưởng dây chuyền đến đời sống mọi người dân ở vùng này, và dĩ nhiên việc mua bán của Quỳnh Chi làm sao khá được, cô làm công việc quần quật suốt ngày vẫn thiếu trước hụt sau! Mỗi ngày từ khuya đã thức dậy, hừng sáng ra là cô có mặt ở chợ, cho đến trưa đứng bóng mới về nhà, vừa buông gánh ra là bắt tay ngay vào việc lo cơm nước cho bữa trưa. Kể đến xế chiều thì lại chuẩn bị rau cải cho buổi chợ ngày mai, tóm lại là cô làm không ngơi tay từ khi trời chưa sáng cho đến lúc đỏ đèn, và cứ như thế từ tháng này qua năm khác, cô chẳng có một ngày nghỉ ngơi nào hết! Nhưng năm nay nhờ có hơn 50 cây cau trong vườn đã bắt đầu cho trái, cau lại bán có giá không thua bất cứ loại trái cây nào, nên đã giúp gia đình cô vượt qua được những khó khăn thiếu thốn.

Hôm nay đang giữa mùa mưa, hầu hết các cây cau sau nhà đều chín rộ, bà Ký Thân thuê người bẻ đến mấy chục quày cau, mỗi quày trên dưới 200 trái (người dân địa phương gọi là buồng cau hay nhánh cau). Đây là một nguồn lợi tức đáng kể, cần yếu cho gia đình bà, bởi lúc này việc làm ăn mua bán hết sức khó khăn, mọi hàng tiêu dùng thì đắt đỏ, vật giá leo thang từng ngày...

Bây giờ khoảng 8 giờ tối cả nhà đang quây quần ở nhà dưới, Quỳnh Chi cùng bà mẹ đang sắp xếp mấy quày cau cho gọn lại và ông Ký Thân thì đang nằm trên chiếc võng giăng chéo ngang ở một góc nhà. Nhìn thấy những quày cau chất đầy dưới nền nhà lát gạch bông, ông Ký Thân vui vẻ nói:

- Thiệt là nhờ thằng Bill nó mua nhà, lại thêm đất rộng có sẵn đám cau sai trái này đây, chứ nếu không thì tôi với bà chẳng biết lấy chi mà sống trong lúc này.

Bà Ký Thân cũng nói:

- Luôn cả tiền uống thuốc nữa cũng là do mấy quày cau đem lại, bởi vậy mỗi lần hái cau là tôi nhớ thằng Bill quá!

- Tội nghiệp lúc đó nó năn nỉ xin làm đám cưới, mà tôi cứ tưởng sớm

muộn gì tình hình cũng yên trở lại nên cứ chần chờ.

- Chắc cũng tại số của con Quỳnh Chi phải lận đận, phải chịu dang dở nên mới khiến cho tình trạng đất nước xảy ra như vậy đó ông!

- Hề nhớ lại lúc đó là tôi ân hận, không biết thằng Bill nó có oán giận tôi không?

Quỳnh Chi đang cắt những cọng nhánh rìa của một quày cau, nghe ông Ký Thân nói như tự trách mình, cô lên tiếng để cho cha không phải nghĩ như vậy:

- Ảnh không có giận hờn gì đâu, bởi lúc đó cha đã cho phép rồi, nhưng tại vì con không đi nên mới có sự chia cách ngày hôm nay.

Ông Ký Thân vỗ đùi:

- Tức quá! Phải như biết được có tình trạng như vậy thì cha đã cho làm đám cưới trước đó một thời gian cho con được yên bề, khi ấy dù muốn dù không con cũng phải đi theo nó, thì ngày nay cha đâu có phải ân hận.

- Tất cả đều do bởi định số hết đó cha, ai mà học được chữ ngờ...

Rồi ngày qua tháng lại đã hơn hai năm mà tin tức Bill vẫn biến biệt, cả nhà rất lo lắng, nhưng không ai dám nói ra những điều không may cả. Rồi bỗng một ngày kia có lần cả nhà đang ăn cơm, tự nhiên ông Ký Thân dừng đĩa lại nói:

- Thằng Bill về Mỹ không biết có còn mạnh giỏi hôn mà bật tin luôn, tôi lo quá!

Bà Ký Thân nói:

- Mấy ngày nay tôi thấy ông không được vui, bây giờ lại nhắc đến thằng Bill, ông có nghe gì không vậy?

- Tôi lo sợ thằng Bill nó chết trong lúc di tản!

Bà Ký Thân trách ông liền:

- Trời! Sao ông nói bậy quá, bộ con người dễ chết lắm sao?

- Lâu quá không có một tin nào của nó hết nên tôi nghi như vậy thôi.

- Trước đây bị thương giữa chiến trận, kẹt trong vùng của đối phương cả 10 ngày mà thằng Bill còn không chết, chẳng lẽ bây giờ đi máy bay đang hoàng lại chết hay sao?

- Tại bà không biết chứ tôi nghe nhiều lắm!

- Ông nghe thế nào? Có liên quan gì đến chuyện chết chóc không?

- Tôi nghe người ta đồn những ngày cuối cùng của tháng 4-75, trong lúc máy bay ào ạt chở người di tản, có mấy chiếc bị rơi khiến cho có nhiều người mất tích luôn kể từ đó!

- Hồi nào? Mà sao tôi chẳng có nghe gì hết!

- Từ lâu lắm rồi, sau “giải phóng” mấy ngày là nghe tin đó liền, bởi

tôi có đi Sài Gòn tiếp xúc với dân chúng lao động, mấy người bạn hàng mua gánh bán bưng, giới bình dân này họ rất nhạy bén các tin tức trên, nhứt là giới xích lô ba bánh, chuyện gì xảy ra ở đâu cũng đều biết hết!

- Sao hồi đó đến giờ tôi không nghe ông nói đến chuyện này lần nào?

- Nói ra làm chi, bởi tôi chưa nắm vững gì hết, nói ra chỉ làm cho bà lo thêm thôi.

- Về đây tôi cứ mãi ở trong nhà nên có nghe thấy gì đâu, ông ra ngoài tiếp xúc với người ta biết được nhiều chuyện quan trọng như vậy, thế mà ông im luôn, không hề mở miệng nói ra cho tôi biết với.

- Vì tôi nghĩ nói cho bà nghe mấy chuyện xui xẻo đó chẳng ích lợi gì cả.

- Vậy ngoài chuyện đó ra, còn có việc gì nữa không mà ông lo cho thằng Bill?

- Nhiều lắm! Họ còn kể lại là có chiếc máy bay chở đám cô nhi di tản bị rớt, gây cho hàng trăm trẻ em mồ côi thiệt mạng nữa!

- Trời ơi! Có chuyện thương tâm ấy sao?

- Chuyện đó thì chắc chắn là có, thiên hạ nói rất nhiều, chính tôi đây cũng có nghe đài phát thanh ngoại quốc loan tin.

Nghe câu đó, bà Ký Thân buồn bã thở dài, liên tưởng đến số phận của những trẻ em mà cuộc đời bất hạnh chẳng khác chi là bà đây. Đang cầm nhánh cau trên tay để cắt, bà buông xuống rồi bùi ngùi nói:

- Đã khổ như vậy rồi mà tai ương lại giáng xuống thêm!

Nghe cha đã nói ra việc trên, Quỳnh Chi lên tiếng:

- Lúc đó con cũng có nghe nhiều người bàn tán như vậy, nhưng con cũng không dám nói cho mẹ biết.

Bà Ký Thân lắc đầu:

- Cả hai cha con cũng đều thiệt là kỳ, cứ nói ra chứ có gì đâu mà giấu!

- Tại tính mẹ hay lo, con sợ nói ra rồi vì lo lắng cho anh Bill, bận tâm quá có thể mẹ bệnh nặng trở lại nên con không dám nói.

- Lo là có lo, nhưng mẹ tin chắc rằng hiền lành như thằng Bill thì thế nào Trời Phật cũng che chở, không đến nỗi nào đâu!

Quỳnh Chi biết mẹ cô thương Bill như là con vậy, tuy bà nói thế chứ làm sao khỏi lo âu được nếu nghe phải các tin trên...

Hai năm đầu kể từ ngày dọn về đây ở, ông Ký Thân còn đi đây đi đó, có lúc thì đi chợ Hốc Môn, chợ Bà Điểm chuyện vãn với dân chúng

địa phương mới quen lúc sau này, đôi lúc thì cũng xuống Sài Gòn, Chợ Lớn gặp mấy người quen cũ hỏi thăm những diễn biến sau cuộc đổi đời và luôn tiện mua món này cho vợ, món nọ cho con, bằng không đi đâu xa thì cũng ngồi tiệm cà phê, nói chuyện linh tinh với các người lối xóm cho đỡ buồn, cho khuây lãng. Nhưng kể từ giữa năm 1977 trở đi vì sức yếu ông không còn đi bên ngoài nữa, chỉ quanh quẩn trong nhà và ngoài vườn cau, ông thường hay ngồi uống trà hút thuốc, ngắm nhìn bầy chim “dòng dọc” làm tổ trên tàu lá mấy cây cau ở sau nhà. Có lẽ do tuổi già một phần và cũng do suốt một đời lận đận lao đao, sự nghiệp tạo dựng nhiều năm trong phút chốc phải đành mất hết! Tai biến bất ngờ rơi xuống, gây cho gia đình khổ sở liên tục, do đó đã làm cho ông quá chán nản, sức khỏe mỗi ngày một yếu đi và lâm bệnh qua đời năm 1978.

Sau ngày ông mất, hai mẹ con bà Ký Thân rất khốn đốn, bao nhiêu tiền bạc dành dụm trong nhà đã lo chạy thuốc thang cho ông, và khi làm đám ma xong thì trong nhà chẳng những không còn đồng nào lại còn thêm mắc nợ! Mẹ con bà Ký Thân ráng chịu đựng lây lất qua ngày và đến đầu mùa mưa năm sau thì gia đình đã đỡ khổ: Vườn cau khoảng 50 cây ở sau nhà đã đến mùa cho trái, đồng thời những dây trầu xanh tươi bò quanh gần phân nửa số cây cau cũng sắp sửa cho lá.

Hôm nay vào một buổi trưa nắng, bà Ký Thân cùng Quỳnh Chi đang chăm sóc vườn cau cùng các dây trầu, bà rất vui khi biết chắc cau trầu sẽ giúp bà có tiền để trang trải nợ nần, cũng như mua thêm những thứ cần thiết. Tuy tay thì làm việc, nhưng đầu óc lại nhớ đến Bill, bà bùi ngùi:

- Ngày cha con mất không thấy mặt thằng Bill, rồi đây tới ngày mẹ nhắm mắt chắc cũng không nhìn thấy nó luôn!

- Con nghĩ thế nào ảnh cũng trở lại thăm mình đó mẹ!

- Mẹ mong cho nó mạnh giỏi để trở lại đây nhìn thấy vườn cau quá sai trái, năm nay trúng mùa nên cây nào cũng đầy ắp những trái cau xanh bóng!

Quỳnh Chi nói:

- Cũng nhờ anh Bill đã chọn mua nhà ở vùng Hóc Môn, Bà Điểm này là nơi nổi tiếng có nhiều trầu cau, chứ nếu ảnh mua nhà ở chỗ khác thì mấy năm nay chẳng biết gia đình mình ra sao nữa đó!

- Bởi vậy nếu có thằng Bill ở đây, mẹ sẽ hỏi nó ở bên Mỹ có ăn trầu hay không, mà lại chọn mua nhà vườn đất ở vùng 18 thôn vườn trầu này!

Nói xong bà và Quỳnh Chi cùng cười, rồi tiếp tục chăm sóc vườn cau...

CAO SƠN TỰ GÒ DẦU TÂY NINH

Sau nhiều tháng căn bệnh cũ tái phát, bà Ký Thân với dáng người yếu đuối, gương mặt hốc hác xanh xao, được Quỳnh Chi dìu ra gần vườn cau phía sau nhà và cô nhẹ nhàng đỡ bà nằm xuống chiếc ghế dựa giữa có gác chân, loại ghế thường dùng cho người bệnh nằm. Cạnh đó có chiếc bàn nhỏ cũ kỹ cùng hai cái ghế đôn, chỗ mà trước đây ông Ký Thân thường hay ngồi lai rai uống trà, ngắm vườn cau và phì phà đôi ba điếu thuốc rê Gò Vấp.

Đỡ mẹ nằm xuống xong, Quỳnh Chi vào nhà bưng chiếc mâm có đựng mấy chai lọ thuốc và một ly nước trà nóng ra để trên chiếc bàn, rồi cô ngồi xem đi xem lại cái toa chuẩn bị lấy thuốc cho bà uống.

Không còn mạnh khỏe như trước, bà Ký Thân với giọng nói nhỏ yếu:

- Quỳnh Chi con!

Cô gái đi lại ngồi kể bên mẹ:

- Thưa mẹ con nghe!

- Mẹ biết sức khỏe của mẹ nhiều, đây là những lời mẹ muốn trần trời lại với con.

Mắt đăm đăm, Quỳnh Chi nói:

- Xin mẹ nói, con nghe đây!

Ngừng một chút chờ Quỳnh Chi đưa thuốc và ly nước, uống xong bà nói:

- Nếu sau này thằng Bill có về, con nói với nó rằng mẹ mong muốn hai đứa nên duyên chồng vợ, như cha mẹ đã tác hợp và từng cho phép con được đi theo nó vào cuối tháng 4-1975.

- Xin mẹ an lòng dưỡng bệnh, nếu gặp anh Bill, con sẽ kể lại lời mẹ nói hôm nay.

- Còn một việc nữa, con hãy nghe để mà làm sau này!

- Dạ! Con ghi nhớ lời mẹ dạy, xin mẹ hãy nói.

- Hồi hai năm trước lúc cha con còn sống, có người ni sư từ Bà Rịa đến thăm mẹ và ở lại nhà mình 3 ngày, con có còn nhớ không?

- Dạ thưa nhớ! Lúc ấy mẹ cùng với ni sư đi lễ chùa ở Tây Ninh, từ

sáng sớm đến chiều tối mới về tới nhà.

- Phải! Vị ni sư ấy tên Như Liên, là bạn thân của mẹ từ thuở nhỏ.

- Biết nhau từ khi còn nhỏ, hèn gì con thấy ni sư quá thân với mẹ, nhưng thắc mắc tại sao từ khi con còn bé đến giờ, con chưa từng nghe mẹ nói về bà.

- Sở dĩ mẹ chưa nói cho con biết sự liên hệ giữa mẹ với bà, vì nếu nói ra buộc lòng mẹ phải kể lại cuộc đời của mẹ cho con nghe, đó là điều mà cả cha lẫn mẹ đều không muốn.

Quỳnh Chi hết sức ngạc nhiên không hiểu trong cuộc đời của mẹ có gì khác thường, có xảy ra chuyện gì quan trọng mà lại giấu luôn cả con cái, cô thắc mắc hỏi mẹ:

- Bây giờ con đã lớn rồi, xin mẹ hãy nói cho con nghe đi.

Lần đầu tiên tiết lộ với con chuyện này, bà Ký Thân phải ngập ngừng một lúc lâu rồi mới nói lên được:

- Vì mẹ xuất thân từ cô nhi viện!

Bất ngờ và xúc động, Quỳnh Chi nói thật nhanh:

- Viện cô nhi! Mẹ là trẻ mồ côi!

- Đúng vậy đó con.

Quỳnh Chi buồn ngay ra mặt, cô thẩn thờ một lúc rồi nói:

- Nhưng sao từ trước đến giờ mẹ không kể cho con nghe, để đến giờ này mẹ mới nói, nếu biết chuyện đó con chia sẻ với mẹ chứ có gì đâu!

- Cha mẹ sợ rằng con sẽ mặc cảm, vì có một người mẹ xuất thân từ viện mồ côi, rồi con buồn chứ chẳng ích lợi chi.

Quỳnh Chi thở dài:

- Khi còn nhỏ con chỉ nghe mẹ nói lại là ông bà ngoại mất sớm mà thôi, con vô tình không hỏi cặn kẽ!

Ngưng một chút Quỳnh Chi hỏi tiếp:

- Trẻ mồ côi chắc là khổ lắm! Đời sống thiếu thốn nhiều phải không mẹ?

- Điều đó hẳn nhiên, nhất là về tinh thần, tuy vẫn được nuôi sống nhưng làm sao không buồn tủi cho thân phận mình, khi thấy những đứa trẻ khác có cha có mẹ.

- Còn vị ni sư có liên quan gì đến chuyện mồ côi của mẹ?

- Bởi vì mẹ và bà đều sống trong viện cô nhi khi chưa đầy 3 tuổi.

- Viện mồ côi nào hở mẹ?

- Viện cô nhi của Hội Dục Anh ở đường Arras, bây giờ gọi là đường Cống Quỳnh gần chợ Thái Bình đó!

Thỉnh thoảng con có đi ngang Hội Dục Anh và nhìn vào, nhưng đâu

có biết mẹ đã từng sống trong đó!

- Hội Dục Anh được thiết lập cạnh bên một trường học, chỉ cách có một hàng rào thưa nên những năm còn thơ ấu, mẹ và ni sư thường nhìn qua ngói trường, thấy những học trò được cha mẹ đưa đón, được cho tiền ăn quà bánh bày bán trước cửa trường, được ăn mặc quần áo đẹp...

Kể đến đây bà Ký Thân ngậm ngừng, Quỳnh Chi nghĩ có lẽ mẹ cô đang hình dung lại những hình ảnh khi xưa nên cô buồn rầu lắc đầu:

- Con không ngờ từ thuở còn thơ ấu mẹ phải chịu khổ đến như vậy!
- Hằng ngày thấy những cảnh ấy, hai chị em mồ côi làm sao khỏi thêm thương, khỏi tủi thân? Cũng may là nhờ có Hội Dục Anh nuôi mình mỗi ngày hai bữa cơm với thức ăn đạm bạc, được như vậy cũng là phước lắm rồi! Mỗi năm mẹ và ni sư trông cho đến ngày Trung Thu và Tết để được ăn kẹo bánh.

Bà hơi mệt nên phải ngưng lại nữa, Quỳnh Chi rót thêm nước cho mẹ, bà uống xong cô chờ cho mẹ khỏe lại rồi hỏi:

- Những trẻ mồ côi cùng hoàn cảnh có nhiều không vậy mẹ?
- Cả trăm chứ đâu có ít, nhưng đứa nào thì cũng vậy thôi, hội nuôi đến lúc được 13 tuổi là bắt đầu dạy nghề thủ công nghệ như là : Đan giỏ tre, làm nón lá v.v... Con gái cũng có đứa được học may vá thêu thùa, còn con trai thì học các nghề thợ hồ, thợ mộc... và đến năm 18 tuổi thì bắt buộc phải ra ngoài.

- Vậy khi ra ngoài mẹ ở đâu?

- Mẹ may mắn được hội giữ lại cho làm công việc trong hội, được một năm thì gặp cha con, lúc ông làm công chức ở Sở Trường Tiền, đi công tác xây dựng một đề án gì đó, có liên quan đến việc mở rộng con đường ở phía trước văn phòng hội.

- Rồi cha đi cưới mẹ?

- Có lẽ do duyên số nên chỉ gặp mẹ đôi lần là ông nhờ người mai mối đi hỏi cưới, lúc ấy người đại diện của hội đứng ra chủ hôn.

- Thế à! Còn bà ni sư bạn của mẹ sao lại đi tu?

- Cùng một năm mẹ có chồng thì Như Liên được một vị Sư Bà đem vào chùa và đi tu luôn, vì Như Liên mong muốn như vậy.

Quỳnh Chi trầm ngâm suy nghĩ một lát, rồi cô thắc mắc hỏi thêm:

- Ni sư và mẹ đã quen biết nhau từ thuở còn thơ ấu, lại quá thân nữa, nhưng tại sao bà ít đến thăm mẹ hoặc mẹ đến thăm bà, chính con đây cũng chỉ gặp mặt có một lần mà thôi.

- Là người đã xuất gia đầu Phật, Như Liên đối với mẹ tuy là chị em, nhưng mỗi người đều có hoàn cảnh riêng và cuộc sống phải có khác,

(Ngọc Hoàng Thượng-Đế viết Cao-Dài Giáo Đạo Nam Phương

“Ta vì lòng đại từ đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ, tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa-vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhân, cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này.

Than ôi ! điều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mối đạo đức trao thân là phương châm thoát tục, mà lắm kẻ trốn lánh ,bài bác mối Đạo Trời, khua môi, uốn lưỡi mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm như sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nơi chốn A-Tỳ. Ai đặng phước thêm cao trọng , ai vô phần thì trí não vẫn mơ-hồ, nét hạnh đời càng mê muội; biết biết không không luật Trời đã định , phần công quả trả cho rồi thì cảnh u nhân là nơi rước khách tục trong lúc chung qui đó.

Sanh nhằm đời có một đạo chánh chẳng phải dễ, mà bước lên con đường chông gai; lặn vào non thẳm kiếm ngọc lại càng khó; khó dễ nơi lòng, chớ đem thói ám muội mơ hồ vào đường đạo-đức sau ăn năn rất muộn.”

Đàn cơ 06-12-1926

(02-11 Bính Dần)

(tiếp theo trang 175)

dâu có tiếp xúc thường được. Vả lại sau này Như Liên đã đi xa, tu ở một ngôi chùa ngoài Bà Rịa gần bãi biển Long Hải.

- Hồi lúc ni sư ghé thăm, con thấy mẹ cùng với bà đi chùa từ sáng đến chiều tối mới về, mẹ đi chùa nào vậy?

- Như Liên về thăm chùa cũ ở Gò Dầu, Tây Ninh, còn mẹ thì cũng đến chùa đó để cúng đáp lễ việc “cầu con” năm xưa.

- Cầu con năm xưa! Mẹ có đi cầu con?

- Phải! Về sống với cha con hơn 3 năm không có con thì một ngày nọ...

Ngược giòng thời gian, bà Ký Thân bắt đầu kể cho Quỳnh Chi nghe buổi đi “cầu con” tại ngôi chùa Cao Sơn Tự...

còn tiếp)



HIỀN TÀI DỰ PHONG

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại kính mời:

-Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Hiền Tài khóa 6,
-Quý nhân tài trí thức, quý đạo tâm gia nhập và hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại hầu thực hiện nhiệm-vụ Bảo Thủ Chơn Truyền và phát triển Đại Nghiệp Đạo nơi hải ngoại.

Xin xem Tóm Lược Điều-Kiện Gia Nhập và Thể Thức Nộp Hồ-Sơ cùng các mẫu đơn ở những trang sau.

Trân trọng kính mời.

Địa-chỉ liên lạc:

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone / or Fax: 408-238-6547
Email: dutani@juno.com

* **Xin giới thiệu website Ban Thế-Đạo Hải Ngoại:**

www.banthedao.org

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Thất Thập Thất Niên
TÒA THÁNH TÂY NINH

**TÓM LƯỢC ĐIỀU KIỆN
GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO
& THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ**

I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với chức danh Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là *Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh* (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

a- Tốt nghiệp Đại Học trở lên ở Hải Ngoại (bằng B.A., B.S. hoặc tương đương trở lên.

b- Hoặc Sinh viên đang theo học từ năm thứ 3 trở lên (hệ 4 năm) tại các trường Đại Học ở Hải Ngoại.

c- Hoặc Tốt nghiệp các trường College (bằng A.A., A.S. hoặc tương đương) hoặc các trường Cao đẳng chuyên nghiệp ở Hải Ngoại.

d- Tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cựu sĩ quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại úy trở lên, hiện sinh sống ở Hải ngoại.

e- Hoặc Những nhà kinh doanh, nhân sĩ có Đạo Tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3- Đối với các trường hợp (**a, b, c, d, và e**) cần được **sự tiến cử** của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu

Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

II.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có

a-Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI :

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

*Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ: Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

*Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc, chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

b-Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần Trí Thức ở Hải ngoại:

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn vào Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh).

***Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thệ.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2-Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo: Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử , được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo, nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

c-Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Uy trở lên (Trước năm 1975 chưa có cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) :

Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại (Điểm b, Mục II).

d-Đối với những Vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:

-Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.

-Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.

-Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

III - NƠI NỘP HỒ SƠ.

Hồ sơ gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại, địa chỉ:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 OAKBRIDGE DR, SAN JOSE, CA.95121.

Đàn cơ ngày 18-09-1926

(13-08 Bính Dần)

' Các con ! Thầy đã lập thành Thánh Thất ; nơi ấy là nhà chung của các con; biết à !

Thầy lại quy Tam Giáo, lập Tân Luật, trong rằm tháng mười có Đại-Hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à !

Sự tế tự sửa theo " Tam Kỳ Phổ-Độ " cũng nơi ấy mà xuất hiện ra; rõ à !

Thầy nhập lại ba chi làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà. Thầy làm Cha Chưởng Quán; hiểu à !

Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là " Quốc Đạo " hiểu à !

Thầy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à !

Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe. phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy vậy, nghe à !

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại-Hội."

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

(Tiếp theo trang 180)

IV- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

-*HT. Nguyễn ngọc Dũ*:- Tel. hoặc Fax:(408) 238-6547

E-Mail: dutani@juno.com

-*HT. Nguyễn văn Cầu*- Tel : (408) 262-4209 - Fax : (408) 262-294

- E- Mail: caunguyencd@yahoo.com

- *HT. Nguyễn đấng Khích*:-Tel :(408) 924-0763

-E-Mail : tn_ndk@yahoo.com

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Thất Thập Niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

(MẤU A)

PHIẾU GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

(*Hiền Tài Dự Phong*)

1-Họ và Tên : Năm sinh Nơi sinh

2-Quốc Tịch :

3-Địa chỉ : Điện thoại

E-Mail Address (nếu có)

.....Số Fax (nếu có)

4-Trình độ văn hóa Chuyên môn ..

5-Ngoại ngữ

6-Cấp bậc, chức vụ (nếu có)

7-Tình trạng gia cảnh: Độc thân Có gia đình

8-Nhập Môn vào Đạo: Đã Nhập Môn Chưa Nhập Môn

9-Tên họ cha:

10-Tên họ mẹ:

11-Người tiến cử (1) :

a-Tên họ

Phẩm vị : b -Đang hành Đạo tại :

Tôi đề nghị Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại-Ban Thế Đạo xét chấp thuận cho tôi được gia nhập vào Ban Thế Đạo Hải Ngoại với tư

cách Hiền Tài Dự Phong để có cơ hội lập công bồi đức trong cửa Đạo.

Tôi cam đoan tuân hành Quy Chế áp dụng cho Hiền Tài Dự Phong và cam kết tuân lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định v.v.) quyết định phẩm vị Hiền Tài của tôi về sau này

....., ngàythángnăm. . .

..

ký tên

Đính Kèm :

- Bản Photocopy giấy Nhập Môn
- Tờ Tiến cử
- Bản Photocopy Văn Bằng
Hoặc Chứng chỉ Văn hóa, chuyên môn.
- Hoặc Giấy Chứng Nhận có Công nghiệp.

***Ghi chú :**

- (1) Cần ghi đủ danh tánh (02) vị Tiến cử nếu là Chức Việc trong Bàn Trị sự.
- (2) Nếu hợp lệ về Công nghiệp đối với Đạo, được miễn điều kiện văn hóa, chuyên môn quy định.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(*Thất Thập Niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

(MẪU B)

TỜ TIẾN CỬ

1-Họ và Tên người tiến cử :

2-Ngày và năm sinh :Nơi sinh

.....

3-Địa chỉ :

.....

E-Mail address (nếu có)

Số Fax (Nếu có)

4-Hiện là :

-Chức sắc Thiên Phong :

-Chức sắc Ban Thế Đạo

(Hiền Tài) :

-Quyền Khâm Châu Đạo :

Đang hành Đạo tại

-Quyền Đầu Tộc Đạo :

Đang hành Đạo tại

-Chức việc Bàn Trị Sự :

Đang hành Đạo tại

(Hai vị)

Nay tôi đứng ra tiến cử (họ và tên)sinh

ngàythángnămtại

là người có đủ tư cách về Hạnh kiểm và Đạo đức gia nhập vào Ban Thế Đạo Hải Ngoại với danh hiệu Hiền Tài Dự Phong.

Tờ Tiến cử này dùng cho Dương sự bổ túc Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

....., ngày tháng năm 2000

Ký tên

***Ghi chú :**

-Nếu là Chức việc Bàn Trị Sự, phải có đủ chữ ký của hai vị Tiến cử.

-Đánh dấu (x) vào ô thích hợp.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Thất Thập Niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH
-***-

(Mẫu HT6/1)

PHIẾU GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO
(*HIỂN TÀI DỰ PHONG*)

1-Họ và tên: Năm sinh Nơi sinh

2-Địa chỉ

Điện thoại

E-Mail Address (nếu có) Số fax (nếu có) ..

3-Tên họ cha: Tên họ mẹ:

4-Quốc Tịch:

5-Trình độ văn hóa, chuyên môn

6-Ngoại ngữ: Anh Pháp Ngoại ngữ khác (Ghi rõ)

7-Cấp bậc, chức vụ..... (Nếu có)

8-Tình trạng gia cảnh.: Độc thân Có gia đình

Tôi xác nhận đã nộp Hồ sơ Ứng viên Hiển Tài Ban Thế Đạo Khóa VI (Biên nhận đính kèm) và đề nghị Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại-Ban Thế Đạo chấp thuận cho tôi tham gia vào Ban

Thế Đạo với tư cách Hiền Tài Dự Phong để có cơ hội đóng góp công quả cho Đạo.

Tôi cam đoan tuân hành Quy Chế áp dụng cho Hiền Tài Dự Phong và cam kết hoàn toàn tuân lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định v.v.....) quyết định phẩm vị Hiền Tài của tôi về sau này.

..... ngày. tháng năm ..

Ký tên

Đính kèm:

-Biên nhận Nộp Hồ sơ

.....
.....
..
.....

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thất Thập Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

(Mẫu HT6/2)

PHIẾU CAM ĐOAN

1-Họ và tên: Năm sinh

... Nơi sinh

2- Quốc tịch: 3- Địa chỉ :

..... Điện Thoại

E-Mail address (Nếu có)

Số Fax (Nếu có)

4- Trình độ văn hóa: Chuyên môn ...

5- Ngoại ngữ: Anh Pháp Ngoại
ngữ khác

6- Cấp bậc, chức vụ (Trước năm 1975)

7- Tình trạng gia cảnh : Độc thân Có gia đình ...

8-Con của Ông và Bà

Tôi xác nhận là đã nộp Hồ Sơ Ứng Viên Hiền Tài Ban Thế
Đạo (Khóa VI) và Vị Chức Sắc đứng ra tiến cử cho tôi lúc bấy
giờ là :

1-

2-

vào Ban Thế Đạo với tư cách Hiền Tài Dự Phong để có cơ hội đóng góp công quả cho Đạo.

Tôi cam đoan tuân hành Quy Chế áp dụng cho Hiền Tài Dự Phong và cam kết tuân lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định v.v.) quyết định phẩm vị Hiền Tài của tôi về sau này.

.....ngày tháng năm

Ký tên,



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

Fax: (408) 272-2202 • E-mail: SandyDenta@aol.com

SANDY DENTAL P.C., hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều BS Nha Khoa Việt Nam hơn 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Địa điểm thuận tiện, trung tâm thành phố San Jose, gần Fwy 101, 280, 680, toạ lạc giữa 1 vườn cây, khu th- tú, góc đường với parking rộng rãi.

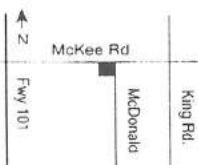
- Trang thiết bị tối tân và vệ sinh tối đa
- Nước dùng thật tinh khiết.
- 1 bộ dụng cụ riêng cho mỗi bệnh nhân.

Đặc Biệt:

- Pokemon Game cho trẻ em và Cable TV
- Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75
- Thay các trám chi để hợp màu với răng
- Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã. Có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.



** Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng



**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA - MASTER CARD**



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi Lacey, giữa 101 & đường King)
(408) 272-3999

COUPON

• Tẩy Trắng Răng
(Tooth Whitening)

\$75

Giá bình thường \$300

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi Lacey, giữa 101 & đường King)
(408) 272-3999

COUPON

• Khám Tổng Quát
• X-rays
• Làm Sạch Răng (Cleaning)

\$25

Giá bình thường \$100

Giá trị chỉ dành cho 30 phút làm sạch răng

B.B.Q.

Bánh Mì số 1 Inc.

Restaurant & Food to Go



**Đủ các món ăn 3 miền.
Nhận Đặc Tiệc- Giao Tận Nhà.**

**Nhà Hàng Sạch Sẽ Vệ-Sinh, Món Ăn
Tinh Khiết**

**Chủ nhân: Ông Bà Huỳnh Long Vân rất
vui mừng được tiếp đón đồng hương,
đồng đạo**

**9812 Bolsa Ave, # 102
Westminster, CA 92683
(Trong khu Chợ Little Saigon)
Tel # 714-775-8834**



CENTURY COLLISION & SERVICE CENTER

"Your Complete Auto Body & Service Center"
60 Stockton Avenue • San Jose, CA 95126
Tel: (408) 288-8856
Fax: (408) 288-8855



**CHUYÊN SỬA CHỮA, SON, LÀM ĐỒNG
CÁC LOẠI XE MỸ VÀ NGOẠI QUỐC**

AUTO BODY SHOP:

- Làm đồng
- Kéo sườn
- Sơn
- Thay kiếng
- Bọc nệm, thảm

★

ĐẶC BIỆT: CÓ PHÒNG SON
HẤP VÀ MÁY MÓC, DUNG CỤ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN.

AUTO REPAIR:

- Rebuilt máy, Carburetor, Transmission
- Tune Up
- Làm thắng, tiện đĩa
- Hệ thống điện, máy lạnh, máy suối.
- Thay nhớt (máy & hộp số)
- Có bán vỏ xe cũ, và lốp xe.
- Balance bánh xe bằng computer.

MUFFLER

(ống bộ)

**có hàn, thay gắn
Muffler (ống bộ)
các loại xe Mỹ
và Ngoại Quốc**

Cung Chúc

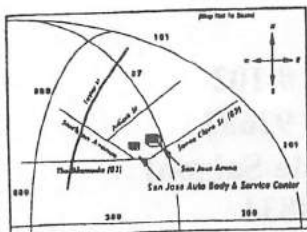


★ ĐẶC BIỆT: Tân Xuân

- SMOG CHECK, BRAKE + LAMP CHECK STATION
- 4 WHEEL ALIGNMENT
- NHẬN DỊCH XUÂN VỀ BỐT 10%

- Bớt Deductible tùy theo job
- Kéo xe miễn phí

- Tiền công được bớt tối đa cho quý khách
- Nhận Visa - Mastercard



TIÊU CHUẨN:

- TÍN NHIỆM
- KỸ LƯỜNG
- THÀNH THẬT
- GIÁ PHẢI CHĂNG

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM 6 THÁNG HOẶC 6,000 MILES

Mở cửa 6 ngày trong tuần
Từ 9 AM - 6 PM
Nghỉ ngày Chủ Nhật

*Chữ Nhân
Kính Mời*



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S.
TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116
(408) 923-8272

(Cạnh Alexian brothers Hospital gần Alum Rock Ave. và Mc Kee Rd. - có thể đến bằng đường Mexican Drive và mặt tiền phòng mạch trong ra đường này - Tiền đường xe Bus 70, 74 và 81)

Giờ làm việc:

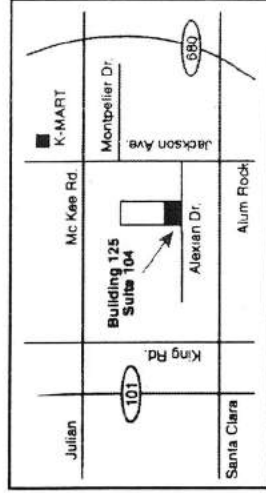
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm
Ngày Thứ Tu & Chủ Nhật



Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
Được giải thưởng xuất sắc về lâm răng giả các loại.
Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.
Được giải thưởng về "Need, character and scholarship"
Nguyễn là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chú Quân.

Với sự cộng tác của bác sĩ nha khoa SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, kang trang, rộng rãi.
Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền tốt.
Các bác sĩ luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.
Có thể đậu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe rần của khu Jackson Medical Center.



KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại/ hoặc Fax : 408-238-6547